BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
Số: 1807 /QĐ-ĐHCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Cần Thơ, ngày 27 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thưởng bài báo được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong danh mục WEB OF SCIENCE năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 566/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thưởng bài báo được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong danh mục WEB OF SCIENCE năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 784/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Giám đốc Tòa soạn Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thưởng bài báo được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong danh mục WEB OF SCIENCE năm 2022 gồm 529 bài báo, với mức thưởng 2.650.000 đồng/bài.

Điều 2. Phòng Quản lý Khoa học, Tòa soạn Tạp chí Khoa học tổ chức rà soát danh mục bài báo được thưởng, Phòng Tài chính thực hiện thủ tục cấp kinh phí thưởng bài báo từ ngân sách nhà nước được cấp năm 2023 theo quy định.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Tòa soạn Tạp chí Khoa học, Phòng Tài chính chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLKH.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Hà Thanh Toàn

DANH MỤC THƯỞNG BÀI BÁO
ĐƯỢC CÔNG BỐ TRÊN TẠP CHÍ KHOA HỌC QUỐC TẾ UY TÍN
TRONG DANH MỤC WEB OF SCIENCE NĂM 2022

(Đính kèm Quyết định số 1807/QĐ-ĐHCT ngày 27/4/2023)

STT	Tên bài báo	Tác giả	Tác giả đại diện nhận thưởng
1	Machine-learning and high-throughput studies for high-entropy materials	E-Wen Huang[abc]; 002098 - Lâm Tú Ngọcabcg; Wen-Jay Leede; Sudhanshu Shekhar Singhf; Poresh Kumarf; Chih-Yu Leed; Hsu-Hsuan Chinabc; Bi-Hsuan Ling; Peter K. Liawi;	002098 - Lâm Tú Ngọc
2	Dual and Sequential Locked/Unlocked Photochromic Effects on FRET Controlled Singlet Oxygen Processes by Contracted/Extended Forms of Diarylethene-Based [1]Rotaxane Nanoparticles	Trang Manh Khang[a]; 002086 - Phạm Quốc Nhiênab ; 000019 - Bùi Thị Bửu Huêb; Tu Thi Kim Cuca; Chang-Ching Wengc; Chia-Hua Wua; Judy I. Wud; Yaw-Kuen Libe; Hong-Cheu Linae;	002086 - Phạm Quốc Nhiên
3	A novel IRAK4/PIM1 inhibitor ameliorates rheumatoid arthritis and lymphoid malignancy by blocking the TLR/MYD88-mediated NF-κB pathway	Sae-BomYoon[a b]; 001743 - Trần Quang Đệa; Hyowon Honga; Hee-Jong Lima; Ji Hye Choia; Yoon Pyo Choic; Seong Wook Seoc; Hyuk Woo Leec; Chong Hak Chaea; Woo-Kyu Parka; Hyun Young Kima; Daeyoung Jeonga; Chang-Seon Myungb; Hee-yeong Choa;	001743 - Trần Quang Đệ
4	Highly stretchable, tough, healable and mechanoresponsive polyurethane elastomers for flexible capacitor applications	Amir Khan[a] (National Yang Ming Chiao Tung University, Taiwan); 002086 - Phạm Quốc Nhiênad (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Chuan-Fu Wanga (National Yang Ming Chiao Tung University, Hsinchu 300, Taiwan); Ravinder Reddy Kisannagarb (Indian Institute of Technology Bombay, Powai, Mumbai, Maharashtra 400076, India); Wei-Tsung Chuangc; Sadiq Mahmoodae (National Yang Ming Chiao Tung University, Hsinchu 300, Taiwan); Monica Katiyare (Indian Institute of Technology Kanpur, Kanpur, Uttar Pradesh 208016, India); Dipti Guptab (Indian Institute of Technology Bombay, Powai, Mumbai, Maharashtra 400076, India); Kung-Hwa Weia (National Yang Ming Chiao Tung University, Taiwan); Hong-Cheu Linaf;	002086 - Phạm Quốc Nhiên
5	Sustainability analysis of methane-to-hydrogen-to-ammonia conversion by integration of high-temperature plasma and non-thermal plasma processes	jose.osorio-tejada@warwick.ac.uk - Jose Osorio-Tejada[ag] (School of Engineering, University of Warwick, United Kingdom); 002052 - Trần Nam Nghiệp[bd] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); kevin.vantveer@uantwerpen.be -	002052 - Trần Nam Nghiệp

		Kevin van't Veer[c] (Department of Chemistry, Research Group PLASMANT, University of Antwerp, Universiteitsplein 1, 2610 Antwerp, Belgium); long.nguyen@warwick.ac.uk - Nguyen Van Duc Long[ab] (School of Engineering, University of Warwick, United Kingdom); Laurent Fulcherie (MINES ParisTech, PSL-Research University, PERSEE, Sophia-Antipolis, France); Bhaskar S. Patilf (EU Process Development and Circularity, PSP and HC R&D, The Dow Chemical Company, Hoek, The Netherlands); Annemie Bogaertsc (Department of Chemistry, Research Group PLASMANT, University of Antwerp, Universiteitsplein 1, 2610 Antwerp, Belgium); volker.hessel@adelaide.edu.au - Volker Hesselab (The University of Adelaide, Australia);	
6	Reversible Ratiometric Mechanochromic Fluorescence Switching in Highly Stretchable Polyurethane Elastomers with Ultratoughness Enhanced by Polyrotaxane	Trang Manh Khanga; 002086 - Phạm Quốc Nhiênab ; 000019 - Bùi Thị Bửu Huêb; Tu Thi Kim Cuca; Chang-Ching Wengc; Chia-Hua Wua; Judy I. Wud; Yaw-Kuen Libe; Hong-Cheu Linae; Rong Huanga (Key Laboratory of Polar Materials and Devices, Ministry of Education, East China Normal University, ShangHai 200241, P. R. China and Nanostructures Research Laboratory, Japan Fine Ceramics Center, Nagoya 456-8587, Japan); Amir Khana (National Yang Ming Chiao Tung University, Taiwan); Wei-Tsung Chuangb; Tu Thi Kim Cuca; 000019 - Bùi Thị Bửu Huêc (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Kung-Hwa Weiae (National Yang Ming Chiao Tung University, Taiwan); Yaw-Kuen Lide; Hong-Cheu Linae;	002086 - Phạm Quốc Nhiên
7	Development and characterization of a controlled low-strength material produced using a ternary mixture of Portland cement, fly ash, and waste water treatment sludge	Lanh Si Ho[ab]; 002507 - Huỳnh Trọng Phướce (K. Kỹ thuật Xây dựng - Trường Bách khoa); stcrdctu@gmail.com - Bo-Jyun Jhangc (National Taiwan University of Science and Technology, No. 43, Sec. 4, Keelung Rd., Taipei 106, Taiwan); Chao-Lung Hwangd;	002507 - Huỳnh Trọng Phước
8	Recycled waste medical glass as fine aggregate in low environmental impact concrete: Effects on long-term strength and durability performance	002507 - Huỳnh Trọng Phước[b] (K. Kỹ thuật Xây dựng - Trường Bách khoa); Lanh Si Hoa;	002507 - Huỳnh Trọng Phước
9	Removal of hexavalent chromium	Carlos David Sulistiyo[a]; 002274 - Trần	002274 - Trần

	using durian in the form of rind, cellulose, and activated carbon: Comparison on adsorption performance and economic evaluation	Nguyễn Phương Lan[m] (K. Kỹ thuật Cơ khí - Trường Bách khoa); Kuan-Chen Cheng[bcde]; Henoch Jaya Su'andia; Maria Yulianaaf ; Chang-Wei Hsiehgh; Suryadi Ismadjiaf (bDepartment of Chemical Engineering, Widya Mandala Surabaya Catholic University, Kalijudan 37, Surabaya 60114, Indonesia); Artik Elisa Angkawijayai; Alchris Woo Goj; Hsien Yi Hsukl; Shella Permatasari Santosoaf;	Nguyễn Phương Lan
10	Critical elements: opportunities for microfluidic processing and potential for ESG-powered mining investments	Tu Nguyen Quang Le[a] (b Faculty of Chemical Engineering, Ho Chi Minh City University of Technology, Ho Chi Minh City, Vietnam); 002052 - Trần Nam Nghiệpab (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); Quy Don Trana (School of Chemical Engineering and Advanced Materials, University of Adelaide, Australia.); William Skinnerc (Future Industries Institute, University of South Australia, Australia); Michael Goodsiteae; Craig Priestc (Future Industries Institute, University of South Australia, Australia); Carl Spandlerdh (Australian Critical Minerals Research Centre, the University of Adelaide, Australia); Nigel John Cookdef (School of Civil, Environmental and Mining Engineering, University of Adelaide, Australia); Volker Hesselag;	002052 - Trần Nam Nghiệp
11	Sustainability of green solvents – review and perspective	Volker Hessel[ab]; 002052 - Trần Nam Nghiệp[ac] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); Mahdieh Razi Asrami[d]; Quy Don Tran[a] (School of Chemical Engineering and Advanced Materials, University of Adelaide, Australia.); long.nguyen@warwick.ac.uk - Nguyen Van Duc Long[ab] (School of Engineering, University of Warwick, United Kingdom); Marc Escribà-Gelonch[e] (Laboratoire de Génie des Procédées Catalytiques, Centre National de la Recherche Scientifique (CNRS), Centre National de la Recherche Scientifique, 75794 Paris cedex 16, France); Jose Osorio Tejada[b] (School of Engineering, University of Warwick, Coventry CV4 7AL, United Kingdom); Steffen Linke[f] (Process Systems Engineering, Otto von Guericke University of Magdeburg, Magdeburg, Germany); Kai Sundmacher [fg](Process Systems Engineering, Max Planck Institute for Dynamics of Complex	002052 - Trần Nam Nghiệp

		Technical Systems, Magdeburg, Germany);	
12	Monitoring riverine traffic from space: The untapped potential of remote sensing for measuring human footprint on inland waterways	magdalena.smigaj@wur.nl - Magdalena Smigaj[ab] (Laboratory of Geo-Information Science and Remote Sensing, Wageningen University & Research); 001560 - Văn Phạm Đăng Trí[d] (VP. Viện NCBĐ Khí hậu - Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu); christopher.hackney@newcastle.ac.uk - Christopher R.Hackney[b] (School of Geography, Politics and Sociology, Newcastle University); 002448 - Phan Kiều Diễm[c] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); Nguyen Thi Ngoc[e] (National Center for Water Resources Planning and Investigation (NAWAPI), Ministry of Natural Resources and Environment (MONRE)); Bui Du Duong[e] (National Center for Water Resources Planning and Investigation (NAWAPI), Ministry of Natural Resources and Environment (MONRE)); Stephen E. Darby[f]; Julian Leyland[f] (School of Geography and Environmental Science, University of Southampton);	001560 - Văn Phạm Đăng Trí
13	Occurrence and distribution of microplastics in peatland areas: A case study in Long An province of the Mekong Delta, Vietnam	Minh KyNguyen[abc]; 002204 - Nguyễn Khởi Nghĩa[e] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); Chitsan Lin[ac]; Nguyen Tri QuangHung[b]; Dai-Viet N.Vo[d]; Bui Thi PhuongThuy[f]; Hong GiangHoang[g]; Huu TuanTran[hi];	002204 - Nguyễn Khởi Nghĩa
14	Synthesis of cellulose-g-poly(acrylic acid) with high water absorbency using pineapple-leaf extracted cellulose fibers	001675 - Đoàn Văn Hồng Thiện[a] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); 001920 - Văn Phạm Đan Thủy[a] (Ban Quản lý Dự án ODA Trường Đại học Cần Thơ - Ban Quản lý Dự án ODA TĐHCT); Duc-Ninh Lam[a]; Huynh Ngoc Diem[ac]; Thi Yen Nhu Pham[b]; Nhat Quang Bui[a] ; Ta Nguyen Thanh Truc[a];	001675 - Đoàn Văn Hồng Thiện
15	Thermally stable cellulose nanospheres prepared from office waste paper by complete removal of hydrolyzed sulfate groups	Duc-Ninh Lam[â]; 001920 - Văn Phạm Đan Thủy[a] (Ban Quản lý Dự án ODA Trường Đại học Cần Thơ - Ban Quản lý Dự án ODA TĐHCT); 001675 - Đoàn Văn Hồng Thiện[a] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); 001941 - Nguyễn Chánh Nghiệm[b] (K. Tự động hóa - Trường Bách khoa); 002099 - Nguyễn Thị Tuyết Nhung[c] (BM. SP Hóa học - Khoa Sư phạm); Nguyễn Văn Việt[a];	001920 - Văn Phạm Đan Thủy
16	How do disparate urbanization and	Nguyễn Trọng Cần[ab]	002448 - Phan

	climate change imprint on urban thermal variations? A comparison between two dynamic cities in Southeast Asia	amnat@jgsee.kmutt.ac.th - Amnat Chidthaisong [ab](King Mongkut's University of Technology Thonburi, 126 Prachauthit Rd, Bangmod, Tungkru, Bangkok, Thailand 10140.); Atsamon Limsakul[c]; pariwate@gmail.com - Pariwate Varnakovida[d] (Department of Mathematics, King Mongkut's University of Technology Thonburi, 126 Pracha Uthit Rd., Bangmod, Tungkru, Bangkok 10140 Thailand); Chaiwat Ekkawatpanit[e]; 002448 - Phan Kiều Diễm[f] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001289 - Nguyễn Thị Hồng Điệp[f] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	Kiều Diễm
17	Assessment of pollution levels and ecological potential risk of the soil influenced by landfilling in a Vietnamese Mekong Delta province	010072 - Huỳnh Thị Hồng Nhiên (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 002783 - Nguyễn Thanh Giao (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	010072 - Huỳnh Thị Hồng Nhiên
18	Multi-stimuli responsive fluorescence switching behaviours of AIE polymers for acid-base vapour sensing and highly sensitive ferric ion detection	002086 - Phạm Quốc Nhiên [ab](BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); He-Kai Chang[a] (National Yang Ming Chiao Tung University, Taiwan); Tu Thi Kim Cuc[a]; Trang Manh Khang[a]; Chia-Hua Wu[a]; 000019 - Bùi Thị Bửu Huê[b] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Judy I. Wu[c]; Hong-Cheu Lin[ad];	002086 - Phạm Quốc Nhiên
19	Zoonotic pathogens and diseases detected in Vietnam, 2020-2021	Long Pham-Thanh[a] (Department of Animal Health, Ministry of Agriculture and Rural Development, Hanoi, Vietnam); 002361 - Nguyễn Vĩnh Trung[cg] (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); Thu Van Nhu[b] (Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO), Country Office for Vietnam, Hanoi, Vietnam); Khang Vuong Tran[c] (Oxford University Clinical Research Unit, Ho Chi Minh City, Vietnam); Khanh Cong Nguyen[d] (National Institute of Hygiene and Epidemiology, Ministry of Health, Hanoi, Vietnam); Huong Thi Nguyen[e] (General Department of Preventive Medicine, Ministry of Health, Hanoi, Vietnam); Ngô Thị Hoa[cfh] (OXford univeristy clinical research unit, hospital for tropical diseases, HCM city, VN); Pawin Padungtod [b](Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO), Country Office for Vietnam,	002361 - Nguyễn Vĩnh Trung

		Hanoi, Vietnam);	
20	Facile synthesis of superparamagnetic thiamine/Fe3O4 with enhanced adsorptivity toward divalent copper ions	002274 - Trần Nguyễn Phương Lan[a] (K. Kỹ thuật Cơ khí - Trường Bách khoa); Artik Elisa Angkawijaya[b]; Quoc Nam Ha[c]; Yen Nhi Tran-Chuong[c]; Alchris Woo Go[b]; Vania Bundjaja[c]; Chintya Gunarto[cd]; Shella Permatasari Santoso[cd]; Yi-Hsu Ju[cbe] (Department of Chemical Engineering, National Taiwan University of Science and Technology, 43 Keelung Rd., Sec. 4, Taipei 106-07, Taiwan);	002274 - Trần Nguyễn Phương Lan
21	The influence of climate change knowledge on consumer valuation of sustainably produced rice in Vietnam	Melanie Connor[a] (International Rice Research Institute (IRRI), DAPO box 7777, Metro Manila 1301, Philippines); 002502 - Ong Quốc Cường[b] (K. Quản trị Kinh doanh - Trường Kinh tế); Matty Demont[a] (International Rice Research Institute, Philippines); Bjoern Ole Sander[c] (International Rice Research Institute, Hanoi, Vietnam); Katherine Nelson[c] (International Rice Research Institute, Hanoi, Vietnam);	002502 - Ong Quốc Cường
22	Sterile alpha and TIR motif-containing protein 1 is a negative regulator in the anti-bacterial immune responses in nile tilapia (Oreochromis niloticus)	002919 - Nguyễn Bảo Trung[ab] (BM. Bệnh học thủy sản - Khoa Thủy sản); Nguyễn Tấn Phát[a] (Viện Công nghệ Hóa học); Hao-Yun Hsueh[a] (Department of Aquaculture, National Taiwan Ocean University, Keelung, Taiwan); lohjy@ucsiuniversity.edu.my - Jiun-Yan Loh[c] (Centre of Research for Advanced Aquaculture (CORAA), UCSI University, Kuala Lumpur, Malaysia); eakapol.w@msu.ac.th - Eakapol Wangkahart[d] (Faculty of Technology, Mahasarakham University, Khamriang Sub-District, Mahasarakham, Thailand); Alice Sui Fung Wong[a] (Department of Aquaculture, National Taiwan Ocean University, Keelung, Taiwan); leepotsang@email.ntou.edu.tw - Po-Tsang Lee[a] (National Taiwan Ocean University);	002919 - Nguyễn Bảo Trung
23	Reversible fluorescence and Fo¨rster resonance energy transfer switching behaviours of bistable photo-switchable [c2] daisy chain rotaxanes and photo-patterning applications	002086 - Phạm Quốc Nhiên[ab] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 000019 - Bùi Thị Bửu Huê[b] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Jia-Huei Tien[a] (National Yang Ming Chiao Tung University, Hsinchu 300, Taiwan); Tu Thi Kim Cuc[a]; Trang Manh Khang[a]; thanhtrung293@gmail.com - Nguyen Thanh Trung[a] (Faculty of Materials Technology, Ho Chi Minh City University of Technology); Chia-Hua Wu[a]; Judy I. Wu[c]; Hong-Cheu Lin[acd] (National Yang	002086 - Phạm Quốc Nhiên

		Ming Chiao Tung University, Hsinchu 300, Taiwan);	
24	Model for deep learning-based skill transfer in an assembly process	kjwang@mail.ntust.edu.tw - Kung-Jeng Wang[a]; 002347 - Nguyễn Hồng Phúc[b] (K. Quản lý Công nghiệp - Trường Bách khoa); juniasrini@ukwms.ac.id - Luh Juni Asrinia[a]; Lucy Sanjayaa[a];	002347 - Nguyễn Hồng Phúc
25	Climate change impacts on rice-based livelihood vulnerability in the lower Vietnamese Mekong Delta: Empirical evidence from Can Tho City and Tra Vinh Province	Dung DucTran[ab]; 002443 - Võ Hồng Tú[e] (BM. Kinh tế - Xã hội Nông thôn - Khoa Phát triển Nông thôn); edward.park@nie.edu.sg - Edward Park[a]; Huynh Thi Ngoc Tuoi[cd]; Nguyễn Đức Thiên[b]; ngocpham@hcmuaf.edu.vn - Phạm Thị Ánh Ngọc[f]; Can Thu Van[g]; kimlong_phm@tvu.edu.vn - Phạm Kim Long[h] (Bộ môn Kỹ thuật môi trường, khoa Nông nghiệp - Thủy sản, trường đại học Trà Vinh); Huu Loc Ho[i]; cnxquang@hcmut.edu.vn - Châu Nguyễn Xuân Quang (Trung tâm Quản lý nước và Biến đổi khí hậu, ĐHQGHCM);	002443 - Võ Hồng Tú
26	Engineering and creep performances of green super-sulfated cement concretes using circulating fluidized bed combustion fly ash	002378 - Nguyễn Hoàng Anh[ab] (BM. Công nghệ Nông thôn - Khoa Phát triển Nông thôn); Ta-Peng Chang[b]; Chun-Tao Chen[b] ; Tsung-Yuan Huang[b];	002378 - Nguyễn Hoàng Anh
27	Experimental investigation on the performance of concrete incorporating fine dune sand and ground granulated blast-furnace slag	002507 - Huỳnh Trọng Phước[a] (K. Kỹ thuật Xây dựng - Trường Bách khoa); Lanh Si Ho[b]; Quan Van Ho[c];	002507 - Huỳnh Trọng Phước
28	Turning incinerator waste fly ash into interlocking concrete bricks for sustainable development	002507 - Huỳnh Trọng Phước[c] (K. Kỹ thuật Xây dựng - Trường Bách khoa); May Huu Nguyen[ab];	002507 - Huỳnh Trọng Phước
29	Acquisition of hypoxia inducibility by oxygen sensing N-terminal cysteine oxidase in spermatophytes	Daan A Weits [a,b,c] (Sant'Anna School of Advanced Studies); Lina Zhou [a,d,e](RWTH Aachen University); Beatrice Giuntoli [b,f] (Sant'Anna School of Advanced Studies); Laura Dalle Carbonare [b] (Sant'Anna School of Advanced Studies); Sergio Iacopino [b,f,g] (Sant'Anna School of Advanced Studies); Luca Piccinini [b] (Sant'Anna School of Advanced Studies); Lara Lombardi [f] (Sant'Anna School of Advanced Studies); Vinay Shukla [h](Sant'Anna School of Advanced Studies); 002869 - Bùi Thanh Liêm [b,i] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Giacomo Novi [b] (Sant'Anna School of Advanced Studies); Joost T. van Dongen [a] (RWTH Aachen University, Germany);	002869 - Bùi Thanh Liêm

		Francesco Licausi [f,b,g] (University of Oxford, Oxford, UK);	
30	Decays h → e_a e_b, e_b → e_a γ, and (g − 2)_{e,μ} in a 3-3-1 model with inverse seesaw neutrinos	Trịnh Thị Hồng[a] (Đại học An Giang); 001075 - Nguyễn Thanh Phong[b] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); NGuyễn Hứa Thanh Nhã[b] (Học viên Cao học,Trường ĐH Cần Thơ); lthue@iop.vast.vn - Lê Thọ Huệ[cd] (Institute of Research and Development, Duy Tan University, Da Nang City, Vietnam; Institute of Physics, Vietnam Academy of Science and Technology, 10 Dao Tan, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam.); L T T Phuong[a] (Trường Đại học An Giang);	001075 - Nguyễn Thanh Phong
31	Low-energy phenomena of the lepton sector in an A4 symmetry model with heavy inverse seesaw neutrinos	001075 - Nguyễn Thanh Phong[a] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Trương Trọng Thúc[b]; Đặng Trung Sĩ[c]; Trịnh Thị Hồng[d] (Đại học An Giang); lthue@iop.vast.vn - Lê Thọ Huệ[ef] (Institute of Research and Development, Duy Tan University, Da Nang City, Vietnam; Institute of Physics, Vietnam Academy of Science and Technology, 10 Dao Tan, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam.);	001075 - Nguyễn Thanh Phong
32	Using morpho-anatomical traits to predict the effect of earthworms on soil water infiltration	Phạm Văn Quang[abc]; 001867 - Nguyễn Thanh Tùng[d] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 009975 - Lâm Hải Đăng[d] (VP. Khoa Sư phạm - Khoa Sư phạm); Capowiez Y[e].; ducanh410@yahoo.com - Nguyễn Đức Anh[f]; Jouquet P[a].; Tran T.M.[b]; Bottinelli N[ab].;	001867 - Nguyễn Thanh Tùng
33	Use of potent acid resistant strains of Rhodopseudomonas spp. in Mn-contaminated acidic paddies to produce safer rice and improve soil fertility	002797 - Nguyễn Quốc Khương[ab] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); Duangporn Kantachote; 002345 - Lê Vĩnh Thúc[b] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); 009767 - Trần Ngọc Hữu[b] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); Trần Chí Nhân[cd]; 002918 - Phan Chí Nguyện[e] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 010027 - Lê Thị Mỹ Thu[b] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); 002260 - Trần Thị Bích Vân[b] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); nttxxuan@agu.edu.vn - Nguyễn Thị Thanh Xuân[cd]; 002700 - Đỗ Thị Xuân[f] (BM. Công nghệ Vi sinh vật - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Lý Ngọc Thanh Xuân[cd];	002797 - Nguyễn Quốc Khương
34	Evaluation on comprehensive properties and bonding performance of practical slag-fly	001812 - Trần Vũ An[a] (K. Kỹ thuật Xây dựng - Trường Bách khoa); 002378 - Nguyễn Hoàng Anh[b] (BM. Công nghệ	001812 - Trần Vũ An

	ash blending based alkali-activated material	Nông thôn - Khoa Phát triển Nông thôn);	
35	Waste incineration bottom ash as fine aggregate in mortar: An assessment of engineering properties, durability, and microstructure	002507 - Huỳnh Trọng Phước[a] (K. Kỹ thuật Xây dựng - Trường Bách khoa); Si-Huy Ngo[b];	002507 - Huỳnh Trọng Phước
36	Enhanced photodegradation toward graphene–based MgFe2O4–TiO2: Investigation and optimization	002714 - Thiều Quang Quốc Việt[abcd] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); Ha Huu Tan Phong[abc]; bathinh2000@gmail.com - Doan Ba Thinh[abc]; nguyengiang@ump.edu.vn - Nguyễn Thị Hương Giang[abc] (Khoa Dược, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh); nguyenminhdat@hcmut.edu.vn - Nguyen Minh Dat[abc]; hai.nguyen81@hcmut.edu.vn - Nguyen Duy Hai[abc]; mtphong@hcmut.edu.vn - Mai Thanh Phong[abc]; nhhieu@nomail.com - Nguyen Huu Hieu[abc] (Faculty of Chemical Engineering, Ho Chi Minh City University of Technology, Vietnam);	002714 - Thiều Quang Quốc Việt
37	Sensitivity of cholinesterase activity in juvenile giant freshwater prawn (Macrobrachium rosenbergii de Man, 1879) to organophosphate diazinon	000407 - Nguyễn Văn Công[a] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 002783 - Nguyễn Thanh Giao[a] (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001802 - Bùi Thị Bích Hằng[b] (BM. Bệnh học thủy sản - Khoa Thủy sản);	000407 - Nguyễn Văn Công
38	Frequent contamination of edible freshwater fish with colistin-resistant Escherichia coli harbouring the plasmid-mediated mcr-1 gene	001796 - Trần Thị Tuyết Hoa[a] (BM. Bệnh học thủy sản - Khoa Thủy sản); Tatsuya Nakayama[b]; 009769 - Hồng Mộng Huyền[a] (BM. Bệnh học thủy sản - Khoa Thủy sản); Doan Tran Nguyen Minh[c]; Nguyễn Hoàng Oanh[c]; Lê Thị Hiền[c]; Ngo Thanh Phong[c]; Hoang Hoai Phuong[c]; Takahiro Yamaguchi[d]; Michio Jinnai[e]; Nguyen Do Phuc[c] ; Dang Van Chinh[c]; Yuko Kumeda[f]; Atsushi Hase[g];	001796 - Trần Thị Tuyết Hoa
39	Silk fibroin hydrogel containing Sesbania sesban L. extract for rheumatoid arthritis treatment	002848 - Phạm Duy Toàn[a] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Nguyễn Thị Phương Thảo[b]; Bùi Thị Phương Thúy[c]; tvde@ctump.edu.vn - Trần Văn Đệ[d]; 002782 - Nguyễn Quốc Châu Thanh[a] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Nguyễn Ngọc Nhã Thảo[d];	002848 - Phạm Duy Toàn
40	Recent progress in oxidation behavior of high-entropy alloys: A review	Poresh Kumar[abcd]; 002098 - Lâm Tú Ngọc[bce] (BM. SP Vật lý - Khoa Sư phạm); Pawan Kumar Tripathi[f]; Sudhanshu Shekhar Singh[c]; Peter K. Liaw[f]; E-Wen Huang[abd];	002098 - Lâm Tú Ngọc

41	Resilience of various innovative water management practices: The case of rice production in the Vietnamese Mekong Delta floodplains	002781 - Nguyễn Thanh Bình[a] (BM. Phát triển Nông nghiệp - Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long); 002912 - Lê Vân Thủy Tiên[b] (VP. Viện ĐBSCL - Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long); Luu Thi Tang[b]; Nguyễn Minh Tú[c]; Trần Đức Dũng[bd] (Center of Water Management and Climate Change, Institute for Environment and Resources, Vietnam National University);	002781 - Nguyễn Thanh Bình
42	Quantification of Vitamins, Minerals, and Amino Acids in Black Walnut (Juglans nigra)	Salma A. Antora[a]; 002363 - Hồ Khánh Vân[bcde] (BM. Công nghệ Sau thu hoạch - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Chung-Ho Lin[bf]; Andrew L. Thomas[g]; Sarah T. Lovell[bf]; Kiruba Krishnaswamy[ah];	002363 - Hồ Khánh Vân
43	Phenotypic but no genetic adaptation in zooplankton 24 years after an abrupt +10°C climate change	Antónia Juliana Pais-Costa [ab](CEFE, CNRS, Univ Montpellier, Univ Paul Valéry Montpellier 3, EPHE, IRD, Montpellier 34293, France 2Marine and Environmental Sciences Centre (MARE), Faculty of Sciences and Technology, University of Coimbra, Coimbra 3004-517, Portugal); 000785 - Nguyễn Văn Hòa[h] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); thomas.lenormand@cefe.cnrs.fr - Thomas Lenormand[a] (CEFE, CNRS, Univ Montpellier, Univ Paul Valéry Montpellier 3, EPHE, IRD, Montpellier 34293, France); Eva J. P. Lievens[ac] (Aquatic Ecology and Evolution, Department of Biology, University of Konstanz, Konstanz 78464, Germany); Stella Redón[ad] (Department of Wetland Ecology, Estación Biológica de Doñana-CSIC, Sevilla 41092, Spain); Marta I. Sánchez[de] (Departamento de Biología Vegetal y Ecología, Facultad de Biología, Universidad de Sevilla, Sevilla 41012, Spain); Roula Jabbour-Zahab[a] (CEFE, CNRS, Univ Montpellier, Univ Paul Valéry Montpellier 3, EPHE, IRD, Montpellier 34293, France); Pauline Joncour[f] (CNRS, Université de Rennes 1, ECOBIO (écosystème, biodiversité, évolution) - UMR 6553, Rennes 35042, France); Gilbert Van Stappen[i] (Bỉ);	000785 - Nguyễn Văn Hòa
44	Microstructure evolution in high-pressure phase transformations of CrFeNi and CoCrFeMnNi alloys	Chun-Chieh Wang[abc]; 002098 - Lâm Tú Ngọc[ef] (BM. SP Vật lý - Khoa Sư phạm); Ji-Heng Chen[ade]; Jien-Wei Yeh[bd]; Su-Jien Lin[bd]; Shou-Yi Chang[bd]; Yu-Chieh Lo[be]; Chao-Chun Yen[d]; Kuan-Hao Lin[d]; Chieh-	002098 - Lâm Tú Ngọc

		Min Tseng[d]; Shin-An Chen[a]; Chan-Sheng Wu[a]; Chung-Kai Chang[ae]; Bi-Hsuan Lin[a]; Mau-Tsu Tang[a]; Hwo-Shuenn Sheu[a]; Shi-Wei Chen[a]; E-Wen Huang[be];	
45	Identifying SNARE Proteins Using an Alignment-Free Method Based on Multiscan Convolutional Neural Network and PSSM Profiles	Kha Quang Hiền[a] (Ph.D. Student, Taipei Medical University); 002299 - Hồ Quang Thái[bc] (K. Công nghệ Phần mềm - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông); khanhlee87@gmail.com - Lê Nguyễn Quốc Khánh[def] (Yuan Ze University);	002299 - Hồ Quang Thái
46	Investigation of bioactive compounds from Bacillus sp. against protein homologs CDC42 of Colletotrichum gloeosporioides causing anthracnose disease in cassava by using molecular docking and dynamics studies	Narendra Kumar Papathoti[a]; 002417 - Lê Thanh Toàn[e] (K. Bảo vệ thực vật - Trường Nông nghiệp); Kishore Mendam[b]; Bala Hanumath Sriram Kanduri[c]; Wannaporn Thepbandit[a]; Rungthip Sangpueak[a]; Chanon Saengchan[a]; nhhoang2505@gmail.com - Nguyễn Huy Hoàng[a] (6/9 Lê Hồng Phong Phường Bình Thủy Quận Trà Nóc TP Cần Thơ); Vineela Sai Megavath[d]; Madhuri Kurakula[d]; Natthiya Buensanteai[a];	002417 - Lê Thanh Toàn
47	Unexpected structures of the Au17 gold cluster: the stars are shining	001506 - Phạm Vũ Nhật[a] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Nguyen Thanh Si[a]; Vitaly G. Kiselev[bc] (Novosibirsk State University, Novosibirsk, Russia); Andre´ Fielicke[d]; Hung Tan Pham[e]; Minh Tho Nguyen[f];	001506 - Phạm Vũ Nhật
48	Estimating fine melt pool, coarse melt pool, and heat affected zone effects on the strengths of additive manufactured AlSi10Mg alloys	002098 - Lâm Tú Ngọc[ab] (BM. SP Vật lý - Khoa Sư phạm); Andrew Lee[a]; Yu-Ray Chiu[a]; Hsuan-Fan Kuo[a]; Takuro Kawasaki[c]; Stefanus Harjo[c]; Jayant Jain[d]; Soo Yeol Lee[e]; E-Wen Huang[a];	002098 - Lâm Tú Ngọc
49	Effect of poly(ethylene glycol) methacrylate on the ophthalmic properties of silicone hydrogel contact lenses	Nguyen-Phuong-Dung Tran[a]; 002274 - Trần Nguyễn Phương Lan[c] (K. Kỹ thuật Cơ khí - Trường Bách khoa); Ming-Chien Yang[a]; Nur Hasanah[b];	002274 - Trần Nguyễn Phương Lan
50	Semi-Modular Solid-State Transformers with Reduced Count of Components Based on Single-Stage AC/DC Converters	Ngoc Dat Dao[a]; 002866 - Nguyễn Hoàng Vũ[b] (K. Kỹ thuật Điện - Trường Bách khoa); Dong-Choon Lee[c] ;	002866 - Nguyễn Hoàng Vũ
51	Towards sustainable biomass gasification: Evolution of bagasse char characteristics throughout gasification	Hong Nam Nguyen[a]; 002274 - Trần Nguyễn Phương Lan [b](K. Kỹ thuật Cơ khí - Trường Bách khoa); Duy Anh Khuong[a]; Toshiki Tsubota[c];	002274 - Trần Nguyễn Phương Lan
52	Identification of a Saltol-Independent Salinity Tolerance Polymorphism in Rice Mekong Delta Landraces and Characterization of a Promising Line, Doc Phung	002427 - Nguyễn Thành Tâm[ab] (BM. Phát triển Nông nghiệp - Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long); dwiyanti@abs.agr.hokudai.ac.jp - Maria Stefanie Dwiyanti[a] (Research Faculty of Agriculture, Hokkaido University, Japan); Shuntaro Sakaguchi[a] (Research Faculty of Agriculture, Hokkaido University,	002427 - Nguyễn Thành Tâm

		Sapporo 060-8589, Japan); ykoide@abs.agr.hokudai.ac.jp - Yohei Koide[a] (Research Faculty of Agriculture, Hokkaido University, Japan); 000309 - Lê Việt Dũng[c] (K. Di truyền và Chọn giống Cây trồng - Trường Nông nghiệp); nabe@chem.agr.hokudai.ac.jp - Toshihiro Watanabe[a] (Research Faculty of Agriculture, Hokkaido University, Sapporo 060-8589, Japan); kishima@abs.agr.hokudai.ac.jp - Yuji Kishima[a] (Research Faculty of Agriculture, Hokkaido University, Japan);	
53	Grain-size-dependent microstructure effects on cyclic deformation mechanisms in CoCrFeMnNi high-entropy-alloys	Mao-Yuan Luo[a]; 002098 - Lâm Tú Ngọc[ab] (BM. SP Vật lý - Khoa Sư phạm); Pei-Te Wang[a]; Nien-Ti Tsou[a]; Yao-Jen Chang[cd]; Rui Feng[e]; Takuro Kawasaki[f]; Stefanus Harjo[f]; Peter K.Liaw[e]; An-Chou Yeh[cd]; Soo Yeol Lee[g]; Jayant Jain[h]; E-Wen Huang[ad];	002098 - Lâm Tú Ngọc
54	Chemical Composition Analysis and Antioxidant Activity of Coffea robusta Monofloral Honeys from Vietnam	nutrinh28218@gmail.com - Nguyen Thi Nu Trinh[a]; 002868 - Hồ Lệ Thi[d] (K. Bảo vệ thực vật - Trường Nông nghiệp); nguyenngoctuan@iuh.edu.vn - Nguyen Ngoc Tuan[a]; thangtd@iuh.edu.vn - Tran Dinh Thang[a]; z10502016@ncku.edu.tw - Ping-Chung Kuo[b]; thanhngba@iuh.edu.vn - Nguyen Ba Thanh[a]; lenhattam@iuh.edu.vn - Le Nhat Tam[a]; letuoii1808@gmail.com - Le Hong Tuoi[a]; nguyenhadieutrang@iuh.edu.vn - Nguyễn Hà Diệu Trang[a] (nstitute of Biotechnology and Food Technology, Industrial University of Ho Chi Minh Cit); danhvc@tdmu.edu.vn - Vu Cong Danh[c] (Institute of Applied Technology, Thu Dau Mot University, Thu Dau Mot 820000, Vietnam); leanh.ftech@gmail.com - Le Ngoc Anh[e]; nttthuy2@vinamilk.com.vn - Nguyen Thi Thu Thuy[f];	002868 - Hồ Lệ Thi
55	Salinity significantly affects intestinal microbiota and gene expression in striped catfish juveniles	Dang Quang Hieu[a]; 001802 - Bùi Thị Bích Hằng[b] (BM. Bệnh học thủy sản - Khoa Thủy sản); Jep Lokesh[c]; Mutien-Marie Garigliany[d]; 000404 - Đỗ Thị Thanh Hương[b] (BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); 001576 - Dương Thúy Yên[b] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); 000264 - Phạm Thanh Liêm[b] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); 000263 - Bùi Minh Tâm[b] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa	001802 - Bùi Thị Bích Hằng

		Thủy sản); 002775 - Đào Minh Hải[bd] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); 001799 - Võ Nam Sơn[b] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); 000267 - Nguyễn Thanh Phương[b] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); Frédéric Farnir[b]; Patrick Kestemont[e] (University of Namur, Belgium);	
56	May the Vietnam response have reduced daily new cases of COVID-19 in the country?	danhvc@tdmu.edu.vn - Vu Cong Danh[a] (Institute of Applied Technology, Thu Dau Mot University, Thu Dau Mot 820000, Vietnam); 002868 - Hồ Lệ Thi[c] (K. Bảo vệ thực vật - Trường Nông nghiệp); nguyenhadieutrang@iuh.edu.vn - Nguyễn Hà Diệu Trang[b] (nstitute of Biotechnology and Food Technology, Industrial University of Ho Chi Minh Cit);	002868 - Hồ Lệ Thi
57	Binding mechanism and SERS spectra of 5-fluorouracil on gold clusters	Nguyen Thanh Si[a]; 001506 - Phạm Vũ Nhật[a] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Minh Tho Nguyen[bc];	001506 - Phạm Vũ Nhật
58	Spinel Ni-ferrite advanced high-capacity anode for Li-ion batteries prepared via coprecipitation route	002714 - Thiều Quang Quốc Việt[a] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); Weldejewergis Gebrewahid Kidanu[bc]; Hong Diem Nguyen[d]; Truc LinhThi Nguyen[e]; My Loan Phung Le[fgh]; Van Hoang Nguyen[gh]; Dinh Quan Nguyen[hi]; Nhung Thi Tran[j]; Xuan Vien Nguyen[k]; Il Tae Kim[b]; Tuan Loi Nguyen[lm];	002714 - Thiều Quang Quốc Việt
59	Studies on the performance of functionalized Fe3O4 as phosphate adsorbent and assessment to its environmental compatibility	Artik Elisa Angkawijaya[a]; 002274 - Trần Nguyễn Phương Lan[c] (K. Kỹ thuật Cơ khí - Trường Bách khoa); Yen Nhi Tran-Chuong[b]; Quoc Nam Ha[b]; Shella Permatasari Santoso[db]; Vania Bundjaja[b]; Alchris Woo Go[a]; Hsien-Yi Hsu[ef]; Yi-Hsu Ju[abg] (Department of Chemical Engineering, National Taiwan University of Science and Technology, 43 Keelung Rd., Sec. 4, Taipei 106-07, Taiwan);	002274 - Trần Nguyễn Phương Lan
60	Spatial and temporal variabilities of surface water and sediment pollution at the main tidal-influenced river in Ca Mau Peninsular, Vietnamese Mekong Delta	lvmuoitv08@gmail.com - Lê Văn Mười[ab]; csrilert@gmail.com - Chotpantarat Srilert[cd] (Đại học Chulalongkorn, Thái Lan); 001560 - Văn Phạm Đăng Trí[ef] (VP. Viện NCBĐ Khí hậu - Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu); 001299 - Phạm Văn Toàn[e] (BM. Kỹ thuật Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	001560 - Văn Phạm Đăng Trí
61	Determining atmospheric electric fields using MGMR3D	002238 - Trịnh Thị Ngọc Gia[a] (BM. SP Vật lý - Khoa Sư phạm); O. Scholten; S. Buitink[de]; K. D. de Vries[d]; P. Mitra[df]; 001075 - Nguyễn Thanh Phong[g] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); D. T. Si[h];	002238 - Trịnh Thị Ngọc Gia

62	Polyculture of sea grape (Caulerpa lentillifera) with different stocking densities of whiteleg shrimp (Litopenaeus vannamei): Effects on water quality, shrimp performance and sea grape proximate compositio	001798 - Nguyễn Thị Ngọc Anh (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); daviskamaa26@gmail.com - David Kamau Murungu (Can Tho University); 002423 - Lý Văn Khánh (VP. Khoa Thủy sản - Khoa Thủy sản); 000273 - Trần Ngọc Hải (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản);	001798 - Nguyễn Thị Ngọc Anh
63	Impacts of crisis emotions on negative word-of-mouth and behavioural intention: evidence from a milk crisis	002383 - Nguyễn Đinh Yến Oanh[a] (K. Kinh doanh Quốc tế - Trường Kinh tế); Jenny (Jiyeon) Lee[b]; Liem Viet Ngo[c] (University of New South Wales); Tran Ha Minh Quan[d];	002383 - Nguyễn Đinh Yến Oanh
64	Determination of Antioxidant, Cytotoxicity, and Acetylcholinesterase Inhibitory Activities of Alkaloids Isolated from Sophora flavescens Ait. Grown in Dak Nong, Vietnam	Phan Nguyễn Trường Thắng[a]; 002848 - Phạm Duy Toàn[e] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Trần Việt Hùng[a]; Trần Anh Vũ[b]; Nguyễn Ngọc Vinh[c]; Huỳnh Thị Mỹ Duyên[d];	002848 - Phạm Duy Toàn
65	Growth and survival of crossbreeds between wild and domestic strains of Mekong Delta bighead catfish (Clarias macrocephalus Günther, 1864) cultured in tanks	001576 - Dương Thúy Yên[a] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); 009820 - Nguyễn Thị Ngọc Trân[a] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); Nguyen Thanh Tuan[ab]; httlyhg@gmail.com - Huỳnh Thị Trúc Ly[ac]; 000263 - Bùi Minh Tâm[a] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); 000264 - Phạm Thanh Liêm[a] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); Rex Dunham[d];	001576 - Dương Thúy Yên
66	In situ measurement of fish color based on machine vision: A case study of measuring a clownfish's color	001941 - Nguyễn Chánh Nghiệm[a] (K. Tự động hóa - Trường Bách khoa); B1709233 - Nguyễn Lâm Hồng Ngọc[a] (Trường Bách khoa); 002753 - Hứa Thái Nhân[b] (P. Hợp tác quốc tế - Phòng Hợp tác Quốc tế); 001062 - Nguyễn Chí Ngôn[a] (K. Tự động hóa - Trường Bách khoa); Võ Văn Thoại[a] (Trường Bách Khoa);	001941 - Nguyễn Chánh Nghiệm
67	Optimizing Anthocyanin-Rich Black Cane (Saccharum sinensis Robx.) Silage for Ruminants Using Molasses and Iron Sulphate: A Sustainable Alternative	009678 - Ngô Thị Minh Sương[ab] (K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp); Siwaporn Paengkoum[c]; Rayudika Aprilia Patindra Purba[a]; Pramote Paengkoum[a];	009678 - Ngô Thị Minh Sương
68	Controllable FRET processes towards ratiometric Fe3+ ion sensor of pseudo [3]rotaxane containing naphthalimide-based macrocyclic host donor and multi-stimuli responsive rhodamine-modified guest acceptor	Tu Thi Kim Cuc[ab]; 002086 - Phạm Quốc Nhiên[abc] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Trang Manh Khang[ab]; Hao-Yu Chen[ab] (Department of Materials Science and Engineering, National Yang Ming Chiao Tung University); Chia-Hua Wu[ab]; 000019 - Bùi Thị Bửu Huê[c] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Yaw-Kuen Li[df] (National Yang Ming Chiao	002086 - Phạm Quốc Nhiên

		Tung University, Taiwan); Judy I. Wu[e]; Hong-Cheu Lin[abf];	
69	Supramolecular [2]pseudo-rotaxane polymer containing blue anthracene donor guest and green naphthalimide acceptor host as a FRET-ON sensor for hydrogen sulfide detection	Chinmayananda Gouda[a] (National Yang Ming Chiao Tung University, Taiwan); 002086 - Phạm Quốc Nhiên[b] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 002304 - Phạm Bé Nhị[a] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Tu Thi Kim Cuc[a]; Chang-Ching Weng[c]; Chia-Hua Wu[a]; Judy I. Wu[d]; Yaw-Kuen Li[ce]; Hong-Cheu Lin[ae];	002086 - Phạm Quốc Nhiên
70	Automatic fuzzy clustering for probability density functions using the genetic algorithm	000007 - Võ Văn Tài[d] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Dinh Phamtoan[abc];	000007 - Võ Văn Tài
71	Synergistic effect of standardized extract of Asparagus officinalis stem and heat shock on progesterone synthesis with lipid droplets and mitochondrial function in bovine granulosa cells	002767 - Hồ Thiệu Khôi[ad] (K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp); Ahmed Zaky Balboula[b]; Kohei Homma[c]; Jun Takanari[c]; Hanako Bai[a]; Manabu Kawahara[a]; 002137 - Nguyễn Thị Kim Khang[d] (K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp); Masashi Takahashi[e];	002767 - Hồ Thiệu Khôi
72	Do Neighbors Affect People's Demand for the Biodiversity Conservation Project in the U Minh Ha Peat Swamp Forest of the Mekong Delta, Vietnam?	001537 - Huỳnh Việt Khải[a] (K. Kinh tế Tài nguyên Môi trường - Trường Kinh tế); Yuzuru Utsunomiya[b]; 002174 - Khổng Tiến Dũng[a] (K. Kinh tế Nông nghiệp - Trường Kinh tế); 001148 - Lê Nguyễn Đoan Khôi[c] (P. Quản lý Khoa học - Phòng Quản lý Khoa học);	001537 - Huỳnh Việt Khải
73	How do rice consumers trade off sustainability and health labels? Evidence from Vietnam	002502 - Ong Quốc Cường[a] (K. Quản trị Kinh doanh - Trường Kinh tế); Melanie Connor[b] (International Rice Research Institute (IRRI), DAPO box 7777, Metro Manila 1301, Philippines); Matty Demont[b] (International Rice Research Institute, Philippines); Bjoern Ole Sander[c] (International Rice Research Institute, Hanoi, Vietnam); Katherine Nelson[c] (International Rice Research Institute, Hanoi, Vietnam);	002502 - Ong Quốc Cường
74	Supply Chain Management of Mango (Mangifera indica L.) Fruit: A Review With a Focus on Product Quality During Postharvest	Truong Dang Le[ab]; Thanh Viet Nguyen[ab]; 000352 - Nguyễn Văn Mười[c] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 000347 - Hà Thanh Toàn[d] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Nguyen Mai Lan[ef]; Tri Nhut Pham[ab];	000352 - Nguyễn Văn Mười
75	Climate change and rural vulnerability in Vietnam: an Analysis of Livelihood Vulnerability Index	002517 - Võ Thị Ánh Nguyệt (K. Kinh tế - Trường Kinh tế); khaitt@ueh.edu.vn - Trần Tiến Khai (Phòng Quản lý Khoa học - Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh);	002517 - Võ Thị Ánh Nguyệt
76	Assessing the costs of GHG	Aito YAMAMOTO[a]; 001989 - Huỳnh Thị	001989 - Huỳnh

	emissions of multi-product agricultural systems in Vietnam	Kim Uyên[b] (K. Kinh tế - Trường Kinh tế); Yoko SAITO[c] (Hokkaido University, Japan); Takashi Fritz MATSUISHI[d];	Thị Kim Uyên
77	Chromobacterium Csp_P biopesticide is toxic to larvae of three Diabrotica species including strains resistant to Bacillus thuringiensis	Adriano E. Pereira[a]; 002529 - Huỳnh Phước Mẫn[bc] (K. Bảo vệ thực vật - Trường Nông nghiệp); Kyle J. Paddock[d]; José L. Ramirez[f]; Eric P. Caragata[g]; George Dimopoulos[g]; Hari B. Krishnan[a]; Sharon K. Schneider[i]; Kent S. Shelby[k]; Bruce E. Hibbard[a];	002529 - Huỳnh Phước Mẫn
78	Dysfunction of lipid storage droplet-2 suppresses endoreplication and induces JNK pathway-mediated apoptotic cell death in Drosophila salivary glands	tdbinh22@gmail.com - Trần Duy Bình[a] (Kyoto Institute of Technology); 002782 - Nguyễn Quốc Châu Thanh[ac] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); ndhyen94@gmail.com - Nguyễn Đình Hải Yến[a]; phamleanhtuan.2807@gmail.com - Phạm Lê Anh Tuấn[ab] (Kyoto Institute of Technology); Kenichi Komori[a]; Masahide Taninaka[a]; Kaeko Kamei[a];	002782 - Nguyễn Quốc Châu Thanh
79	High-temperature ethanol fermentation from pineapple waste hydrolysate and gene expression analysis of the thermotolerant yeast Saccharomyces cerevisiae	002337 - Huỳnh Xuân Phong[ab] (BM. Công nghệ Vi sinh vật - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Preekamol Klanrit[a] (Faculty of Technology, Khon Kaen University, Thailand); Ngô Thị Phương Dung[b] (Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ); Sudarat Thanonkeo[c] (Mahasarakham University); Mamoru Yamada[de] (Trường Đại học Yamaguchi, Nhật Bản); Pornthap Thanonkeo[fg] (Trường Đại học Khon Kaen, Thái Lan);	002337 - Huỳnh Xuân Phong
80	Toxicometabolomic profling of resistant and susceptible western corn rootworm larvae feeding on Bt maize seedlings	002529 - Huỳnh Phước Mẫn[ba] (K. Bảo vệ thực vật - Trường Nông nghiệp); Bruce E. Hibbard[c]; 002363 - Hồ Khánh Vân[deg] (BM. Công nghệ Sau thu hoạch - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Kent S. Shelby[d];	002529 - Huỳnh Phước Mẫn
81	An explanation of experimental data of (g − 2)_{e,μ} in 3-3-1 models with inverse seesaw neutrinos	lthue@iop.vast.vn - Lê Thọ Huệ[ab] (Institute of Research and Development, Duy Tan University, Da Nang City, Vietnam; Institute of Physics, Vietnam Academy of Science and Technology, 10 Dao Tan, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam.); 001075 - Nguyễn Thanh Phong[e] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Phan Hồng Khiêm[cd] (Trường Đại học Duy Tân); hnlong@vast.ac.vn - Hoàng Ngọc Long[f] (Viện Vật lý, Hà Nội); Hà Thanh Hùng[g] (Đại học Sư phạm Hà Nội 2);	001075 - Nguyễn Thanh Phong
82	Chitosan Nanoparticles-Based Ionic Gelation Method: A Promising Candidate for Plant Disease	nhhoang2505@gmail.com - Nguyễn Huy Hoàng[a] (6/9 Lê Hồng Phong Phường Bình Thủy Quận Trà Nóc TP Cần Thơ);	002417 - Lê Thanh Toàn

	Management	002417 - Lê Thanh Toàn[b] (K. Bảo vệ thực vật - Trường Nông nghiệp); Rungthip Sangpueak[a]; Jongjit Treekoon[c]; Chanon Saengchan[a]; Wannaporn Thepbandit[a]; Narendra Kumar Papathoti[a]; Anyanee Kamkaew[c]; Natthiya Buensanteai[a];	
83	Efficacy of Chitosan Nanoparticle Loaded-Salicylic Acid and -Silver on Management of Cassava Leaf Spot Disease	nhhoang2505@gmail.com - Nguyễn Huy Hoàng (6/9 Lê Hồng Phong Phường Bình Thủy Quận Trà Nóc TP Cần Thơ); 002417 - Lê Thanh Toàn (K. Bảo vệ thực vật - Trường Nông nghiệp); Wannaporn Thepbandit; Jongjit Treekoon; Chanon Saengchan; Rungthip Sangpueak; Narendra Kumar Papathoti; Anyanee Kamkaew; Natthiya Buensanteai;	002417 - Lê Thanh Toàn
84	Optimization of microwave-assisted biodiesel production from waste catfish using response surface methodology	Phạm Cảnh Em[a]; 000021 - Nguyễn Văn Đạt[c] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Lê Thị Tường Vi[b] (Lớp Hóa Dược K37, Khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Cần Thơ); Lê Thị KIm Châu[c]; Lý Hồng Hương Hà[d]; Võ Thị Bích Ngọc[d]; truongtuyen@ump.edu.vn - Trương Ngọc Tuyền[e] (Khoa Dược, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh);	000021 - Nguyễn Văn Đạt
85	Detection of Atrazine and Its Metabolites in Natural Water Samples Using Photonic Molecularly Imprinted Sensors	Zahra Salahshoor[a]; 002363 - Hồ Khánh Vân[bcde] (BM. Công nghệ Sau thu hoạch - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Shu-Yu Hsu[b]; Adel H. Hossain[a]; Kathleen Trauth[a]; Chung-Ho Lin[b]; Maria Fidalgo[a];	002363 - Hồ Khánh Vân
86	Optimization of Mulberry Extract Foam-Mat Drying Process Parameters	000345 - Nguyễn Minh Thủy[a] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); voquoctien2204@gmail.com - Võ Quốc Tiến[a]; Nguyen Ngoc Tuyen[a]; trangiau1505.gt@gmail.com - Tran Ngoc Giau[a]; 000281 - Võ Quang Minh[b] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 64608035@kmitl.ac.th - Ngo Van Tai[c] (School of Food Industry, King Mongkut's Institute of Technology Ladkrabang, Bangkok 10520, Thailand);	000345 - Nguyễn Minh Thủy
87	Target Design of Novel Histone Deacetylase 6 Selective Inhibitors with 2-Mercaptoquinazolinone as the Cap Moiety	000019 - Bùi Thị Bửu Huê[a] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Phuong Hong Nguyen[bc]; Quan Minh Pham[de]; Hoa Phuong Tran[bc]; 001743 - Trần Quang Đệ[a] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Hosun Jung[bc]; Quang Vinh Hong[a]; Quoc Cuong Nguyen[a]; Phu Quy Nguyen[a]; Hieu Trong Le[a]; Su-Geun Yang[bc];	000019 - Bùi Thị Bửu Huê
88	The Effects of Attributes of Non-Immersive Virtual Reality on	002115 - Lê Trần Thiên Ý[a] (K. Kinh doanh Quốc tế - Trường Kinh tế);	002115 - Lê Trần Thiên Ý

	Customers' Experience of Video Tours under Social Distancing for COVID-19	jchen@saturn.yzu.edu.tw - Ja-Shen Chen[b] (College of Management, Yuan Ze University, 135 Yuan Tung Rd., Zhongli, Taoyuan, Taiwan 32003); Ngoc B. Nguyen[c] (College of Management, Yuan Ze University, Zhongli, Taiwan);	
89	Thermal effects on stability of hierarchical microstructure in medium- and high-entropy alloys	Chun-Chieh Wang[abc]; 002098 - Lâm Tú Ngọc[ef] (BM. SP Vật lý - Khoa Sư phạm); Su-Jien Lin[cd]; Shou-Yi Chang[cd]; Yu-Chieh Lo[ce]; Jui-Fu Chen[ac]; Yu-Chun Chuang[a]; Hwo-Shuen Sheu[a]; E-Wen Huang[ce];	002098 - Lâm Tú Ngọc
90	Intensive and extensive rice farm adaptations in salinity-prone areas of the Mekong Delta	Bradford Mills[a] (a Department of Agricultural and Applied Economics, Virginia Tech, Blacksburg, VA, USA;); 000563 - Võ Thành Danh[e] (K. Kinh tế Tài nguyên Môi trường - Trường Kinh tế); Dung Phuong Le[b] (Department of Social Sciences, Wageningen University, Wageningen, The Netherlands); Duong Phuc Ta[c] (International Center for Tropical Agriculture, Hanoi, Vietnam); Lien Nhu[c] (d Vietnam Institute of Economics and International Center for Tropical Agriculture, Hanoi, Vietnam); Ricardo Labarta[e] (e Department of Economics, Can Tho University, Can Tho, Vietnam; f International Center for Tropical Agriculture, Cali, Colombia);	000563 - Võ Thành Danh
91	Deep transformers and convolutional neural network in identifying DNA N6-methyladenine sites in cross-species genomes	khanhlee87@gmail.com - Lê Nguyễn Quốc Khánhabc (Yuan Ze University); 002299 - Hồ Quang Tháide (K. Công nghệ Phần mềm - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông);	002299 - Hồ Quang Thái
92	Space Medicines for Space Health	Quy Don Tran[ab] (School of Chemical Engineering and Advanced Materials, University of Adelaide, Australia.); 002052 - Trần Nam Nghiệp[abe] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); Vienna Tran (Adelaide Medical School, University of Adelaide, Adelaide 5005, Australia); Li Shean Toh[c] (Faculty of Science, University of Nottingham, Nottingham NG7 2RD, United Kingdom); Philip M. Williams[d] (Faculty of Science, University of Nottingham, Nottingham NG7 2RD, United Kingdom); volker.hessel@adelaide.edu.au - Volker Hessel[abf] (The University of Adelaide, Australia);	002052 - Trần Nam Nghiệp
93	TLR23, a fish-specific TLR, recruits MyD88 and TRIF to	Nguyễn Tấn Phát[a] (Viện Công nghệ Hóa học); 002919 - Nguyễn Bảo Trung[ab] (BM.	002919 - Nguyễn Bảo

	activate expression of a range of effectors in melanomacrophages in Nile tilapia (Oreochromis niloticus)	Bệnh học thủy sản - Khoa Thủy sản); fhnan@mail.ntou.edu.tw - Fan-Hua Nan[ac] (National Taiwan Ocean Universitydisabled, Keelung, Taiwan); mengchoulee@mail.ntou.edu.tw - Meng-Chou Lee[acd] (National Taiwan Ocean Universitydisabled, Keelung, Taiwan); leepotsang@email.ntou.edu.tw - Po-Tsang Lee[a] (National Taiwan Ocean University);	Trung
94	Predicting Heavy Metal Concentrations in Shallow Aquifer Systems Based on Low-Cost Physiochemical Parameters Using Machine Learning Techniques	Huỳnh Thị Minh Trang[a] (Graduate Institute of Applied Geology, National Central University, Taiwan); 001297 - Nguyễn Võ Châu Ngân[d] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); Chuen-Fa Ni[ab]; Yu-Sheng Su[c] (Department of Computer Science and Engineering, National Taiwan Ocean University, Taiwan); I-Hsien Lee[ab] (Graduate Institute of Applied Geology, National Central University, Taiwan); Chi-Ping Lin[ab] (Graduate Institute of Applied Geology, National Central University, Taiwan); Nguyễn Hoàng Hiệp[a] (Graduate Institute of Applied Geology, National Central University, Taiwan);	001297 - Nguyễn Võ Châu Ngân
95	Antiviral Effects of 5-Aminolevulinic Acid Phosphate against Classical Swine Fever Virus: In Vitro and In Vivo Evaluation	shizuka-1612asteroid@eis.hokudai.ac.jp - Shizuka Hirosea; Norikazu Isodaab (Unit of Risk Analysis and Management, Research Center for Zoonosis Control, Hokkaido University, Sapporo, Hokkaido, Japan); 009882 - Huỳnh Tấn Lộcac (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); Taksoo Kima; Keiichiro Yoshimotod; Tohru Tanakad; Kenjiro Inuie; Yoshihiro Sakodaab (Laboratory of Microbiology, Department of Disease Control, Graduate School of Veterinary Medicine, Hokkaido University, North 18, West 9, Kita-ku, Sapporo, Hokkaido 060-0818, Japan); Takahiro Hionoab (Laboratory of Microbiology, Department of Disease Control, Graduate School of Veterinary Medicine, Hokkaido University, North 18, West 9, Kita-ku, Sapporo, Hokkaido 060-0818, Japan);	009882 - Huỳnh Tấn Lộc
96	First Report of a Complete Genome Sequence of a Variant African Swine Fever Virus in the Mekong Delta, Vietnam	700659 - Nguyễn Đức Hiền [ab](K. Thú y - Trường Nông nghiệp); 002647 - Nguyễn Thanh Lãm[a] (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); Lê Trung Hoàng[ab]; B1804262 - Tô Mỹ Quyên[a] (Trường Nông nghiệp); Nguyễn Ngọc Bích[a]; Norikazu Isoda[c] (Unit of Risk Analysis and Management,	700659 - Nguyễn Đức Hiền

		Research Center for Zoonosis Control, Hokkaido University, Sapporo, Hokkaido, Japan); Yoshihiro Sakoda[c] (Laboratory of Microbiology, Department of Disease Control, Graduate School of Veterinary Medicine, Hokkaido University, North 18, West 9, Kita-ku, Sapporo, Hokkaido 060-0818, Japan);	
97	Octaarginine Improves the Efficacy of Nitazoxanide against Cryptosporidium parvum	002429 - Nguyễn Hồ Bảo Trân[ab] (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); maxi.berberich@gmx.de - Maxi Berberich[a] (Faculty of Veterinary Medicine, Institute of Parasitology, Centre for Infectious Medicine, University of Leipzig,Germany); Lum A.Ambe[cd] (Laboratory for Molecular Parasitology, Department of Microbiology and Parasitology, University of Buea, Buea P.O. Box 63, Cameroon); Arwid Daugschies[a] (Institute for Parasitology, Centre for Infectious Diseases, Faculty of Veterinary Medicine, University of Leipzig, Germany); Faustin Kamena[ac] (Institute for Parasitology, Centre for Infectious Diseases, Faculty of Veterinary Medicine, University of Leipzig, Germany); Carlos Hermosilla[e]; Anja Taubert[e];	002429 - Nguyễn Hồ Bảo Trân
98	A systematic approach to illuminate a new hot spot of avian influenza virus circulation in South Vietnam, 2016–2017	Kien Trung Le[a] (Laboratory of Microbiology, Department of Disease Control, Faculty of Veterinary Medicine, Hokkaido University, North 18, West 9, Kita-ku, Sapporo, Hokkaido 060-0818, Japan); Mark A. Stevenson[b] (The University of Melbourne, Parkville, Victoria, 3010, Australia); Norikazu Isoda [bcd](Unit of Risk Analysis and Management, Research Center for Zoonosis Control, Hokkaido University, Sapporo, Hokkaido, Japan); 002647 - Nguyễn Thanh Lãm (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); Duc-Huy Chu (Laboratory of Microbiology, Department of Disease Control, Graduate School of Veterinary Medicine, Hokkaido University, North 18, West 9, Kita-ku, Sapporo, Hokkaido 060-0818, Japan); Tien Ngoc Nguyen (Department of Animal Health, Ministry of Agriculture and Rural Development, Hanoi, Vietnam); Long Van Nguyen[ef] (Department of Animal Health, Ministry of Agriculture and Rural Development, Hanoi, Vietnam); Tiền Ngọc Tiên; Tung	002647 - Nguyễn Thanh Lãm

		Thanh Le (Department and Sub-Departments of Animal Health, Ministry of Agriculture and Rural Development, Vietnam); Keita Matsuno (Laboratory of Microbiology, Department of Disease Control, Graduate School of Veterinary Medicine, Hokkaido University, North 18, West 9, Kita-ku, Sapporo, Hokkaido 060-0818, Japan); Masatoshi Okamatsu (Laboratory of Microbiology, Department of Disease Control, Graduate School of Veterinary Medicine, Hokkaido University, North 18, West 9, Kita-ku, Sapporo, Hokkaido 060-0818, Japan); Yoshihiro Sakoda (Laboratory of Microbiology, Department of Disease Control, Graduate School of Veterinary Medicine, Hokkaido University, North 18, West 9, Kita-ku, Sapporo, Hokkaido 060-0818, Japan);	
99	Isolation of quercetin-3-O-sulfate and quantification of major compounds from Psidium guajava L. from Vietnam	002100 - Nguyễn Phúc Đảm[ab] (BM. SP Hóa học - Khoa Sư phạm); Marie-France Hérent[b] (Louvain Drug research Institute (LDRI), Pharmacognosy Research group, Universit´e catholique de Louvain); 001135 - Lê Thị Bạch[c] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 000019 - Bùi Thị Bửu Huê[c] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 001802 - Bùi Thị Bích Hằng[d] (BM. Bệnh học thủy sản - Khoa Thủy sản); 000404 - Đỗ Thị Thanh Hương[e] (BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); 000267 - Nguyễn Thanh Phương[f] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); Marie-Louise Scippo[g]; Patrick Kestemont[h] (University of Namur, Belgium); Jo¨elle Quetin-Leclercq[b] (Universit´e catholique de Louvain (UCLouvain));	002100 - Nguyễn Phúc Đảm
100	The interaction patterns of pandemic-initiated online teaching: How teachers adapted	Lê Văn Thịnh[a]; 002328 - Nguyễn Anh Thi[e] (BM. Phương pháp dạy học tiếng Anh - Khoa Ngoại ngữ); Nguyễn Ngân Hà[b]; Trần Lê Nghi Trân[c]; Nguyễn Thành Luân[d]; Nguyễn Minh Trang[f];	002328 - Nguyễn Anh Thi
101	Chitosan-Modified Biochar and Unmodified Biochar for Methyl Orange: Adsorption Characteristics and Mechanism Exploration	002655 - Nguyễn Xuân Lộc[a] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); M1120006 - Phan Thị Thanh Tuyền[a] (Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên); M4720003 - Lê Chi Mai[b] (Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên); 002051 - Đỗ Thị Mỹ Phượng[b] (BM. Kỹ thuật Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên	002655 - Nguyễn Xuân Lộc

		nhiên);	
102	The impact of an adjusted cropping calendar on the welfare of rice farming households in the Mekong River Delta, Vietnam	Alice Ferrer[a]; 001779 - Nguyễn Tuấn Kiệt[c] (K. Kinh tế - Trường Kinh tế); Le Ha Thanh[b]; Pham Hong Chuong[b]; Vu Thuy Trang[b]; Pinky Hopanda[a]; Benedict Carmelita[a]; Sridhar Gummadi[d]; Eisen Bernardo[d];	001779 - Nguyễn Tuấn Kiệt
103	Novel Deletion in Exon 07 of Betaine Aldehyde Dehydrogenase Isoform 2 (BADH2)	Van Quoc GIANG[1], 002344 - Huynh KY1, Nguyen Chau Thanh TUNG[1], Nguyen Loc HIEN1, Nguyen Van MANH1, Nguyen Nhut THANH[2], Vo Cong THANH[1], Swee Keong YEAP[3]	002344 - Huỳnh Kỳ
104	In vitro and In silico studies of salicylic acid on systemic induced resistance against bacterial leaf blight disease and enhancement of crop yield	WANNAPORN Thepbandit[a]; 002417 - Lê Thanh Toàn[c] (K. Bảo vệ thực vật - Trường Nông nghiệp); NARENDRA Kumar Papathoti[a]; JAYASIMHA Rayulu Daddam[b]; Nguyen Huy HOANG[a]; CHANON Saengchan[a]; NATTHIYA Buensanteai[a];	002417 - Lê Thanh Toàn
105	Balance-driven automatic clustering for probability density functions using metaheuristic optimization	Thao Nguyentrang[ab] ; 000007 - Võ Văn Tài[f] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Trung Nguyen Thoi[cd] ; Kim-Ngan Nguyen-Thi[e];	000007 - Võ Văn Tài
106	Two trehalase isoforms, produced from a single transcript, regulate drought stress tolerance in Arabidopsis thaliana	002664 - Phan Lê Công Huyền Bảo Trân[abe] (BM. Sinh học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Nathalie Crepin[de] (KU Leuven Plant Institute (LPI), Leuven, Belgium); Filip Rolland[de] (KU Leuven Plant Institute (LPI), Leuven, Belgium); Patrick Van Dijck[abcf] (KU Leuven, Belgium);	002664 - Phan Lê Công Huyền Bảo Trân
107	Assessment of surface water quality and monitoring in southern Vietnam using multicriteria statistical approaches	002783 - Nguyễn Thanh Giao (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 010072 - Huỳnh Thị Hồng Nhiên (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	002783 - Nguyễn Thanh Giao
108	Major concerns of surface water quality in south-west coastal regions of Vietnamese Mekong Delta	002783 - Nguyễn Thanh Giao (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); pkanh.96@gmail.com - Phan Kim Anh; 010072 - Huỳnh Thị Hồng Nhiên (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	002783 - Nguyễn Thanh Giao
109	Evaluation of coastal protection strategies and proposing multiple lines of defense under climate change in the Mekong Delta for sustainable shoreline protection	Tu Le Xuan[a]; Hoang Tran Ba[a]; 002645 - Võ Quốc Thành[b] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); David P Wright[c]; Ahad Hasan Tanim[d]; Duong Tran Anh[e];	002645 - Võ Quốc Thành
110	Shrimp farmers perceptions on factors affecting shrimp productivity in integrated mangrove-shrimp systems in Ca	002359 - Ngô Thụy Diễm Trang[a] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); e.ashton@qub.ac.uk - Elizabeth C.	002359 - Ngô Thụy Diễm Trang

	Mau, Vietnam	Ashton[b] (bQueen's University Marine Laboratory, UK); 002649 - Nguyễn Châu Thanh Tùng[c] (K. Di truyền và Chọn giống Cây trồng - Trường Nông nghiệp); M1118006 - Nguyễn Hải Thanh[a] (Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên); 000407 - Nguyễn Văn Công[a] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 002262 - Trần Sỹ Nam[a] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 002440 - Nguyễn Công Thuận[a] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 009818 - Huỳnh Công Khánh[a] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); duy.nguyenphuong@wwf.org.vn - Nguyễn Phương Duy[d] (WWF Việt Nam); truongm2919017@gstudent.ctu.edu - Nguyễn Nhật Trường[a] (Học viên Cao học QLMT - Khoa MT & TNTN);	
111	Graphene oxide-covered melamine foam utilizing as a hybrid foam toward organic dye removal and recyclability	vtsinh92@skku.edu - Võ Thị Sinh[a] (1School of Mechanical Engineering, Sungkyunkwan University, Suwon 16419, Republic of Korea); 002698 - Võ Trần Thị Bích Châu[b] (K. Quản lý Công nghiệp - Trường Bách khoa);	002698 - Võ Trần Thị Bích Châu
112	Organic dye removal and recycling performances of graphene oxide-coated biopolymer sponge	vtsinh92@skku.edu - Võ Thị Sinh[a] (1School of Mechanical Engineering, Sungkyunkwan University, Suwon 16419, Republic of Korea); 002698 - Võ Trần Thị Bích Châu[b] (K. Quản lý Công nghiệp - Trường Bách khoa);	002698 - Võ Trần Thị Bích Châu
113	Surface characterization of polyimide and polyethylene terephthalate membranes toward plasma and UV treatments	vtsinh92@skku.edu - Võ Thị Sinh[a] (1School of Mechanical Engineering, Sungkyunkwan University, Suwon 16419, Republic of Korea); 002698 - Võ Trần Thị Bích Châu[b] (K. Quản lý Công nghiệp - Trường Bách khoa);	002698 - Võ Trần Thị Bích Châu
114	Association of residual feed intake with peripartal ruminal microbiome and milk fatty acid composition during early lactation in Holstein dairy cows	Huimin Zhang[ab]; 002772 - Lâm Phước Thành[f] (K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp); Ahmed A. Elolimy[bg]; Haji Akbar; Zhangping Yang; Juan J. Loor;	002772 - Lâm Phước Thành
115	Ovarian and spawning reference, size at first maturity and fecundity of Glossogobius giuris caught along Vietnamese Mekong Delta	002002 - Đinh Minh Quang[a] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 000308 - Trương Trọng Ngôn[b] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 002262 - Trần Sỹ Nam[c] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 010095 -	002002 - Đinh Minh Quang

		Nguyễn Hữu Đức Tôn[a] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm);	
116	A High-Quality Genome Assembly of Striped Catfish (Pangasianodon hypophthalmus) Based on Highly Accurate Long-Read HiFi Sequencing Data	002775 - Đào Minh Hải[1,2] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); 001576 - Dương Thúy Yên [2](BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); 000264 - Phạm Thanh Liêm[2] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); 000263 - Bùi Minh Tâm [2](BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); 000404 - Đỗ Thị Thanh Hương [2](BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); 001802 - Bùi Thị Bích Hằng[2] (BM. Bệnh học thủy sản - Khoa Thủy sản); 000267 - Nguyễn Thanh Phương [2](BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); quanghieudang.87@gmail.com - Đặng Quang Hiếu[2]; mmgarigliany@uliege.be - Garigliany Mutien-Marie[3] (Liege University); wouter.coppieters@uliege.be - Wouter Coppieters [4](Liege University); patrick.kestemont@unamur.be - Patrick Kestemont [5]; f.farnir@uliege.be - Frédéric Farnir[1];	002775 - Đào Minh Hải
117	Green fabrication of heterostructured CoTiO3/TiO2 nanocatalysts for efficient photocatalytic degradation of cinnamic acid	hcanh@hcmut.edu.vn - Hà Cẩm Anh[1]; 002314 - Nguyễn Điền Trung[2] (BM. SP Hóa học - Khoa Sư phạm); Nguyen Tri [3](Institute of Chemical Technology, Vietnamese Academy of Science and Technology, HoChiMinh City, VietNam);	002314 - Nguyễn Điền Trung
118	Is super-intensive shrimp farming more environmentally friendly? an application of material balance principle in the Mekong Delta	002514 - Nguyễn Thùy Trang[1] (BM. Kinh tế - Xã hội Nông thôn - Khoa Phát triển Nông thôn); 002443 - Võ Hồng Tú[1] (BM. Kinh tế - Xã hội Nông thôn - Khoa Phát triển Nông thôn); 001636 - Lê Thanh Sơn[1] (BM. Kinh tế - Xã hội Nông thôn - Khoa Phát triển Nông thôn); 000554 - Nguyễn Phú Son[2] (K. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Trường Kinh tế);	002514 - Nguyễn Thùy Trang
119	Solid waste management program in developing countries: contingent valuation methodology versus choice experiment	001988 - Huỳnh Thị Đan Xuân[1] (K. Kinh tế Nông nghiệp - Trường Kinh tế); 002174 - Khổng Tiến Dũng[1] (K. Kinh tế Nông nghiệp - Trường Kinh tế); 001537 - Huỳnh Việt Khải[1] (K. Kinh tế Tài nguyên Môi trường - Trường Kinh tế); Adam Loch[2] (The Centre for Global Food and Resources, the University of Adelaide);	001988 - Huỳnh Thị Đan Xuân
120	Bioethanol production from alkali-pretreated cassava stem waste via consolidated bioprocessing by ethanol-tolerant Clostridium	Narendra Kumar Papathoti[1]; 002417 - Lê Thanh Toàn[2] (K. Bảo vệ thực vật - Trường Nông nghiệp); Kishore Mendam[3]; Wannaporn Thepbandit[1]; Niharika	

	thermocellum ATCC 31,924	Burgula[4]; Rungthip Sangpueak[1]; Chanon Saengchan[1]; Nguyen Huy Hoang[1]; Praveen Kumar Keshav[4]; Natthiya Buensanteai[1];	
121	Anti-multiple myeloma potential of resynthesized belinostat derivatives: an experimental study on cytotoxic activity, drug combination, and docking studies	Nguyễn Hồng Phương[1]; 001743 - Trần Quang Đệ[2](BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 000019 - Bùi Thị Bửu Huê[2] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 000020 - Nguyễn Trọng Tuân[2] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 002782 - Nguyễn Quốc Châu Thanh[2] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Nguyễn Cường Quốc[2]; pmq@gmail.com - Phạm Minh Quân [4,5](Hà Nội, Việt Nam); Lê Đăng Quang[3,4]; Trần Phương Hoa[1]; Trần Duy Bình[1]; Huỳnh Như Thảo[2]; Nguyễn Văn Ki[2]; Yang Su-Geun[1];	001743 - Trần Quang Đệ
122	Diffraction-based Residual Stress Mapping of a Stress Frame of Gray Iron via Vibratory Stress Relief Method	Shi-Wei Chen[1]; 002098 - Lâm Tú Ngọc[2,6] (BM. SP Vật lý - Khoa Sư phạm); E-Wen Huang[2]; Sung-Mao Chiu[3]; Mark Reid[4]; Cheng-Yen Wu[3]; Anna M. Paradowska[4,5]; Yu-Hao Wu[2]; Soo Yeol Lee[7]; Shao-Chien Lu[8]; Shin-An Chen[9]; Yan-Gu Lin[1]; Shih-Chang Weng[1];	002098 - Lâm Tú Ngọc
123	Efficient degradation of methyl orange and methylene blue in aqueous solution using a novel Fenton-like catalyst of CuCo-ZIFs	002229 - Lương Huỳnh Vủ Thanh [1](K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); Nguyễn Huỳnh Thu Thảo[1] (Khoa Công nghệ, Trường Đại học Cần Thơ); Nguyễn Văn Bình[1] (Lớp CHNTTS20); 002204 - Nguyễn Khởi Nghĩa [2](K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); 002782 - Nguyễn Quốc Châu Thanh[3] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 001807 - Đặng Huỳnh Giao[1] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa);	002229 - Lương Huỳnh Vủ Thanh
124	Double displacement – Interactions between resettlement, environmental change and migration	Fiona Miller[1]; 001851 - Huỳnh Văn Đà [3](BM. Lịch sử - Địa lý - Du lịch - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn); 000167 - Trần Thị Phụng Hà [2](BM. Xã hội học - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn); 002549 - Ngô Thị Thanh Thúy [2](BM. Xã hội học - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn); Boi Huyen Ngo[1];	001851 - Huỳnh Văn Đà
125	A Land-Use Change Model to Support Land-Use Planning in the Mekong Delta (MEKOLUC)	001561 - Trương Chí Quang[1] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001560 - Văn Phạm Đăng Trí[1,4*] (VP. Viện NCBĐ Khí hậu - Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu); nhthao@ctec.edu.vn - Nguyễn Hồng Thảo[2] (Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Cần Thơ; Nghiên cứu sinh ngành Quản lý	001561 - Trương Chí Quang

		Đất đai, khóa 2015, Khoa Môi trường và TNTN, Đại học Cần Thơ); Kenichi Tatsumi[3]; 001407 - Phạm Thanh Vũ [1](BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	
126	Assessment of Relationship between Climate Change, Drought, and Land Use and Land Cover Changes in a Semi-Mountainous Area of the Vietnamese Mekong Delta	001626 - Trần Văn Tỷ [1,*](K. Kỹ thuật Thủy lợi - Trường Bách khoa); 001423 - Huỳnh Vương Thu Minh[4] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001669 - Kim Lavane [2](BM. Kỹ thuật Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); nkdownes@ctu.edu.vn - Nigel K. Downes[4]; kumar@iges.or.jp - Pankai Kumar [5,*](Natural Resources and Ecosystem Services, Institute for Global Environmental Strategies, Hayama 240-0115); 001668 - Nguyễn Đình Giang Nam[4] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 002918 - Phan Chí Nguyện [3](BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	001626 - Trần Văn Tỷ
127	"Why Do We Buy Green Products?" An Extended Theory of the Planned Behavior Model for Green Product Purchase Behavior	Piyanoot Kamalanon[1] (College of Management, Yuan Ze University, Taoyuan City 32003, Taiwan); 002115 - Lê Trần Thiên Ý [2](K. Kinh doanh Quốc tế - Trường Kinh tế); Ja-Shen Chen [1,*](College of Management, Yuan Ze University, Taoyuan City 32003, Taiwan);	002115 - Lê Trần Thiên Ý
128	Destination Responses to COVID-19 Waves: Is "Green Zone" Initiative a Holy Grail for Tourism Recovery?	001851 - Huỳnh Văn Đà[1](BM. Lịch sử - Địa lý - Du lịch - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn); 002006 - Nguyễn Trọng Nhân [1](BM. Lịch sử - Địa lý - Du lịch - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn); 002242 - Trương Thị Kim Thủy[1] (BM. Lịch sử - Địa lý - Du lịch - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn); Long Hai Duong[2,*];	001851 - Huỳnh Văn Đà
129	Reduction in Greenhouse Gas Emission from Seedless Lime Cultivation Using Organic Fertilizer in a Province in Vietnam Mekong Delta Region	002509 - Lê Trần Thanh Liêm[1,2] (BM. Công nghệ Nông thôn - Khoa Phát triển Nông thôn); Yukihiro Tashiro[1,3,*] (Faculty of Agriculture, Graduate School, Kyushu University, Japna); 002478 - Phạm Văn Trọng Tính [4](BM. Kỹ thuật Nông nghiệp - Khoa Phát triển Nông thôn); Kenji Sakai[1,3] (Faculty of Agriculture, Graduate School, Kyushu University, Japan);	002509 - Lê Trần Thanh Liêm
130	Understanding Tourists' Behavioral Intention and Destination Support in Post-pandemic Recovery: The Case of the Vietnamese Domestic	Long Hai Duong[1]; 001851 - Huỳnh Văn Đà [4](BM. Lịch sử - Địa lý - Du lịch - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn); Quyet Dinh Phan[2,*]; Tung Thanh	001851 - Huỳnh Văn Đà

	Market	Nguyen[3]; hong Tri Truong[3]; Khanh Quoc Duong[5];	
131	Face Mask Recognition for Covid-19 Prevention	002375 - Lưu Trọng Hiếu[1] (K. Tự động hóa - Trường Bách khoa); Phan Nguyen Ky Phuc[2]; Zhiqiu Yu[3]; Duy Dung Pham[1]; Huu Trong Cao[1];	002375 - Lưu Trọng Hiếu
132	Numerical and experimental study of co-combustion of refuse-derived fuels in a circulating fluidized bed during load change	falah.alobaid@est.tu-darmstadt.de - Falah Alobaid[1]; 002227 - Nguyễn Minh Nhựt [1,2](K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); Alexander Kuhn[1](EST - TU Darmstadt); Balte Johnen[1] (EST - TU Darmstadt); Jens Peters[1]; bernd.epple@est.tu-darmstadt.de - Bernd Epple[1];	002227 - Nguyễn Minh Nhựt
133	Optimal Water Level Management for Mitigating GHG Emissions through Water-Conserving Irrigation in An Giang Province, Vietnam	Satoshi Ogawa [1,2](Japan International Research Center for Agricultural Sciences (JIRCAS), Crop, Livestock and Environment Division, 1-1 Ohwashi, Tsukuba 305-8686, Ibaraki, Japan); 002440 - Nguyễn Công Thuận[5] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); Kyosuke Yamamoto [3](e-kakashi Section, CPS Technology Planning Department, Technology Planning & Development Division, Service Planning Technology Division, SoftBank Co., 1-7-1 Kaigan, Minato-ku, Tokyo 105-7529, Tokyo, Japan); Kenichi Uno[4]; Takashi Togami [3](e-kakashi Section, CPS Technology Planning Department, Technology Planning & Development Division, Service Planning Technology Division, SoftBank Co., 1-7-1 Kaigan, Minato-ku, Tokyo 105-7529, Tokyo, Japan); Soji Shindo[4] (Rural Development Division, JIRCAS, Tsukuba 305-8686, Ibaraki, Japan);	002440 - Nguyễn Công Thuận
134	Factors influencing food composition, feeding habits and intensity of Glossogobius giuris caught from the vietnamese mekong delta	002002 - Đinh Minh Quang[1] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 000308 - Trương Trọng Ngôn[2] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Phan Hoàng Giẻo[2,3]; 002262 - Trần Sỹ Nam [4](BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 010095 - Nguyễn Hữu Đức Tôn[1] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm);	002002 - Đinh Minh Quang
135	Fuzzy mixed integer linear programming model for national level monthly unit commitment under price-based uncertainty: A case study in Thailand	002845 - Trương Quỳnh Hoa[1] (K. Quản lý Công nghiệp - Trường Bách khoa); chawalit@siit.tu.ac.th - Chawalit Jeenanunta[2];	002845 - Trương Quỳnh Hoa

136	Activity Theory as A Framework for Teaching Mathematics: An Experimental Study	000044 - Nguyễn Phú Lộc[1] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); 002178 - Trang Văn Dề [1](BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); 002888 - Lê Viết Minh Triết [1](BM. Giáo dục Tiểu học - Mầm non - Khoa Sư phạm); npthao@agu.edu.vn - Nguyễn Phương Thảo[2] (Trường Đại học An Giang); Nguyễn Phạm Phi Oanh [1](HVCH Lí luận và PPDH Bộ môn Toán khóa 26, Trường ĐH Cần Thơ);	000044 - Nguyễn Phú Lộc
137	Population dynamics of Acentrogobius viridipunctatus (Actinopteri: Gobiidae) in the Vietnamese Mekong Delta	002002 - Đinh Minh Quang[1](BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 010095 - Nguyễn Hữu Đức Tôn[1] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 000308 - Trương Trọng Ngôn[2] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Nguyễn Thị Kiều Tiên[3];	002002 - Đinh Minh Quang
138	Testicular development, reproducing references and length at first maturity of Acentrogobius viridipunctatus (Actinopteri: Gobiiformes) in the southwest Viet Nam	000308 - Trương Trọng Ngôn[1] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 010095 - Nguyễn Hữu Đức Tôn [2](BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 002002 - Đinh Minh Quang [2](BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm);	000308 - Trương Trọng Ngôn
139	The effectiveness of blended learning on students' academic achievement, self-study skills and learning attitudes: A quasi-experiment study in teaching the conventions for coordinates in the plane	001860 - Dương Hữu Tòng[1] (BM. Giáo dục Tiểu học - Mầm non - Khoa Sư phạm); 002237 - Bùi Phương Uyên[1] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); Lư Kim Ngân[1];	001860 - Dương Hữu Tòng
140	The insecticidal capacity of ethanol extract from Cascabela peruviana (L.) Lippold against fruit fly	001974 - Trần Thanh Mến[1] (BM. Sinh học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 010069 - Huỳnh Hồng Phiến [1](BM. Sinh học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Tran Thi Tu Ai[1]; 002419 - Nguyễn Văn Ây[4] (K. Sinh lý-Sinh hóa - Trường Nông nghiệp); 001971 - Nguyễn Thị Kim Huê [1](BM. Sinh học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 002611 - Đỗ Tấn Khang[2] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Trần Duy Bình[3];	001974 - Trần Thanh Mến
141	Variations in length-weight relationship, growth and body condition of the commercial mullet Ellochelon vaigiensis in the Vietnamese Mekong Delta	002002 - Đinh Minh Quang [1](BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 000308 - Trương Trọng Ngôn[2] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 010095 - Nguyễn Hữu Đức Tôn [1](BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); Lâm Thị Huyền Trân[2,3]; Nguyễn Thị Kiều Tiên[4]; 002106 - Phan Hoàng Linh[5] (BM. SP Địa lý - Khoa Sư phạm);	002002 - Đinh Minh Quang
142	Effects of vitamin E supplement and semen collection time on sperm	002137 - Nguyễn Thị Kim Khang [1](K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp);	002137 - Nguyễn Thị

	quality of locally Noi crossbred cocks	009678 - Ngô Thị Minh Sương[1] (K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp); 700627 - Lê Thanh Phương[1] (K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp);	Kim Khang
143	A Bayesian belief data mining approach applied to rice and shrimp aquaculture	mrandall@bond.edu.au - Marcus Randall [1](Bond University, Bond Business School, 4229 Gold Coast, Australia); 002734 - Nguyễn Văn Quí[2] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); a.lewis@griffith.edu.au - Andrew Lewis[3] (Griffith University, Australia); Ben Stewart-Koster[4] (Australian Rivers Institute and School of Environment & Science, Griffith University, Nathan, Queensland 4111, Australia); dieuanh.nguyen@griffith.edu.au - Nguyen Dieu Anh[4] (Australian Rivers Institute, Griffith University, 170 Kessels Road, Nathan, Queensland 4111, Australia); Michelle Burford[4]; Jason Condon[5] (School of Agriculture and Wine Sciences, Charles Sturt University, Wagga Wagga NSW 2650); Le Huu Hiep[6] (Research Institute for Aquaculture No. 2, Ho Chi Minh City, Vietnam); baydv.ria2@mard.gov.vn - Doan Van Bay[6] (Research Institute for Aquaculture No 2, 116 Nguyen Dinh Chieu, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam); Nguyễn Văn Sáng[6] (Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 2); Jes Sammut[7] (School of Biological, Earth & Environmental Sciences, The University of New South Wales);	002734 - Nguyễn Văn Quí
144	A novel machine learning approach to predict the export price of seafood products based on competitive information: The case of the export of Vietnamese shrimp to the US market	002479 - Nguyễn Minh Khiêm [1](K. Hệ thống Thông tin - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông); 000273 - Trần Ngọc Hải[2] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); 002278 - Khưu Thị Phương Đông[3] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế); yukitakahashi@fish.hokudai.ac.jp - Yuki Takahashi[4](Faculty of Fisheries Sciences, Hokkaido University, Hakodate, Hokkaido 041-8611); yasuma@fish.hokudai.ac.jp - Hiroki Yasuma[4] (Faculty of Fisheries Sciences, Hokkaido University, Hakodate, Hokkaido 041-8611); kimura@fish.hokudai.ac.jp - Nobuo Kimura [4](Faculty of Fisheries Sciences, Hokkaido University, Hakodate, Hokkaido 041-8611);	002479 - Nguyễn Minh Khiêm

145	BERT-Promoter: An improved sequence-based predictor of DNA promoter using BERT pre-trained model and SHAP feature selection	khanhlee87@gmail.com - Lê Nguyễn Quốc Khánh[1,2,3] (Yuan Ze University); 002299 - Hồ Quang Thái[4,5] (K. Công nghệ Phần mềm - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông); Nguyễn Văn Núi[6] (University of Information and Communication Technology, Thai Nguyen University, Thai Nguyen, Viet Nam); Jung Su Chang [7,8](School of Nutrition and Health Sciences, College of Nutrition, Taipei Medical University, Taipei 110, Taiwan);	002299 - Hồ Quang Thái
146	A comparison study of the structural, electronic and electronic transport properties of nanoribbons based on Penta-graphene, Penta-P2C and Penta-SiC2	001600 - Trần Yến Mi[1] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 001523 - Huỳnh Anh Huy[2] (BM. SP Vật lý - Khoa Sư phạm); 001108 - Nguyễn Thành Tiên[2] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên);	001600 - Trần Yến Mi
147	Performance and microstructural evaluation of rice husk ash-ground granulated blast furnace slag-CFBC fly ash mixtures produced as an eco-cement	002507 - Huỳnh Trọng Phước[1] (K. Kỹ thuật Xây dựng - Trường Bách khoa); Phuong-Trinh Bui[2];	002507 - Huỳnh Trọng Phước
148	Transient Phase-Driven Cyclic Deformation in Additively Manufactured 15-5 PH Steel	002098 - Lâm Tú Ngọc [a,b] (BM. SP Vật lý - Khoa Sư phạm); Yu-Hao Wu [a]; Chia-Jou Liu [a]; Hobyung Chae [c]; Soo-Yeol Lee [c]; Jayant Jain [d]; Ke An [e]; E-Wen Huang [a];	002098 - Lâm Tú Ngọc
149	A Biochar Improves the Efficacy of Green Manure-Based Strategies to Suppress Soybean Cyst Nematode (Heterodera glycines) and Promotes Free-Living Nematode Populations	002727 - Nguyễn Văn Sinh[1,2,3](K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); Seiya Chikamatsu[1]; Risako Kato; 001288 - Châu Minh Khôi[2] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); 002769 - Nguyễn Thị Kim Phượng [2](K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); Karl Ritz[3,4]; Koki Toyota [3](Graduate School of Bio-Applications and Systems Engineering, Tokyo University of Agriculture and Technology, Japan);	002727 - Nguyễn Văn Sinh
150	Assessment of the cementitious and microstructural characteristics of an innovative waste-based eco-cement	002507 - Huỳnh Trọng Phước[1](K. Kỹ thuật Xây dựng - Trường Bách khoa); Viet-Hung Vu[2]; 001920 - Văn Phạm Đan Thủy[3] (Ban Quản lý Dự án ODA Trường Đại học Cần Thơ - Ban Quản lý Dự án ODA TĐHCT);	002507 - Huỳnh Trọng Phước
151	Electrospun Fe-doped TiO2/chitosan/PVA nanofibers: Preparation and study on photocatalytic and adsorption properties	001920 - Văn Phạm Đan Thủy[1] (Ban Quản lý Dự án ODA Trường Đại học Cần Thơ - Ban Quản lý Dự án ODA TĐHCT); 001675 - Đoàn Văn Hồng Thiện1 (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); Phan Thi Yen Nhi[1]; Tran Vu Bao Long[1]; 001941 - Nguyễn Chánh Nghiệm[2] (K. Tự động hóa - Trường Bách khoa);	001920 - Văn Phạm Đan Thủy

		nhan102277@gmail.com - Lê Minh Nhân[3] (Department of Advanced Material Science & Engineering, Institute of Rare Metal, Mokpo National University, Chonnam 534-729, Republic of Korea); 002892 - Lê Thị Cẩm Tuyên[1] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); 002728 - Trần Thị Bích Quyên[1] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); 001765 - Ngô Trương Ngọc Mai[1] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa);	
152	A Method for Measuring Women Climate Vulnerability: A Case Study in Vietnam's Mekong Delta	002317 - Nguyễn Minh Quang (BM. SP Địa lý - Khoa Sư phạm);	002317 - Nguyễn Minh Quang
153	A Model-Based Approach for Improving Surface Water Quality Management in Aquaculture Using MIKE 11: A Case of the Long Xuyen Quadangle, Mekong Delta, Vietnam	001423 - Huỳnh Vương Thu Minh [1](BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001560 - Văn Phạm Đăng Trí[2] (VP. Viện NCBĐ Khí hậu - Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu); 001578 - Vũ Ngọc Út[3](BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); ram@ees.hokudai.ac.jp - Ram Avtar [4](Faculty of Environmental Earth Science, Hokkaido University, Sapporo 060-0810, Japan;); kumar@iges.or.jp - Pankai Kumar [5](Natural Resources and Ecosystem Services, Institute for Global Environmental Strategies, Hayama 240-0115); tttdang247@gmail.com - Trịnh Trung Trí Đăng[6]; 009597 - Âu Văn Hóa[3] (BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); 001626 - Trần Văn Tỷ[7] (K. Kỹ thuật Thủy lợi - Trường Bách khoa); nkdownes@ctu.edu.vn - Nigel K. Downes[1];	001423 - Huỳnh Vương Thu Minh
154	Analysis of Surface Water Quality in Upstream Province of Vietnamese Mekong Delta Using Multivariate Statistics	001387 - Trần Thị Kim Hồng[1](BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 002783 - Nguyễn Thanh Giao [1](BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	001387 - Trần Thị Kim Hồng
155	Evaluation of the Impact of Drought and Saline Water Intrusion on Rice Yields in the Mekong Delta, Vietnam	001423 - Huỳnh Vương Thu Minh[1] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001669 - Kim Lavane [2](BM. Kỹ thuật Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001626 - Trần Văn Tỷ[3] (K. Kỹ thuật Thủy lợi - Trường Bách khoa); nkdownes@ctu.edu.vn - Nigel K. Downes[1]; 001387 - Trần Thị Kim Hồng[4] (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); kumar@iges.or.jp - Pankai Kumar	001423 - Huỳnh Vương Thu Minh

		[5](Natural Resources and Ecosystem Services, Institute for Global Environmental Strategies, Hayama 240-0115);	
156	Optimizing Hydraulic Retention Time and Area of Biological Settling Ponds for Super-Intensive Shrimp Wastewater Treatment Systems	002262 - Trần Sỹ Nam[1] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 009791 - Huỳnh Văn Thảo [1,2](BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); Nguyễn Trọng Luân [3](Trường Đại học FPT); Nguyễn Phương Duy[4]; 000407 - Nguyễn Văn Công[1] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	002262 - Trần Sỹ Nam
157	Rice Straw Biochar and Magnetic Rice Straw Biochar for Safranin O Adsorption from Aqueous Solution	002051 - Đỗ Thị Mỹ Phượng[1] (BM. Kỹ thuật Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 002655 - Nguyễn Xuân Lộc[2] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	002051 - Đỗ Thị Mỹ Phượng
158	Spatiotemporal Variations in Physicochemical and Biological Properties of Surface Water Using Statistical Analyses in Vinh Long Province, Vietnam	002783 - Nguyễn Thanh Giao (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001386 - Trương Hoàng Đan (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 000779 - Dương Văn Ni (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); pkanh.96@gmail.com - Phan Kim Anh; 010072 - Huỳnh Thị Hồng Nhiên (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	002783 - Nguyễn Thanh Giao
159	The Diversity of Phytoplankton in a Combined Rice-Shrimp Farming System in the Coastal Area of the Vietnamese Mekong Delta	001668 - Nguyễn Đình Giang Nam[1] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 002783 - Nguyễn Thanh Giao[2] (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001297 - Nguyễn Võ Châu Ngân[1](BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 000483 - Nguyễn Hiếu Trung[1,5] (VP. Viện NCBĐ Khí hậu - Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu); 009935 - Lê Hoàng Hải Anh [5](VP. Viện NCBĐ Khí hậu - Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu); nigelkdownes@yahoo.co.uk - Nigel K. Downes[4]; Minh N. Nguyen;	001668 - Nguyễn Đình Giang Nam
160	Dietary inclusion of anthocyanin-rich black cane silage treated with ferrous sulfate heptahydrate reduces oxidative stress and promotes tender meat production in goats	Rayudika Aprilia Patindra Purba[1]; 009678 - Ngô Thị Minh Sương [1,2](K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp); Siwaporn Paengkoum[3]; Jan Thomas Schonewille[4]; Pramote Paengkoum[1];	009678 - Ngô Thị Minh Sương

161	Growth Performance, Blood Biochemical Indices, Rumen Bacterial Community, and Carcass Characteristics in Goats Fed Anthocyanin-Rich Black Cane Silage	009678 - Ngô Thị Minh Sương[1,2] (K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp); Siwaporn Paengkoum[3]; Jan Thomas Schonewille[4]; Rayudika Aprilia Patindra Purba[1]; Pramote Paengkoum[1];	009678 - Ngô Thị Minh Sương
162	Silage Fermentation Quality, Anthocyanin Stability, and in vitro Rumen Fermentation Characteristic of Ferrous Sulfate Heptahydrate-Treated Black Cane (Saccharum sinensis R.)	009678 - Ngô Thị Minh Sương[1,2] (K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp); Siwaporn Paengkoum[3]; Abdelfattah Zeidan Mohamed Salem[4]; Pramote Paengkoum[1]; Rayudika Aprilia Patindra Purba[1,5];	009678 - Ngô Thị Minh Sương
163	Measuring the free energy of hard-sphere colloidal glasses	002097 - Đặng Minh Triết (BM. SP Vật lý - Khoa Sư phạm); Luka Gartner; Peter Schall; Edan Lerner;	002097 - Đặng Minh Triết
164	Assessing Anti-Inflammatory Activities and Compounds in Switchgrass (Panicum virgatum)	002363 - Hồ Khánh Vân[1,2,3,4] (BM. Công nghệ Sau thu hoạch - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Novianus Efrat[1]; Kathy L. Schreiber[5]; Phuc Vo[1]; Marco N. De Canha[6]; Anilike B. v. Staden[6]; Bianca D. Payne[6]; Carel B. Oosthuizen[6]; Danielle Twilley[6]; Zhentain Lei[7,8]; Lloyd W. Sumner[7,8]; Charles R. Brown[9]; Namrita Lall[1,6,10]; Chung-Ho Lin[1];	002363 - Hồ Khánh Vân
165	Co-culture of red seaweed Gracilaria tenuistipitata and black tiger shrimp Penaeus monodon in an improved extensive pond at various stocking densities with partially reduced feed rations: a pilot-scale study	001798 - Nguyễn Thị Ngọc Anh[1] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); vinhknbl@gmail.com - Nguyễn Hoàng Vinh[1,2] (Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Bạc Liêu); dangtrungdoan.np@gmail.com - Đặng Trung Đoàn[1,3]; 001392 - Lam Mỹ Lan[1] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); akuriha@agr.kyushu-u.ac.jp - Akira Kurihara[4]; 000273 - Trần Ngọc Hải[1] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản);	001798 - Nguyễn Thị Ngọc Anh
166	Mismatches between policy planning and implementation on the actively living with flood approach in the Vietnamese Mekong Delta	Tang Luu[1]; Derk Voorintholt[2]; Ellen Minkman[3]; 002781 - Nguyễn Thanh Bình [4](BM. Phát triển Nông nghiệp - Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long); Gvantsa Gverdtsiteli[5]; Tran Che Linh[6]; Nguyễn Hồng Quân[1,7] (Institute for Environment and Resources (IER) ? Vietnam National University, Ho Chi Minh City);	002781 - Nguyễn Thanh Bình
167	Effects of dietary supplementation with Pro-A on growth performance, feed utilization, immune responses, and intestinal microbiota of whiteleg shrimp (Litopenaeus vannamei).	000269 - Trần Thị Thanh Hiền[1] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); 002336 - Châu Tài Tảo[1] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); 001796 - Trần Thị Tuyết Hoa[1] (BM. Bệnh học thủy sản - Khoa Thủy sản); 002426 -	000269 - Trần Thị Thanh Hiền

		Huỳnh Trường Giang[1] (BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); 002518 - Trần Lê Cẩm Tú[1] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); 000273 - Trần Ngọc Hải[1] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); Nguyễn Đinh Hải[2]; Sung Hun Kim[3]; Jae Won Song[3]; 002753 - Hứa Thái Nhân[1] (P. Hợp tác quốc tế - Phòng Hợp tác Quốc tế); 001800 - Phạm Minh Đức [1](P. Quản lý Khoa học - Phòng Quản lý Khoa học);	
168	Selective breeding of saline-tolerant striped catfish (Pangasianodon hypophthalmus) for sustainable catfish farming in climate vulnerable Mekong Delta, Vietnam	002775 - Đào Minh Hải[1,2] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); 001576 - Dương Thúy Yên[2] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); 000264 - Phạm Thanh Liêm[2] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); 000263 - Bùi Minh Tâm[2] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); 001799 - Võ Nam Sơn[2] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); 000404 - Đỗ Thị Thanh Hương[2] (BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); 001802 - Bùi Thị Bích Hằng [2](BM. Bệnh học thủy sản - Khoa Thủy sản); 009820 - Nguyễn Thị Ngọc Trân2 (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); 000267 - Nguyễn Thanh Phương[2] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); quanghieudang.87@gmail.com - Đặng Quang Hiếu[3]; patrick.kestemont@unamur.be - Patrick Kestemont [1]; f.farnir@uliege.be - Frédéric Farnir;	002775 - Đào Minh Hải
169	Grape seed tannin extract and polyunsaturated fatty acids affect in vitro ruminal fermentation and methane production	002772 - Lâm Phước Thành[1,2](K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp); Pham Truong Thoai Kha[1]; Juan J. Loor[2]; 002510 - Trần Thị Thúy Hằng[3] (BM. Kỹ thuật Nông nghiệp - Khoa Phát triển Nông thôn);	002772 - Lâm Phước Thành
170	Enteric methane emission models for diverse beef cattle feeding systems in South-east Asia: A meta-analysis	T.P.Tee[a]Y.M.Goh[bc]M.H.M.Zainudin[c]S.C.L.Candyrine[d]K.Sommart[e]K.Kongphitee[e] W.Sumamal[f]I.Phaowphaisal[f]R.Namsilee[f] W.Angthong[f]S.Sunato[f]O.Keaokliang[f]K.Maeda[g]N.V.Thu[h;]T.T.Trung[h]N.T.K.Dong[i]A.Purnomoadi[j]M.Kurihara[k]A.Jayanegara[l]K.Higuchi[k]Y.Kobayashi[k]F.Ohtani[k]H.Abe[m]F.Terada[n]H.Kumagai[o]H.Matsuyama[p]I.Nonaka[k]N.Takusari[q]N.Shiba[r]K.Hosoda[s]T.Suzuki[t]Y.Kamiya[t]T.Nishida[u]K.Hayasaka[v]M.Shiata[v]M.Wang[w]Z.L.Tan[w]R.Wang[w]E.Kebreab[x]H.J.van Lingen[y]A.N.Hristov[z]J.B.Liang[c]	002821 - Trương Thanh Trung

171	Strengths and weaknesses of organized crop seed production by smallholder farmer: A five-country case study	bhramar.dey@crs.org - Bhramar Dey[1]; 000761 - Huỳnh Quang Tín[3] (BM. Phát triển Nông nghiệp - Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long); bert.visser@oxfamnovib.nl - B Visser[2]; mahamadoulaouali.amadou@crs.org - A Mahamadou Laouali[4]; nasser.toure@crs.org - N Baba Toure Mahamadou[5]; cnnkhoma@yahoo.com - C Nkhoma[6]; charles.opiyo@oxfam.org - C Opiyo[8]; alonzo.sergio@gmail.com - S Alonzo Recinos[7]; susan.bragdon@oxfamnovib.nl - Susan Bragdon[9];	000761 - Huỳnh Quang Tín
172	Combination of water quality, pollution indices, and multivariate statistical techniques for evaluating the surface water quality variation in Can Tho City, Vietnam	002783 - Nguyễn Thanh Giao[1] (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 010072 - Huỳnh Thị Hồng Nhiên [1](BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); pkanh.96@gmail.com - Phan Kim Anh[1]; pumis.th@gmail.com - Pumis Thuptimdang[2] (Department of Environmental Science, School of Energy and EnvironmentUniversity of PhayaoPhayaoThailand);	002783 - Nguyễn Thanh Giao
173	Hydrological impacts of future climate and land use/ cover changes in the Lower Mekong Basin: a case study of the Srepok River Basin, Vietnam	dnkhoi@hcmus.edu.vn - Đào Nguyên Khôi[1,2] (Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên TP. Hồ Chí Minh); 001626 - Trần Văn Tỷ (K. Kỹ thuật Thủy lợi - Trường Bách khoa); ptthaonhi@gmail.com - Phạm Thị Thảo Nhi [1,2,3](Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên TP. Hồ Chí Minh); Nguyen Thi Thuy Trang[1,2]; Shibo Fang[4];	001626 - Trần Văn Tỷ
174	Spatial-social evaluations of ecosystem services of adaptive aquaculture models using SAR and multivariate analyses: a case in the Vietnamese Mekong Delta	001289 - Nguyễn Thị Hồng Điệp[1] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); hohuuloc@ait.asia - Hồ Hữu Lộc[2]; ntcan93@gmail.com - Nguyễn Trọng Cần[3]; thanhtran2710@gmail.com - Thanh Tran[4] (Institute of Environmental Technology and Development, Nguyen Tat Thanh University, Ho Chi Minh City, Vietnam);	001289 - Nguyễn Thị Hồng Điệp
175	Fresh and hardened properties of high-performance fiber-reinforced concrete containing fly ash and rice husk ash: Influence of fiber type and content	Nguyen-Trong Ho[1]; 002507 - Huỳnh Trọng Phước[2] (K. Kỹ thuật Xây dựng - Trường Bách khoa); Viet Quoc Dang[3]; Minh-Hieu Nguyen[4]; Chao-Lung Hwang[5];	002507 - Huỳnh Trọng Phước
176	Effects of Substrate Temperature on	Hui-Ping Cheng [1](Department of	002892 - Lê Thị

	Nanomechanical Properties of Pulsed Laser Deposited Bi2Te3 Films	Materials Science and Engineering, I-Shou University, Kaohsiung 84001, Taiwan); 002892 - Lê Thị Cẩm Tuyên[3] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); lhuuphuoc@ctump.edu.vn - Lê Hữu Phước[2] (Bộ môn Vật lý – Lý Sinh, Khoa Khoa học Cơ Bản, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, Số 179, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ, Việt Nam); srjian@gmail.com - Sheng-Rui Jian[1,4,5] (Department of Materials Science and Engineering, I-Shou University, Kaohsiung 84001, Taiwan); Yu-Chen Chung[1] (Department of Materials Science and Engineering, I-Shou University, Kaohsiung 84001, Taiwan); I-Ju Teng[6] (College of Engineering, National Taiwan University of Science and Technology, Taipei 106335, Taiwan); Chih-Ming Lin[7] (Department of Physics, National Tsing Hua University, Hsinchu 30013, Taiwan); Jenh-Yih Juang[8] (Department of Electrophysics, National Yang Ming Chiao Tung University, Hsinchu 30010, Taiwan);	Cẩm Tuyên
177	Alterations in Skeletal Muscle mRNA Abundance in Response to Ethyl-Cellulose Rumen-Protected Methionine during the Periparturient Period in Dairy Cows	002772 - Lâm Phước Thành[1,2] (K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp); Qianming Jiang[2] ; Nithat Wichasit[2,3]; Fernanda Batistel[4]; Claudia Parys[5]; Jessie Guyader [5]; Juan J. Loor[2];	002772 - Lâm Phước Thành
178	Dynamic stability of cholesterol and desmosterol in human milk from four Asian countries	Jieun Kim[1] (Chungnam National University); 002450 - Nguyễn Thị Mỹ Tuyền [1,2](BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Yongki Kim[3] (Maeil Dairy company); Ji A. Jung[3]; Dan Li[4](Changchun University,); Mai Xuan Hong T[5]; Huynh Khanh Trang Nguyen[5]; Thanh Van Le [6](University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City); Beenish Israr[7] (Faculty of Food, Nutrition, and Home Science, University of Agriculture, Faisalabad 38000, Pakistan.); Hyun Joo An[8]; Jaehan Kim[1];	002450 - Nguyễn Thị Mỹ Tuyền
179	The analysis of 2′-fucosyllactose concentration in Korean maternal milk using LC–MS/MS	002450 - Nguyễn Thị Mỹ Tuyền[1,2] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Nari Seo [1](Graduate School of Analytical Science and Technology, Chungnam National University, Daejeon 34134, Korea.); Yong-Ki Kim[3]; Ji A. Jung[3]; Hyun Joo An[4]; Jung-Min Kim[5]; Young-Ha Song[5];	002450 - Nguyễn Thị Mỹ Tuyền

		Jaehan Kim[1]; Jong-Won Yoon[5];	
180	Dammarane triterpenoids with rare skeletons from Gynostemma pentaphyllum and their cytotoxic activities	Jun Wang[1,2]; 002394 - Hà Thị Kim Quy[4] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Xian-Hua Meng[2,3]; Wei-Feng Wang2,3; Chun-Yan Sang[3]; yangjl@licp.cas.cn - Jun Li Yang[3];	002394 - Hà Thị Kim Quy
181	Dietary Effects of Carotenoid on Growth Performance and Pigmentation in Bighead Catfish (Clarias macrocephalus Günther, 1864).	000269 - Trần Thị Thanh Hiền (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); Trịnh Văn Lộc; 002518 - Trần Lê Cẩm Tú (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); 002421 - Trần Minh Phú (BM. Chế biến Thủy sản - Khoa Thủy sản); 001800 - Phạm Minh Đức (P. Quản lý Khoa học - Phòng Quản lý Khoa học); 002753 - Hứa Thái Nhân (P. Hợp tác quốc tế - Phòng Hợp tác Quốc tế); 000264 - Phạm Thanh Liêm (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản);	000269 - Trần Thị Thanh Hiền
182	Feeding ecology of Ellochelon vaigiensis (Quoy & Gaimard, 1825) living in the Mekong Delta, Vietnam	002002 - Đinh Minh Quang[1] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 000308 - Trương Trọng Ngôn[2] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 010095 - Nguyễn Hữu Đức Tôn [1](BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); Lâm Thị Huyền Trân[1,3]; Nguyễn Thị Kiều Tiên[4]; Lê Quang Dũng[5](Đại học Quốc gia HCM); Simon Kumar Das[6](Đại học Kebangsaan Malaysia);	002002 - Đinh Minh Quang
183	Reproduction ecology of an emerging fishery resource, the amphibious mudskipper Periophthalmus chrysospilos, in the Mekong Delta	002002 - Đinh Minh Quang[1] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 010095 - Nguyễn Hữu Đức Tôn[1] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); Lâm Thị Huyền Trân[2,3]; 000308 - Trương Trọng Ngôn[2] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Nguyễn Thị Kiều Tiên[4]; Zeehan Jaafar (National University of Singapore);	002002 - Đinh Minh Quang
184	Composites derived from synthetic clay and carbon sphere: Preparation, characterization, and application for dye decontamination	Nguyen Duy Dat[1]; Tôn Thất Lộc[2,3]; Mai Thuan Trieu[1]; Dong Thanh Nguyen[4]; 002797 - Nguyễn Quốc Khương[5] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); Nguyễn Mỹ Linh[1]; Duong Le Anh Duy[6]; Trần Nguyễn Hải[2,3];	002797 - Nguyễn Quốc Khương
185	Is small beautiful? An empirical analysis of land characteristics and rural household income in Vietnam	001640 - Phan Văn Phúc[1] (BM. KT Chính trị và Chủ nghĩa XH Khoa học - Khoa Khoa học Chính trị); Martin O'Brien[2];	001640 - Phan Văn Phúc
186	Impact of cover crop and mulching on soil physical properties and soil nutrients in a citrus orchard	001405 - Trần Văn Dũng [a] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); 002733 - Ngô Phương Ngọc [b] (K. Sinh lý-Sinh hóa - Trường Nông nghiệp); 009835 - Lê Văn Dang [a] (K. Khoa học Đất - Trường Nông	001405 - Trần Văn Dũng

		nghiệp); 000283 - Ngô Ngọc Hưng [a] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp);	
187	Monthly variations in growth pattern and condition factor of Periophthalmodon septemradiatus (Gobiiformes: Periophthalminae) living along the Bassac River in Viet Nam	002002 - Đinh Minh Quang [a] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 010095 - Nguyễn Hữu Đức Tôn [a] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 000308 - Trương Trọng Ngôn [b] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Đoàn Xuân Diệp [c]; Nguyễn Thị Kiều Tiên [d];	002002 - Đinh Minh Quang
188	Ovarian development, spawning season, size at maturity and fecundity of Acentrogobius viridipunctatus (Valenciennes, 1837) in the Vietnamese Mekong Delta	002002 - Đinh Minh Quang [a](BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 010095 - Nguyễn Hữu Đức Tôn [a] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 000308 - Trương Trọng Ngôn [b] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Đoàn Xuân Diệp [c]; Nguyễn Thị Kiều Tiên [d];	002002 - Đinh Minh Quang
189	Population biological traits of Periophthalmus chrysospilos Bleeker, 1853 in the Vietnamese Mekong Delta	002002 - Đinh Minh Quang [a] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 010095 - Nguyễn Hữu Đức Tôn [a] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); Nguyễn Thị Kiều Tiên [b]; Lâm Thị Huyền Trân [c,d]; 000308 - Trương Trọng Ngôn [d] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 000271 - Trần Đắc Định [e] (BM. Quản lý và Kinh tế nghề cá - Khoa Thủy sản);	002002 - Đinh Minh Quang
190	Spatiotemporal variations in lengthweight relationship, growth pattern and condition factor of Periophthalmus variabilis Eggert, 1935 in Vietnamese Mekong Delta	002002 - Đinh Minh Quang [a] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 010095 - Nguyễn Hữu Đức Tôn [a] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); Nguyễn Thị Kiều Tiên [b]; Trần Văn Giang [c] (Đại học Sư phạm Huế); 000308 - Trương Trọng Ngôn [d] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm);	002002 - Đinh Minh Quang
191	Comparative Examination of Phytonutrients and Antioxidant Activity of Commonly Consumed Nuts and Seeds Grown in Vietnam	nguyenhadieutrang@iuh.edu.vn - Nguyễn Hà Diệu Trang [a] (nstitute of Biotechnology and Food Technology, Industrial University of Ho Chi Minh Cit); 002868 - Hồ Lệ Thi [d](K. Bảo vệ thực vật - Trường Nông nghiệp); danhvc@tdmu.edu.vn - Vu Cong Danh [b] (Institute of Applied Technology, Thu Dau Mot University, Thu Dau Mot 820000, Vietnam); salvarez@unl.edu - Sophie Alvarez [c] (Proteomics and Metabolomics Core Facility, Center for Biotechnology, University of Nebraska, Lincoln, NE 68503, USA); nguyendangkhoa@tdmu.edu.vn - Khoa D. Nguyen [b] (Institute of Applied	002868 - Hồ Lệ Thi

		Technology, Thu Dau Mot University, Binh Duong 820000, Vietnam); thuongntl@tdmu.edu.vn - Thuong L. T. Nguyen [b](Institute of Applied Technology, Thu Dau Mot University, Binh Duong 820000, Vietnam;); nguyenngoctuan@iuh.edu.vn - Nguyen Ngoc Tuan [c]; nguyenthiminhnguyet@iuh.edu.vn - Nguyen T. Minh-Nguyet [a] (Institute of Biotechnology and Food Technology, Industrial University of Ho Chi Minh City, Ho Chi Minh City 700000, Vietnam); lenhattam@iuh.edu.vn - Le Nhat Tam [a]; xuyen.vt@vlu.edu.vn - Võ Thi [e] (Faculty of Applied Technology, School of Engineering and Technology, Van Lang University, Ho Chi Minh City);	
192	On Lipschitz continuity of solutions to equilibrium problems via the Hiriart-Urruty oriented distance function	001056 - Lâm Quốc Anh [a] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); Pham Thanh Duoc [b,c] (Department of Mathematics Vo Truong Toan University Hau Giang, Viet Nam); Nguyễn Minh Tùng [d] (Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ);	001056 - Lâm Quốc Anh
193	Optimality conditions and duality for continuous-time programming with multiple interval-valued objective functions	001518 - Lê Thanh Tùng [a] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 001110 - Đặng Hoàng Tâm [a] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên);	001518 - Lê Thanh Tùng
194	The Au12 Gold Cluster: Preference for a Non-Planar Structure	001506 - Phạm Vũ Nhật [a] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Nguyen Thanh Si [a]; Long Van Duong[b,c]; Nguyễn Ngọc Khánh Anh [a] (Sinh viên Sư phạm Hóa học - Khoa Sư Phạm -Đại Học Cần Thơ); Minh Tho Nguyen [d,e];	001506 - Phạm Vũ Nhật
195	Effect of Foaming Conditions on Foam Properties and Drying Behavior of Powder from Magenta (Peristrophe roxburghiana) Leaves Extracts	000345 - Nguyễn Minh Thủy [a] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); voquoctien2204@gmail.com - Võ Quốc Tiến [a]; ngovantai1509@gmail.com - Ngô Văn Tài [b]; 000281 - Võ Quang Minh [c] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	000345 - Nguyễn Minh Thủy
196	Extraction Optimization of Crocin from Gardenia (Gardenia jasminoides Ellis) Fruits Using Response Surface Methodology and Quality Evaluation of Foam-Mat Dried Powder	000345 - Nguyễn Minh Thủy [a] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Phạm Huỳnh Như [a] ; 64608035@kmitl.ac.th - Ngo Van Tai [b] (School of Food Industry, King Mongkut's Institute of Technology Ladkrabang, Bangkok 10520, Thailand); 000281 - Võ Quang Minh [c](BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	000345 - Nguyễn Minh Thủy

197	Silk fibroin nanoparticles as a versatile oral delivery system for drugs of different biopharmaceutics classification system (BCS) classes: A comprehensive comparison	002848 - Phạm Duy Toàn [a] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 002394 - Hà Thị Kim Quy [a] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Nguyễn Mạnh Quân [b]; tvde@ctump.edu.vn - Trần Văn Đệ [b]; 001918 - Nguyễn Việt Bách [c] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); 002728 - Trần Thị Bích Quyên [d] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa);	002848 - Phạm Duy Toàn
198	Blue-light excitable red-emitting Eu 3+ -doped TiO2 phosphor for WLED applications: Judd-Ofelt analysis and systematic investigation on its optical properties	001076 - Nguyễn Trí Tuấn [a](BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Nguyễn Văn Quang [b]; Nguyễn Tư [c] (Viện AIST, Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội); Đỗ Quang Trung [c] (Viện AIST, Trường Đại Học Bách Khoa Hà Nội); Nguyễn Duy Hùng [d] (Viện AIST, Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội); Le Quynh Duong [d]; Tống Thị Hảo Tâm [e] (ĐH Kinh tế quốc dân, hà Nội); Phạm Thành Huy [f] (Viện AIST, Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội); Manh Trung Tran;	001076 - Nguyễn Trí Tuấn
199	A Systematic Approach to Healthcare Knowledge Management Systems in the Era of Big Data and Artificial Intelligence	cangpa@vlute.edu.vn - Phan Anh Cang [a] (Khoa Công Nghệ Thông Tin, Trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Vĩnh Long); 001230 - Phan Thượng Cang [b] (K. Mạng Máy tính & TT - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông); 002481 - Triệu Thanh Ngoan [c] (K. Mạng Máy tính & TT - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông);	001230 - Phan Thượng Cang
200	Cable Force Identification of Two Bending Cable Networks with Arbitrary Boundary Conditions	001917 - Nguyễn Văn Sơn[1,2,*] (K. Kỹ thuật Công trình Giao thông - Trường Bách khoa); cywang@cc.ncu.edu.tw - Chung-Yue Wang[1] (Department of Civil Engineering, National Central University, Taoyuan, Taiwan); syamsibnu@umy.ac.id - Muhammad Ibnu Syamsi[1,3] (Department of Civil Engineering, National Central University, Taiwan); haulin@gmail.com - Hao-Lin Wang[1] (Department of Civil Engineering, National Central University, Taoyuan, Taiwan);	001917 - Nguyễn Văn Sơn
201	Comparative Analysis of Skew-Join Strategies for Large-Scale Datasets with MapReduce and Spark	cangpa@vlute.edu.vn - Phan Anh Cang[1,*] (Khoa Công Nghệ Thông Tin, Trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Vĩnh Long); 001230 - Phan Thượng Cang[2,*] (K. Mạng Máy tính & TT - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông); caohungphi@vlute.edu.vn - Cao Hùng Phi[1] (Khoa CNTT, Trường ĐHSP Kỹ Thuật Vĩnh Long); 002481 - Triệu Thanh Ngoan[2,3] (K. Mạng Máy tính & TT - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền	001230 - Phan Thượng Cang

		thông);	
202	Content-Based Video Big Data Retrieval with Extensive Features and Deep Learning	001230 - Phan Thượng Cang[1,*] (K. Mạng Máy tính & TT - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông); cangpa@vlute.edu.vn - Phan Anh Cang[2,*] (Khoa Công Nghệ Thông Tin, Trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Vĩnh Long); caohungphi@vlute.edu.vn - Cao Hùng Phi[2] (Khoa CNTT, Trường ĐHSP Kỹ Thuật Vĩnh Long); 002481 - Triệu Thanh Ngoan[1,3] (K. Mạng Máy tính & TT - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông);	001230 - Phan Thượng Cang
203	Population genetics meets phylogenetics: new insights into the relationships among members of the genus Euthynnus (family Scombridae)	Judith Ollé Vilanova [a]; 001576 - Dương Thúy Yên [g] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); Laura Vilà Valls [a]; Jaime R Alvarado Bremer [c,d]; Genoveva Cerdenares [d]; Ghailen Hajjej [e]; Perdro G Lino [f]; Rubén Muñoz-Lechuga [f,h]; Fambaye Ngom Sow [i]; Rosa M Araguas Solà[a]; Núria Sanz Ball-llosera [a]; Jordi Viñas de Puig [a];	001576 - Dương Thúy Yên
204	Phytotoxicity in aqueous methanolic extracts of rice against junglerice and total activities of identified phytotoxic compounds	thihl@clrri.mard.gov.vn - Hồ Lệ Thi [1*]; levan.clrri@gmail.com - Nguyen Le Van [1] (Cuu Long Delta Rice Research Institute); khanhhy3011@gmail.com - Phan Khanh Linh [1](Cuu Long Delta Rice Research Institute, Can Tho, Vietnam); cuongnt.clrri@mard.gov.vn - Nguyễn Thế Cường[1]; nguyenhadieutrang@iuh.edu.vn - Nguyễn Hà Diệu Trang[2] (nstitute of Biotechnology and Food Technology, Industrial University of Ho Chi Minh Cit); 002143 - Lê Văn Vàng[1] (K. Bảo vệ thực vật - Trường Nông nghiệp); smedar@missouri.edu - Smeda J. Reid[3] (University of Missouri, US);	002143 - Lê Văn Vàng
205	Mass Effect on Viscosity of Mixtures in Entropy Scaling Framework: Application to Lennard-Jones mixtures	002714 - Thiều Quang Quốc Việt [a] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); Samy Khennache [b]; Guillaume Galliero [b]; Suresh Alapati [c]; hoanghai3@duytan.edu.vn - Hoang Hai [d,e]; thenpk14@gmail.com - Phuoc The Nguyen [d,e];	002714 - Thiều Quang Quốc Việt
206	Structural modification enhances the optoelectronic properties of defect blue phosphorene thin films	002097 - Đặng Minh Triết [a] (BM. SP Vật lý - Khoa Sư phạm); Nguyen Vo Anh Duy [b]; Alessio Zaccone [c]; Peter Schall [d]; Van An Dinh [e];	002097 - Đặng Minh Triết
207	A Theory for Estuarine Delta Formation with Finite Beach Length under Sediment Supplied from the River	002826 - Đinh Văn Duy [a] (K. Kỹ thuật Thủy lợi - Trường Bách khoa); hitoshi.tanaka.b7@tohoku.ac.jp - Hitoshi Tanaka [b] (Tohoku University);	002826 - Đinh Văn Duy

		magnus.larson@tvrl.lth.se - Magnus Larson [c] (Lund University); nguyentrungviet@tlu.edu.vn - Nguyễn Trung Việt [d] (Trường Đại học Thủy lợi);	
208	Adsorption of Co(II) from simulated low acid leaching solution of spent lithium-ion batteries by AG®50W-X4 resin	002243 - Nguyễn Thị Hồng [a] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); mslee@mokpo.ac.kr - Man Seung Lee [b] (Department of Advanced Material Science & Engineering, Institute of Rare Metal, Mokpo National University, Chonnam 534-729, Republic of Korea); tttuan32@gmail.com - Tran Thanh Tuan [c] (Biological, Chemical and Food Technology, Can Tho University of Technology, Can Tho City, Vietnam); 002782 - Nguyễn Quốc Châu Thanh [a] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên);	002243 - Nguyễn Thị Hồng
209	Risk associated with occurrence of toxic elements in the environment surrounding landfills in An Giang Province, Vietnam	002783 - Nguyễn Thanh Giao (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 000281 - Võ Quang Minh (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	002783 - Nguyễn Thanh Giao
210	Influence of Rice Husk Biochar on Soil Nematode Community under Upland and Flooded Conditions: A Microcosm Experiment	002727 - Nguyễn Văn Sinh[1,2] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); 009686 - Đoàn Thị Trúc Linh[1,2] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); Risako Kato[1]; 002769 - Nguyễn Thị Kim Phượng[2] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); Koki Toyota[1,*] (Graduate School of Bio-Applications and Systems Engineering, Tokyo University of Agriculture and Technology, Japan);	002727 - Nguyễn Văn Sinh
211	Transmissible Effects of a Biochar Amendment to an Upper Soil Zone Upon an Associated Lower Zone, Including Attenuation of Soybean Cyst Nematode (Heterodera glycines)	002727 - Nguyễn Văn Sinh[1,2] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); 009686 - Đoàn Thị Trúc Linh[2,3] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); 002769 - Nguyễn Thị Kim Phượng[2] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); Karl Ritz[1,4]; Koki Toyota[1,3,*] (Graduate School of Bio-Applications and Systems Engineering, Tokyo University of Agriculture and Technology, Japan);	002727 - Nguyễn Văn Sinh
212	Evaluation of using the rice in Mekong Delta for beer making: Nutritional, heat-resistant, protease-resistant, and inhibitor properties of proteins	nthung@nomail.com - Nguyễn Tấn Hùng[1,2]; 001795 - Nguyễn Thị Thủy[3] (K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp); 001120 - Nguyễn Công Hà[4,*] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm);	001795 - Nguyễn Thị Thủy
213	omparison of pretreatment methods on total ascorbic acid, total phenolic content, color of soursop (Annona	Trần Thị Yến Nhi [a,b] (Trường Đại học Nguyễn Tất Thành); nguyenngocquybtg@gmail.com - Nguyễn	002337 - Huỳnh Xuân Phong

	muricata L.) pulp steam blanching, hot water blanching, and microwave-assisted blanching	Ngọc Quy [a,c] (Số 01 Quang Trung - Phường An Lạc - Quận Ninh Kiều - Thành phố Cần Thơ); Le Dang Truong [a,b] (Nguyen Tat Thanh University, Ho Chi Minh City, Vietnam); Đào Tấn Phát [a,b] (Trường Đại học Nguyễn Tất Thành); 002337 - Huỳnh Xuân Phong [d] (BM. Công nghệ Vi sinh vật - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm);	
214	Antioxidant activity and inhibitory efcacy of Citrus grandis peel extract against carbohydrate digestive enzymes in vitro.	000347 - Hà Thanh Toàn[1] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); TO Nguyen Phuoc Mai[2]; 000351 - Trần Thanh Trúc[2,3] (VP. Khoa Sau Đại học - Khoa Sau Đại học); Nguyễn Hồng Khôi Nguyên[2,4]; Truong Dang Le[4,5,*]; 000352 - Nguyễn Văn Mười[2,*] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm);	000347 - Hà Thanh Toàn
215	Investigation of chemical composition and evaluation of antioxidant, antibacterial and antifungal activities of ethanol extract from Bidens pilosa L.	Nguyễn Hoàng Sơn[1] (Đại học Cần Thơ); 000020 - Nguyễn Trọng Tuân[2] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 001974 - Trần Thanh Mến[2,*] (BM. Sinh học - Khoa Khoa học Tự nhiên);	000020 - Nguyễn Trọng Tuân
216	Production of instant pomelo peel powder by spray drying: Optimization of wall material composition to microencapsulate phenolic compounds	TO Nguyen Phuoc Mai[1]; 000347 - Hà Thanh Toàn[2] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 000352 - Nguyễn Văn Mười[1,*] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 000351 - Trần Thanh Trúc[1,3,*] (VP. Khoa Sau Đại học - Khoa Sau Đại học);	000347 - Hà Thanh Toàn
217	Properties of gelatin extracted from snakehead fish (Chitala striata) by-products at various temperatures and times	000351 - Trần Thanh Trúc[1] (VP. Khoa Sau Đại học - Khoa Sau Đại học); thomb1406159@gmail.com - Nguyễn Văn Thơm[2]; 002330 - Nguyễn Thị Như Hạ[2] (BM. Chế biến Thủy sản - Khoa Thủy sản); nguyenhuynhdinhthuan@iuh.edu.vn - Nguyễn Huỳnh Đình Thuấn[3] (862/113/9 Lê Đức Thọ, P.15, Quận Gò Vấp, TPHCM); 002072 - Lê Thị Minh Thủy[2,*] (BM. Chế biến Thủy sản - Khoa Thủy sản);	000351 - Trần Thanh Trúc
218	Termitomycesmushroom extracts and its biological activities	ngocnhik@gmail.com - Nguyễn Thị Ngọc Nhi[1,2] (06. Trần Văn Ơn - Đại học Thủ Dầu Một); 002611 - Đỗ Tấn Khang[2,*] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 000744 - Trần Nhân Dũng[2] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm);	002611 - Đỗ Tấn Khang
219	A new image classification method using interval texture feature and improved Bayesian classifier	Ngoc Lethikim [1]; 000007 - Võ Văn Tài[4] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Thao Nguyentrang[2,3];	000007 - Võ Văn Tài

220	Contextual influences on the professional development experiences of lecturers in English as a foreign language at a Vietnamese university	001967 - Ngô Huỳnh Hồng Nga [a] (BM. Tiếng Anh căn bản và chuyên ngành - Khoa Ngoại ngữ); sue.cherrington@vuw.ac.nz - Sue Cherrington [b]; david.crabbe@vuw.ac.nz - David Crabbe [c];	001967 - Ngô Huỳnh Hồng Nga
221	Goodness-of-fit tests for a logistic regression model with missing covariates	Shen-Ming Lee[1] (Department of Statistics, Feng Chia University, Taiwan, R.O.C.); 002172 - Trần Phước Lộc[1] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Chin-Shang Li[2] (School of Nursing, The State University of New York, University at Buffalo, Buffalo, New York, USA);	002172 - Trần Phước Lộc
222	Short-term fluctuations in salinity and turbidity: effects on the embryonic stage of two abalone species, Haliotis discus discus and Haliotis gigantean	002897 - Phan Thị Cẩm Tú [a,b] (BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); valdish_albert@yahoo.com - Albert Valdish Manuel [a] (Graduate School of Bioresources, Mie University, Tsu, Mie 514-8507, Japan); tsu2@bio.mie-u.ac.jp - Naoaki Tsutsui [a] (Graduate School of Bioresources, Mie University, Tsu, Mie 514-8507, Japan); 001578 - Vũ Ngọc Út [b] (BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); takaoyos@bio.mie-u.ac.jp - Takao Yoshimatsu [a] (Graduate School of Bioresources, Mie University, Tsu, Mie 514-8507, Japan);	002897 - Phan Thị Cẩm Tú
223	Tensile Response of As-Cast CoCrFeNi and CoCrFeMnNi High-Entropy Alloys	002098 - Lâm Tú Ngọc[1,2,*] (BM. SP Vật lý - Khoa Sư phạm); Mao-Yuan Luo[1]; Takuro Kawasaki[3]; Stefanus Harjo[3]; Jayant Jain[4]; Soo-Yeol Lee[5]; An-Chou Yeh[6,7] ; E-Wen Huang[1,7,*];	002098 - Lâm Tú Ngọc
224	Hölder continuity of solution maps to parametric set-valued Ky Fan inequalities	002839 - Trần Ngọc Tâm[1] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên);	002839 - Trần Ngọc Tâm
225	Levitin-Polyak well-posedness for vector optimization problems in linear spaces	001056 - Lâm Quốc Anh [a] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); Nguyễn Hữu Danh [b,c]; 002839 - Trần Ngọc Tâm [d] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên);	001056 - Lâm Quốc Anh
226	(±)-Ferulasin, unusual sesquiterpene chromones from Ferula sinkiangensis	Jia-Lin Wang [a]; 002394 - Hà Thị Kim Quy [d] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Yi-Dan Zheng [c]; Chun-Yan Sang [b]; Wei-Feng Wang [b]; Jun-Yi Ma [c]; Ya-Min Zhao [a]; Jun-Li Yang [b] ; Xian-Hua Meng [b];	002394 - Hà Thị Kim Quy
227	Characterization and Complete Genomic Analysis of Vibrio Parahaemolyticus-Infecting Phage KIT05	002453 - Võ Thị Tú Anh[1] (BM. Sinh học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 002300 - Phạm Khánh Nguyên Huân[2] (BM. Sinh học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Nguyễn Song Hân[1];sunatti1623@gmail.com - Hirofumi Sunahara[1] (Department of Biomolecular Engineering, Kyoto Institute of Technology, Kyoto, Japan);	002453 - Võ Thị Tú Anh

		Kaeko Kamei[3];	
228	Decomposition of rice straw residues and the emission of CO2, CH4 under paddy rice and crop rotation in the Vietnamese Mekong Delta region – A microcosm study	001405 - Trần Văn Dũng[1] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); 002295 - Tất Anh Thư[1] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); |Vu Van Long[2,*] (Kien Giang University, Kien Giang, Vietnam); ctda@agu.edu.vn - Châu Thi Đa[3] (Bộ môn Thủy sản, Khoa Nông nghiệp và tài nguyên thiên nhiên,Trường đại học An Giang);	001405 - Trần Văn Dũng
229	Resistance Induction by Salicylic Acid Formulation in Cassava Plant against Fusarium solani	Chanon Saengchan[1]; 002417 - Lê Thanh Toàn[4] (K. Bảo vệ thực vật - Trường Nông nghiệp); Piyaporn Phansak[2] (Division of Biology, Faculty of Science, Nakhon Phanom University, Muang, Nakhon Phanom, Thailand); Kanjana Thumanu[3] (Synchrotron Light Research Institute, Nakhon Ratchasima, Thailand); Supatcharee Siriwong[3]; Rungthip Sangpueak; Wannaporn Thepbandit[1] ; Narendra Kumar Papathoti[5]; Natthiya Buensanteai[1];	002417 - Lê Thanh Toàn
230	Potential of potent purple nonsulfur bacteria isolated from rice-shrimp systems to ameliorate rice (Oryza sativa L.) growth and yield in saline acid sulfate soil	002797 - Nguyễn Quốc Khương [a] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); Duangporn Kantachote [b]; Nguyễn Thị Thùy Dung [a] (Trường Trung cấp nghề Thới Lai); 009767 - Trần Ngọc Hữu [a] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); 002345 - Lê Vĩnh Thúc [a] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); 010027 - Lê Thị Mỹ Thu [a] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); quahgm@gmail.com - Lê Thanh Quang [c]; 002700 - Đỗ Thị Xuân [c] (BM. Công nghệ Vi sinh vật - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Trần Chí Nhân [d,e]; Phạm Duy Tiễn [d]; Lý Ngọc Thanh Xuân [d,e];	002797 - Nguyễn Quốc Khương
231	Performance evaluation of a green mortar developed from a ternary eco-cement of industrial solid wastes	[a]Duy-Hai Vo, [b]PhD Chao-Lung Hwang, [c]PhD Trong-Phuoc Huynh, PhD	002507 - Huỳnh Trọng Phước
232	Strain-specific effects of broodstock size on fecundity and offspring performance in bighead catfish (Clarias macrocephalus Günther, 1864)	001576 - Dương Thúy Yên [a] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); 009820 - Nguyễn Thị Ngọc [a] Trân (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); lengson02@gmail.com - Lê Ngọc Sơn [a];	001576 - Dương Thúy Yên
233	HS-UNET-ID: An approach for human skin classification integrating between UNET and improved dense convolutional	002267 - Nguyễn Thanh Hải[1] (K. Hệ thống Thông tin - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông); P1622001 - Lương Hoàng Hướng[2] (Trường Công	002267 - Nguyễn Thanh Hải

	network	nghệ Thông tin &Truyền thông); Phat Tan Phan[2]; Hung Huy Duc Nguyen[2]; Duong Ly[2]; Duc Minh Phan[2] ; Tin Trung Do[2];	
234	Structural characteristics and chemical reactivity of gold-based clusters Aun (n=16, 17) toward lone pairs	Nguyễn Hữu Tho[1]; 001506 - Phạm Vũ Nhật[4] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Thanh Q. Bui[2] (Department of Chemistry, University of Sciences, Hue University, Hue, Vietnam); Nguyen Thanh Si[3]; Nguyen Thi Ai Nhung[5] (Department of Chemistry, University of Sciences, Hue University, Hue, Vietnam);	001506 - Phạm Vũ Nhật
235	Engineering of ZnO/Graphene Nanocomposite for Enhancing Visible Photocatalytic Ability	Nguyen Xuan Sang [a] (Department of Electronics and Telecommunication, Saigon University, 273 An Duong Vuong, ward 3, district 5, Ho Chi Minh City 700000, Vietnam); 001076 - Nguyễn Trí Tuấn [b] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Tran Thi Ly Na [a] (Saigon University); Luu Thi Lan Anh [c] (Hanoi University of Science and Technology); thuyphamconan@gmail.com - Phạm Thị Thủy [a] (Học viên cao học Sinh thái học K22); Trần Thanh Tùng [d]; Anh Tuan Trong Tran [d] (The University of Adelaide); Quoc Hue Pho [d]; Cameron James Shearer [e] (The University of Adelaide); Dusan Losic [d] (The University of Adelaide, School of Chemical Engineering, Adelaide, SA, 5005, Australia);	001076 - Nguyễn Trí Tuấn
236	Error bounds revisited	002605 - Nguyễn Duy Cường[a,b] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Alexander Kruger[a] (Federation University, Australia);	002605 - Nguyễn Duy Cường
237	Temporal variation in length-weight relationship, growth and condition factor of Acentrogobius viridipunctatus in the Mekong Delta, Viet Nam	002002 - Đinh Minh Quang [a] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 010095 - Nguyễn Hữu Đức Tôn [a] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); vnthanghau@yahoo.com - Nguyễn Ngọc Lãm [b] (Khoa Nông học - Học Viện Nông nghiệp Việt Nam); Nguyễn Thị Kiều Tiên [c];	002002 - Đinh Minh Quang
238	A DFT study of the molecular and electronic structures of cis-dioxidomolybdenum (VI) complex of 8-hydroxyquinoline and 4-benzoyl-3-methyl-1-phenyl-2-pyrazolin-5-one with water	Huu Tho Nguyen[1]; 001506 - Phạm Vũ Nhật[3] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Thanh Q. Bui[2] (Department of Chemistry, University of Sciences, Hue University, Hue, Vietnam); Do Thi Phuong Lan[4]; Nguyen Thi Ai Nhun[2] (Department of Chemistry, University of Sciences, Hue University, Hue City 530000, Vietnam);	001506 - Phạm Vũ Nhật
239	Use of GIS and machine learning to	002479 - Nguyễn Minh Khiêm[1,4] (K. Hệ	002479 -

	predict disease in shrimp farmed on the east coast of the Mekong Delta, Vietnam	thống Thông tin - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông); 000273 - Trần Ngọc Hải[3] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); 001578 - Vũ Ngọc Út[3] (BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); 000274 - Đặng Thị Hoàng Oanh[3] (BM. Bệnh học thủy sản - Khoa Thủy sản); yukitakahashi@fish.hokudai.ac.jp - Yuki Takahashi[2] (Faculty of Fisheries Sciences, Hokkaido University, Hakodate, Hokkaido 041-8611); yasuma@fish.hokudai.ac.jp - Hiroki Yasuma [2] (Faculty of Fisheries Sciences, Hokkaido University, Hakodate, Hokkaido 041-8611); kimura@fish.hokudai.ac.jp - Nobuo Kimura[2] (Faculty of Fisheries Sciences, Hokkaido University, Hakodate, Hokkaido 041-8611);	Nguyễn Minh Khiêm
240	Chitosan-functionalized Fe3O4@SiO2 nanoparticles as a potential drug delivery system	yenm3821024@gstudent.ctu.edu.vn - Nguyễn Ngọc Yến [a]; 002848 - Phạm Duy Toàn [b] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 002229 - Lương Huỳnh Vủ Thanh [c] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); 002728 - Trần Thị Bích Quyên [b] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); 001807 - Đặng Huỳnh Giao [c] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa);	002848 - Phạm Duy Toàn
241	Green synthesis of highly pure copper nanoparticles under microwave irradiation against pathogenic fungi on plants	002314 - Nguyễn Điền Trung [a](BM. SP Hóa học - Khoa Sư phạm); 002243 - Nguyễn Thị Hồng [b] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 002204 - Nguyễn Khởi Nghĩa [c] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); 002101 - Hoàng Hải Yến [a] (BM. SP Hóa học - Khoa Sư phạm); 001892 - Phùng Thị Hằng [a] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm);	002314 - Nguyễn Điền Trung
242	Contactless superconducting field exciter with active current control using hybrid magnet for high-temperature superconducting rotating machine	Seunghak Han [a]; Ji Hyung Kim [b]; Yoon Seok Chae [b]; Sung Hoon Lee [b]; 002825 - Quách Hữu Lượng [c] (K. Kỹ thuật Điện - Trường Bách khoa); Tae Kuk Ko [a]; Yong Soo Yoon [d]; Ho Min Kim [b] (Jeju National University, S. Korea);	002825 - Quách Hữu Lượng
243	Polypropylene fber reinforced concrete improved by using silica fume and acrylic emulsion polymer	002378 - Nguyễn Hoàng Anh [a] (BM. Công nghệ Nông thôn - Khoa Phát triển Nông thôn); T-P. Chang [b]; C-T. Chen [b]; J-L. Wun [b]; J-Y. Shih [c];	002378 - Nguyễn Hoàng Anh
244	Multi-scale modelling for hydrodynamic and morphological changes of breakwater in coastal	Tu Le Xuan[1]; Phong Nguyen Cong[1]; 002645 - Võ Quốc Thành[2] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài	002645 - Võ Quốc Thành

	Mekong Delta in Vietnam	nguyên Thiên nhiên); Quoc Quan Tran[3]; David P Wright[4]; Duong Tran Anh[5];	
245	Structural, magneto-electronic, and electric transport properties of pentagonal PdSe2 nanoribbons-A first-principles study	001108 - Nguyễn Thành Tiên[a] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 001848 - Phạm Thị Bích Thảo [a] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Nguyễn Duy Khánh [b];	001108 - Nguyễn Thành Tiên
246	Fully Sputtered n–AlInGaN/p–Mg-InxGa1−xN (x ≤ 0.1) Heterojunction Diodes: Electrical Properties Over a Wide Temperature Range	Thi Tran Anh Tuan [a]; 002274 - Trần Nguyễn Phương Lan [d] (K. Kỹ thuật Cơ khí - Trường Bách khoa); Dong-Hau Kuo[b]; Cao Phuong Thao [c]; nvsau@tvu.edu.vn - Nguyễn Văn Sáu [a] (Khoa Khoa học Cơ bản, trường Đại học Trà Vinh, số 126 Nguyễn Thiện Thành, phường 5, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh); Truong Thi Ngoc Chinh [a]; Co Thi Thuy [a];	002274 - Trần Nguyễn Phương Lan
247	Morphological comparison of the cranial movement apparatus in mudskippers (Gobiidae: Oxudercinae)	002735 - Trần Xuân Lợi [a] (BM. Quản lý và Kinh tế nghề cá - Khoa Thủy sản); 008851 - Nguyễn Thị Kim Thoa [b] (BM. Kinh tế- XH&Chính sách - Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long); 001952 - Võ Thành Toàn [a] (BM. Quản lý và Kinh tế nghề cá - Khoa Thủy sản);	002735 - Trần Xuân Lợi
248	Building the forecasting model for time series based on the improvement of fuzzy relationships	000007 - Võ Văn Tài[1] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Luan Nguyenhuynh[2] ; 000006 - Nguyễn Hữu Khánh[1] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên);	000007 - Võ Văn Tài
249	Jackfruit leaves can totally replace traditional grass in the diet of lactating dairy goats	002772 - Lâm Phước Thành [a] (K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp); Pham Truong Thoai Kha [a]; 002510 - Trần Thị Thúy Hằng [b] (BM. Kỹ thuật Nông nghiệp - Khoa Phát triển Nông thôn);	002772 - Lâm Phước Thành
250	An insight on Vietnamese bio-waste materials as activated carbon precursors for multiple applications in environmental protection	ntcquyen@ntt.edu.vn - T C Q Ngo [1](Faculty of Environmental and Food Engineering, Nguyen Tat Thanh University,Ho Chi Minh City, Vietnam); 002023 - Nguyễn Phương Thảo[2] (P. Quản lý Khoa học - Phòng Quản lý Khoa học); bichhn@ntt.edu.vn - Hoàng Ngọc Bích[1] (Trường Đại học Nguyễn Tất Thành); nganttk@ntt.edu.vn - Trần Thị Kim Ngân [1](Trường Đại học Nguyễn Tất Thành); Lâm Văn Tân [3](UBND huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre);	002023 - Nguyễn Phương Thảo
251	Effect of phosphorus doping positions on electronic transport properties in the sawtooth penta-graphene nanoribbon- First-principles insights	votrungphuc063@gmail.com - Vo Trung Phuc[2]; 001108 - Nguyễn Thành Tiên[1] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 001848 - Phạm Thị Bích Thảo [2](BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); rajeev.ahuja@physics.uu.se -	001108 - Nguyễn Thành Tiên

		Rajeev Ahuja[3];	
252	Identification of cassava black stem and root rot agents in Thailand	Rungthip Sangpueak[1] ; 002417 - Lê Thanh Toàn[3] (K. Bảo vệ thực vật - Trường Nông nghiệp); Suttisa Duchanee[2]; Chanon Saengchan[1]; Narendra Kumar Papathoti[1]; nhhoang2505@gmail.com - Nguyễn Huy Hoàng[1] (6/9 Lê Hồng Phong Phường Bình Thủy Quận Trà Nóc TP Cần Thơ); Piyaporn Phansak[4] (Division of Biology, Faculty of Science, Nakhon Phanom University, Muang, Nakhon Phanom, Thailand); Natthiya Buensanteai[1,*];	002417 - Lê Thanh Toàn
253	Design, Synthesis and Cytotoxicity Evalufation of Substituted Benzimidazole Conjugated 1,3,4-Oxadiazoles	Nguyễn Phú Quý[1]; 000019 - Bùi Thị Bửu Huê [1](BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Kiep Minh Do[2]; 002394 - Hà Thị Kim Quy[1] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 001743 - Trần Quang Đệ [1](BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Trần Thị Bích Phương[1]; Pham Cong Trang[1]; Nguyễn Cường Quốc[1]; Hiroyuki Morita[2];	000019 - Bùi Thị Bửu Huê
254	Removal of anions PO43- and methyl orange using Fe-modified biochar derived from rice straw	002655 - Nguyễn Xuân Lộc[1] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 002051 - Đỗ Thị Mỹ Phượng[2] (BM. Kỹ thuật Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); M1120006 - Phan Thị Thanh Tuyền[3](Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên); 000398 - Nguyễn Hữu Chiếm[3] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); nkdownes@ctu.edu.vn - Nigel K. Downes[3];	002655 - Nguyễn Xuân Lộc
255	On Hölder continuity of solution maps to parametric vector Ky Fan inequalities	002839 - Trần Ngọc Tâm[1](BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên);	002839 - Trần Ngọc Tâm
256	Design of a bistatic LIDAR system and simulating the performance for early detection of rice leaf blast from unmanned aircraft	002585 - Phạm Trần Lam Hải[1](K. Tự động hóa - Trường Bách khoa); 002128 - Nguyễn Văn Khanh[2](K. Tự động hóa - Trường Bách khoa); 000278 - Trần Kim Tính[3] (PTN Chuyên sâu - Phòng Quản lý Khoa học); dr.w.genthe@web.de - Wolfgang Genthe[4] (LAR AG, Berlin, Germany); petros.lappas@rmit.edu.au - Petros Lappas[5](School of Engineering, RMIT University, Melbourne, Australia); alessandro.gardi@ku.ac.ae – Alessandro[6] (Department of Aerospace Engineering, Khalifa University, Abu Dhabi, United Arab Emirates);	002585 - Phạm Trần Lam Hải
257	Using bimetallic ZnCo-ZIFs as an efficient heterogeneous catalyst for	Nguyễn Huỳnh Thu Thảo[1] (Khoa Công nghệ, Trường Đại học Cần Thơ); 002229 -	002229 - Lương Huỳnh Vủ

	the degradation of methyl blue in water in the presence of peroxymonosulfate ion	Lương Huỳnh Vủ Thanh[2] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); 001807 - Đặng Huỳnh Giao [2](K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); 002228 - Cao Lưu Ngọc Hạnh[2] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); 001765 - Ngô Trương Ngọc Mai[2] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); B1800202 - Phạm Trần Bảo Nghi[1](Trường Bách khoa); 000020 - Nguyễn Trọng Tuân[3](BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 002782 - Nguyễn Quốc Châu Thanh[4] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 002227 - Nguyễn Minh Nhựt [2](K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa);	Thanh
258	The mismatch between morphological and molecular attribution of three Glossogobius species in the Mekong Delta	000308 - Trương Trọng Ngôn[1](BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Phan Hoàng Giẻo[2]; Lâm Thị Huyền Trân[3]; 010095 - Nguyễn Hữu Đức Tôn[4] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 002611 - Đỗ Tấn Khang[1] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 001974 - Trần Thanh Mến [5](BM. Sinh học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 002262 - Trần Sỹ Nam[6] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 002002 - Đinh Minh Quang [4](BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm);	000308 - Trương Trọng Ngôn
259	Impacts of dike systems on hydrological regime in Vietnamese Mekong Delta	nguyenvanxuan@mtu.edu.vn - Nguyễn Văn Xuân[1]; 001423 - Huỳnh Vương Thu Minh [4](BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); longgiang@mtu.edu.vn - Nguyễn Ngọc Long Giang[1]; 001626 - Trần Văn Tỷ 2(K. Kỹ thuật Thủy lợi - Trường Bách khoa); kumar@iges.or.jp - Pankai Kumar[3] (Natural Resources and Ecosystem Services, Institute for Global Environmental Strategies, Hayama 240-0115); nkdownes@ctu.edu.vn - Nigel K. Downes[4]; 001668 - Nguyễn Đình Giang Nam [4](BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001297 - Nguyễn Võ Châu Ngân[4](BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001298 - Lâm Văn Thịnh [4](BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 002826 - Đinh Văn Duy [2](K. Kỹ thuật Thủy lợi - Trường Bách khoa); ram@ees.hokudai.ac.jp - Ram Avtar [5](Faculty of Environmental Earth Science,	001423 - Huỳnh Vương Thu Minh

		Hokkaido University, Sapporo 060-0810, Japan;);	
260	Evaluation of different extraction methods on the polyphenols yield, flavonoids yield, and antioxidant activity of the pomelo flavedo extract from Da Xanh (Citrus maxima [Burm] Merr.) variety	Trần Thị Yến Nhi [1,2,3](Trường Đại học Nguyễn Tất Thành); Le Dang Truong[2,3] (Nguyen Tat Thanh University, Ho Chi Minh City, Vietnam); Đào Tấn Phát [2,3](Trường Đại học Nguyễn Tất Thành); Bạch Long Giang[2,3]; 002337 - Huỳnh Xuân Phong [4](BM. Công nghệ Vi sinh vật - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); tnquyen@iams.vast.vn - Trần Ngọc Quyền[5] (Viện Khoa học Vật liệu Ứng dụng);	002337 - Huỳnh Xuân Phong
261	Band valley modification under strain in monolayer WSe2	Thi Nhan Tran[1]; 002097 - Đặng Minh Triết[2] (BM. SP Vật lý - Khoa Sư phạm); Quang Huy Tran[3]; Thi Theu Luong[4]; Van An Dinh[5];	002097 - Đặng Minh Triết
262	First-principles study of electronic and optical properties of small edge-functionalized penta-graphene quantum dots	002097 - Đặng Minh Triết[1] (BM. SP Vật lý - Khoa Sư phạm); 001848 - Phạm Thị Bích Thảo[2] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 001740 - Trần Thị Ngọc Thảo[2] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 001108 - Nguyễn Thành Tiên[2] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên);	002097 - Đặng Minh Triết
263	Insights on modulating electronic and transport properties of the sawtooth–sawtooth penta-SiC2 nanoribbons under uniaxial small strain by frst-principles calculations	Võ Văn Ớn[1]; 001108 - Nguyễn Thành Tiên2 (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 001848 - Phạm Thị Bích Thảo[2] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); lnthanh54@gmail.com - Lê Nhật Thanh[2];	001108 - Nguyễn Thành Tiên
264	Investigating the association of a sensitive attribute with a random variable using the Christofides generalised randomised response design and Bayesian methods	Shen-Ming Lee[1] (Department of Statistics, Feng Chia University, Taiwan, R.O.C.); 002172 - Trần Phước Lộc[2] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Truong-Nhat Le[3] (Faculty of Mathematics and Statistics, Ton Duc Thang University, Viet Nam); Chin-Shang Li[4] (School of Nursing, The State University of New York, University at Buffalo, Buffalo, New York, USA);	002172 - Trần Phước Lộc
265	An Integrated Framework of Professional Development for Vietnamese Lecturers of English as a Foreign Language	001967 - Ngô Huỳnh Hồng Nga[1] (BM. Tiếng Anh căn bản và chuyên ngành - Khoa Ngoại ngữ); Sue Cherrington[2] (School of Education, Victoria University of Wellington, New Zealand); David Crabbe[3] (School of Linguistics and Applied Language Studies, Victoria University of Wellington, New Zealand);	001967 - Ngô Huỳnh Hồng Nga
266	Occurrence of Marek's Disease in Backyard Chicken Flocks in Vietnam	000384 - Hồ Thị Việt Thu[1] (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); 002430 - Huỳnh Ngọc Trang[1] (K. Thú y - Trường Nông	000384 - Hồ Thị Việt Thu

		nghiệp); 010088 - Nguyễn Trần Phước Chiến[1] (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); 002138 - Nguyễn Trọng Ngữ [1](K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp); Nguyễn Đức Hiền[1,2];	
267	Norms Establishment of the Diagnosis and Recommendation Integrated System at Preflowering in Pineapple (Ananas comosus L.) and Its Verification in Case of Nutrient Omission Trial by Two Consecutive Crops	002797 - Nguyễn Quốc Khương[1] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); Lưu Thị Yến Nhi[1]; quahgm@gmail.com - Lê Thanh Quang[1]; Lý Ngọc Thanh Xuân[2]; 002345 - Lê Vĩnh Thúc[1] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp);	002797 - Nguyễn Quốc Khương
268	Connectedness properties of the efficient sets and the nondominated sets to vector optimization problems	001056 - Lâm Quốc Anh[1](BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); Pham Thanh Duoc[2,3,4] (Department of Mathematics Vo Truong Toan University Hau Giang, Viet Nam); Trần Thị Thùy Dương[5];	001056 - Lâm Quốc Anh
269	Regularization of vector equilibrium problems	001056 - Lâm Quốc Anh[1] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); Tran Qupc Duy[2];	001056 - Lâm Quốc Anh
270	Two new Drawida (Oligochaeta, Moniligastridae) earthworms from Vietnam	001867 - Nguyễn Thanh Tùng[1](BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 009975 - Lâm Hải Đăng[1] (VP. Khoa Sư phạm - Khoa Sư phạm); binhttt@hnue.edu.vn - Tran Thi Thanh Binh[2]; ducanh410@yahoo.com - Nguyễn Đức Anh[3,4];	001867 - Nguyễn Thanh Tùng
271	Improving liver lesions classification on CT/MRI images based on Hounsfield Units attenuation and deep learning	cangpa@vlute.edu.vn - Phan Anh Cang [1](Khoa Công Nghệ Thông Tin, Trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Vĩnh Long); caohungphi@vlute.edu.vn - Cao Hùng Phi[1] (Khoa CNTT, Trường ĐHSP Kỹ Thuật Vĩnh Long); lehuynhhvs@gmail.com - Lê Thị Ngưu Huỳnh[1](Trường THPT Huỳnh Văn Sâm, Cái Bè, Tiền Giang); 002481 - Triệu Thanh Ngoan [2,3](K. Mạng Máy tính & TT - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông); 001230 - Phan Thượng Cang[3] (K. Mạng Máy tính & TT - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông);	002481 - Triệu Thanh Ngoan
272	Vibration of two in-plane simply supported bending cables interconnected by a flexible cross-link	cywang@cc.ncu.edu.tw - Chung-Yue Wang[1] (Department of Civil Engineering, National Central University, Taoyuan, Taiwan); 001917 - Nguyễn Văn Sơn[1,2] (K. Kỹ thuật Công trình Giao thông - Trường Bách khoa); syamsibnu@umy.ac.id - Muhammad Ibnu Syamsi [1,3](Department of Civil Engineering, National Central University, Taiwan); haulin@gmail.com - Hao-Lin Wang [1](Department of Civil Engineering, National Central University, Taoyuan, Taiwan);	001917 - Nguyễn Văn Sơn
273	The fuzzy cluster analysis for	000007 - Võ Văn Tài1 (BM. Toán học -	000007 - Võ

	interval value using genetic algorithm and its application in image recognition	Khoa Khoa học Tự nhiên); Dinh Phamtoan2;	Văn Tài
274	Estimation of logistic regression with covariates missing separately or simultaneously via multiple imputation methods	Shen-Ming Lee [1](Department of Statistics, Feng Chia University, Taiwan, R.O.C.); 002172 - Trần Phước Lộc[2](BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Truong-Nhat Le[3] (Faculty of Mathematics and Statistics, Ton Duc Thang University, Viet Nam); Chin-Shang Li[4] (School of Nursing, The State University of New York, University at Buffalo, Buffalo, New York, USA);	002172 - Trần Phước Lộc
275	Two new species of Lasianthus Jack (Rubiaceae) from southern Vietnam	001137 - Đặng Minh Quân[1](BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); havdl72@ig.vast.vn - Nguyen Manh Ha[2] (Pedo-Geography and Soil Resources, Institute of Geography (IG), Vietnam Academy of Science and Technology, 18 Hoang Quoc Viet, Cau Giay, Ha Noi, Vietnam.); hoangnghiason@yahoo.com - Hoang Ngia Son[3] (Graduate University of Science and Technology, Vietnam Academy of Science and Technology, 18 Hoang Quoc Viet, Cau Giay, Ha Noi, Vietnam); tho1010@gmail.com - Le Van Tho [4](Institute of Tropical Biology, Vietnam Academy of Science and Technology, 85 Tran Quoc Toan Street, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam.); ngmaihuong2008@gmail.com - Nguyen Thi Mai Huong[4] (Institute of Tropical Biology, Vietnam Academy of Science and Technology, 85 Tran Quoc Toan Street, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam.); quynhchihonguyen@gmail.com - Ho Nguyen Quynh Chi[4] (Institute of Tropical Biology, Vietnam Academy of Science and Technology, 85 Tran Quoc Toan Street, District [3], Ho Chi Minh City, Vietnam.); bavuong2019@yahoo.com - Trương Bá Vương[3]; dvsonitb@gmail.com - Đặng Văn Sơn[3] (Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Học Viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam);	001137 - Đặng Minh Quân
276	Existential indefinites, in the world and in Mainland Southeast Asia	Van der Auwera, J[1].; 001524 - Nguyễn Hải Quân[2] (BM. Ngôn ngữ và Văn hóa Anh - Khoa Ngoại ngữ); Pothipath, V[3]; Siebenhutter, S[4];	001524 - Nguyễn Hải Quân
277	Management practices of firms: A	001779 - Nguyễn Tuấn Kiệt[1](K. Kinh tế -	001779 -

	study in the Vietnamese Mekong Delta	Trường Kinh tế); 002496 - Hồ Hữu Phương Chi [2](K. Kế toán - Kiểm toán - Trường Kinh tế); trinhcongduc2011@gmail.com - Trịnh Công Đức[3];	Nguyễn Tuấn Kiệt
278	Coastline dynamics and erosion/accretion in the estuaries of the lower Mekong Delta, Vietnam	001289 - Nguyễn Thị Hồng Điệp[1] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 000281 - Võ Quang Minh [1](BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); pntruong1102@gmail.com - Phan Nhựt Trường[2]; meguyama@cc.tuat.ac.jp - Megumi YAMASHITA[3] (Department of Environmental and Agricultural Engineering, Tokyo University of Agriculture and Technology, 3-5-8 Saiwai-cho, Fuchu, Tokyo 183-8509, Japan); tatsumi@go.tuat.ac.jp - Kenichi TATSUMI[4] (Department of Environmental and Agricultural Engineering, Tokyo University of Agriculture and Technology, 3-5-8 Saiwai-cho, Fuchu, Tokyo 183-8509, Japan); 002193 - Nguyễn Thị Bích Nhi[5](VP. Khoa Môi trường&TNTN - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	
279	Using the genetic algorithm to detect kinetic parameters of thermoluminescence glow curves	002413 - Nguyễn Duy Sang[1](BM. SP Tin học - Khoa Sư phạm); 002179 - Hà Hoàng Quốc Thi[2] (BM. SP Tin học - Khoa Sư phạm);	002413 - Nguyễn Duy Sang
280	Semicontinuity of solutions and well-posedness under perturbations for equilibrium problems with nonlinear inequality constraints	001056 - Lâm Quốc Anh[1](BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); Ha Manh Linh[2]; 002839 - Trần Ngọc Tâm[3] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên);	001056 - Lâm Quốc Anh
281	Effects of salinity and turbidity on development of bamboo sole (Heteromycteris japonicus)	002897 - Phan Thị Cẩm Tú[1,2](BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); valdish_albert@yahoo.com - Albert Valdish Manuel[2](Graduate School of Bioresources, Mie University, Tsu, Mie 514-8507, Japan); tsu2@bio.mie-u.ac.jp - Naoaki Tsutsui[2] (Graduate School of Bioresources, Mie University, Tsu, Mie 514-8507, Japan); takaoyos@bio.mie-u.ac.jp - Takao Yoshimatsu[2] (Graduate School of Bioresources, Mie University, Tsu, Mie 514-8507, Japan);	002897 - Phan Thị Cẩm Tú
282	Development of a sweet beverage from germinated brown rice: A product of high nutritional value enriched with high bioactive compounds for promoting good	001120 - Nguyễn Công Hà[1] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Trieu Minh Chi[2]; Nguyễn Thị Ngọc Nữ[1]; 009961 - Nguyễn Thị Lệ Ngọc1 (BM. Công nghệ Thực	001120 - Nguyễn Công Hà

	health	phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Nguyen Duong Thanh Binh[1]; Oladapo Joshua[1];	
283	Morphology of the feeding apparatus in two oxudercine gobies, Parapocryptes serperaster (Richardson 1846) and Pseudapocryptes elongatus (Cuvier 1816)	002735 - Trần Xuân Lợi[1](BM. Quản lý và Kinh tế nghề cá - Khoa Thủy sản); Atsushi Ishimatsu[2]; soyano@nagasaki-u.ac.jp - Kiyoshi Soyano[3](Graduate School of Fisheries and Environmental Sciences, Nagasaki University, Japan);	002735 - Trần Xuân Lợi
284	The Minmax Regret Reverse 1-Median Problem on Trees with Uncertain Vertex Weights	Trần Hoài Ngọc Nhân[1]; 002236 - Nguyễn Trung Kiên[2] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); 001521 - Nguyễn Thư Hương [2](BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm);	002236 - Nguyễn Trung Kiên
285	Risk profile of low pathogenicity avian influenza virus infections in farms in southern Vietnam	Lê Trung Kiên[1]; Norikazu ISODA[1,2]; 002647 - Nguyễn Thanh Lãm[3](K. Thú y - Trường Nông nghiệp); Duc-Huy CHU[4]; Long VAN NGUYEN[4]; Minh Quang PHAN[4]; Diep Thi NGUYEN[4]; Tien Ngoc NGUYEN[4]; Tien Ngoc TIEN[5]; Tung Thanh LE[6]; Takahiro HIONO[1]; Keita MATSUNO[1,2]; Masatoshi OKAMATSU1; Yoshihiro Sakoda [1,2](Laboratory of Microbiology, Department of Disease Control, Graduate School of Veterinary Medicine, Hokkaido University, North 18, West 9, Kita-ku, Sapporo, Hokkaido 060-0818, Japan);	002647 - Nguyễn Thanh Lãm
286	EVALUATION OF MORPHOLOGICAL CHARACTERISTICS OF LEAF, FLOWER AND POD IN VIETNAMESE COCOA CULTIVARS	002190 - Lâm Thị Việt Hà[1*] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 000308 - Trương Trọng Ngôn[2] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 000347 - Hà Thanh Toàn[2] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm);	002190 - Lâm Thị Việt Hà
287	A new species of Bulbophyllum from Northern of Vietnam	nvtu.itb@gmail.com - Nguyễn Văn Tú [1](Institute of Tropical Biology, Vietnam Academy of Science and Technology, 85 Tran Quoc Toan, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam); av_leonid@mail.ru - Leonid V. Averyanov[2] (Komarov Botanical Institute, Russian Academy of Sciences, Prof. Popov Street 2, 197376, St. Petersburg, Russia); dvsonitb@gmail.com - Đặng Văn Sơn [3](Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Học Viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam); tmaisak@mail.ru - Tatiana Maisak[2] (Komarov Botanical Institute of the Russian Academy of Sciences, Prof.	001137 - Đặng Minh Quân

		Popov Street 2, 197376, St. Petersburg, Russia); bvhuong90@gmail.com - Bùi Văn Hướng [4](Vietnam National Museum of Nature, VAST, No. 18, Hoang Quoc Viet Road, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam); 001137 - Đặng Minh Quân[5] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); smboo407@gmail.com - Sung Min Boo [6](Chung Nam National University, 99 Deahak-ro, Yuseong - gu, Deajeon city, South Korea); bavuong2019@yahoo.com - Trương Bá Vương[3];	
288	A new species of Chiloschista (Orchidaceae, Aeridinae) from northern Vietnam	phamphuocdien@tdtu.edu.vn - Phạm Phước Điền[1] (Faculty of Pharmacy, Ton Duc Thang University, 19 Nguyen Huu Tho, Ho Chi Minh City, Vietnam); av_leonid@mail.ru - Leonid V. Averyanov[2](Komarov Botanical Institute, Russian Academy of Sciences, Prof. Popov Street 2, 197376, St. Petersburg, Russia); nguyendinhhiep@tdtu.edu.vn - Nguyễn Đình Hiệp[1](Faculty of Pharmacy, Ton Duc Thang University, 19 Nguyen Huu Tho, Ho Chi Minh City, Vietnam); tmaisak@mail.ru - Tatiana Maisak[2] (Komarov Botanical Institute of the Russian Academy of Sciences, Prof. Popov Street 2, 197376, St. Petersburg, Russia); nguyenvancanh@tdmu.edu.vn - Nguyen Van Canh[3] (Institute of Applied Technology, Thu Dau Mot University, No. 6, Tran Van On Street, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province, Vietnam); 001137 - Đặng Minh Quân[4] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); bavuong2019@yahoo.com - Trương Bá Vương[5]; dvsonitb@gmail.com - Đặng Văn Sơn[5] (Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Học Viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam);	001137 - Đặng Minh Quân
289	A new species of Lasianthus (Rubiaceae) from Kon Chu Rang Nature Reserve in central highlands of Vietnam	nguyendinhhiep@tdtu.edu.vn - Nguyễn Đình Hiệp[1] (Faculty of Pharmacy, Ton Duc Thang University, 19 Nguyen Huu Tho, Ho Chi Minh City, Vietnam); 001137 - Đặng Minh Quân[2] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); kimngan26185@gmail.com - Le Ngan Thi Kim[3] (Gia Lai College, Tran Nhat Duat Street, Dien Phu District, Pleiku City, Gia Lai Province, Vietnam); emqvt@hcmue.edu.vn - Quach Van Toan	001137 - Đặng Minh Quân

		Em[4](Faculty of Biology, HCMC University of Education, 280 An Duong Vuong Street, District 5, Ho Chi Minh City, Vietnam); ngotpv@hcmue.edu.vn - Pham Van Ngot[4](Faculty of Biology, HCMC University of Education, 280 An Duong Vuong Street, District 5, Ho Chi Minh City, Vietnam); tho1010@gmail.com - Le Van Tho[5] (Institute of Tropical Biology, Vietnam Academy of Science and Technology, 85 Tran Quoc Toan Street, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam.); bavuong2019@yahoo.com - Trương Bá Vương[6]; akiyo.naiki@gmail.com - Akiyo Naiki[7] (Iriomote Station, Tropical Biosphere Research Center, University of the Ryukyus, 870 Uehara, Taketomi-cho, Yaeyama-gun, Okinawa, 907-1541 Japan); dvsonitb@gmail.com - Đặng Văn Sơn[6] (Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Học Viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam);	
290	A new species, Bulbophyllum phanquyetii and a new national record of B. tianguii (Orchidaceae) from the limestone area of northern Vietnam	001137 - Đặng Minh Quân[1] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); av_leonid@mail.ru - Leonid V. Averyanov[2] (Komarov Botanical Institute, Russian Academy of Sciences, Prof. Popov Street 2, 197376, St. Petersburg, Russia); dvsonitb@gmail.com - Đặng Văn Sơn[3] (Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Học Viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam); tmaisak@mail.ru - Tatiana Maisak[2] (Komarov Botanical Institute of the Russian Academy of Sciences, Prof. Popov Street 2, 197376, St. Petersburg, Russia); bvhuong90@gmail.com - Bùi Văn Hướng [4](Vietnam National Museum of Nature, VAST, No. 18, Hoang Quoc Viet Road, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam); baongan.botany@gmail.com - Bao Ngan Tu [5](The Faculty of Chemistry and Biology, University Grenoble Alpes); nguyenvancanh@gmail.com - Nguyen Van Canh[6] (Institute of Applied Technology, Thu Dau Mot University, No. 6 Tran Van On Street, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province, Vietnam); bavuong2019@yahoo.com -	001137 - Đặng Minh Quân

		Trương Bá Vương[3];	
291	Bulbophyllum section Rhytionanthos (Orchidaceae) in Vietnam with description of new taxa and new national record	001137 - Đặng Minh Quân[1] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); av_leonid@mail.ru - Leonid V. Averyanov[2] (Komarov Botanical Institute, Russian Academy of Sciences, Prof. Popov Street 2, 197376, St. Petersburg, Russia); dvsonitb@gmail.com - Đặng Văn Sơn[3] (Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Học Viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam); tmaisak@mail.ru - Tatiana Maisak[2] (Komarov Botanical Institute of the Russian Academy of Sciences, Prof. Popov Street 2, 197376, St. Petersburg, Russia); bvhuong90@gmail.com - Bùi Văn Hướng[4] (Vietnam National Museum of Nature, VAST, No. 18, Hoang Quoc Viet Road, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam); baongan.botany@gmail.com - Bao Ngan Tu[5] (The Faculty of Chemistry and Biology, University Grenoble Alpes); bavuong2019@yahoo.com - Trương Bá Vương[3];	001137 - Đặng Minh Quân
292	New species, Coelogyne sondangii (Orchidaceae), and a new national record, C. moi, in Vietnam	trung.vd@vlu.edu.vn - Vo Doan Trung[1] (Faculty of Medicine, Van Lang University, 69/68 Dang Thuy Tram Street, 13th Ward, Binh Thanh district, Ho Chi Minh city, Vietnam); av_leonid@mail.ru - Leonid V. Averyanov[2] (Komarov Botanical Institute, Russian Academy of Sciences, Prof. Popov Street 2, 197376, St. Petersburg, Russia); tmaisak@mail.ru - Tatiana Maisak[2] (Komarov Botanical Institute of the Russian Academy of Sciences, Prof. Popov Street 2, 197376, St. Petersburg, Russia); bvhuong90@gmail.com - Bùi Văn Hướng[3] (Vietnam National Museum of Nature, VAST, No. 18, Hoang Quoc Viet Road, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam); nguyenvancanh@tdmu.edu.vn - Nguyen Van Canh[4] (Institute of Applied Technology, Thu Dau Mot University, No. 6, Tran Van On Street, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province, Vietnam); 001137 - Đặng Minh Quân[5] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); quocbao.nguyen98@gmail.com - Nguyen Quoc Bao[6] (Institute of Tropical Biology Vietnam Academy of Science and Technology, 85 Tran Quoc Toan,	001137 - Đặng Minh Quân

		District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam); bavuong2019@yahoo.com - Trương Bá Vương[6];	
293	Taxonomic treatment of the genus Campanulorchis (Orchidaceae)	trung.vd@vlu.edu.vn - Vo Doan Trung[1] (Faculty of Medicine, Van Lang University, 69/68 Dang Thuy Tram Street, 13th Ward, Binh Thanh district, Ho Chi Minh city, Vietnam); av_leonid@mail.ru - Leonid V. Averyanov[2] (Komarov Botanical Institute, Russian Academy of Sciences, Prof. Popov Street 2, 197376, St. Petersburg, Russia); tmaisak@mail.ru - Tatiana Maisak[2] (Komarov Botanical Institute of the Russian Academy of Sciences, Prof. Popov Street 2, 197376, St. Petersburg, Russia); nguyenvancanh@gmail.com - Nguyen Van Canh[3] (Institute of Applied Technology, Thu Dau Mot University, No. 6 Tran Van On Street, Phu Hoa Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province, Vietnam); nguyenhuucuong.tvr@gmail.com - Nguyen Huu Cuong[4](Vietnam National University of Forestry, Xuan Mai, Chuong My, Ha Noi, Vietnam); 001137 - Đặng Minh Quân[5] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); dvsonitb@gmail.com - Đặng Văn Sơn[6] (Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Học Viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam); truongtam58@yahoo.com - Trương Quang Tâm[7] (nstitute of Tropical Biology – Vietnam Academy of Science and Technology, 85 Tran Quoc Toan, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam); bavuong2019@yahoo.com - Trương Bá Vương[7];	001137 - Đặng Minh Quân
294	Physiochemical properties, antibacterial, antifungal, and antioxidant activities of essential oils from orange (Citrus nobilis) peel	002337 - Huỳnh Xuân Phong[1] (BM. Công nghệ Vi sinh vật - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Trần Thị Hồng Nhiên[1] (Sinh viên ngành Công nghệ Sinh học, Trường Đại học Cần Thơ); Lý Thị Thùy Duyên[1] (Sinh viên ngành Công nghệ Sinh học, Trường Đại học Cần Thơ); 001889 - Nguyễn Ngọc Thạnh[1] (BM. Công nghệ Vi sinh vật - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Le Dang Truong[2] (Nguyen Tat Thanh University, Ho Chi Minh City, Vietnam);	002337 - Huỳnh Xuân Phong
295	Fuzzy Cluster Analysis for Interval	000007 - Võ Văn Tài[1] (BM. Toán học -	000007 - Võ

	Data Based on the Overlap Distance	Khoa Khoa học Tự nhiên); Ngoc Lethikim[2] ;	Văn Tài
296	Two new earthworm species (Annelida, Oligochaeta, Megascolecidae) from the Mekong delta, Vietnam	001867 - Nguyễn Thanh Tùng[1] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 009975 - Lâm Hải Đăng[1] (VP. Khoa Sư phạm - Khoa Sư phạm); ducanh410@yahoo.com - Nguyễn Đức Anh[2];	001867 - Nguyễn Thanh Tùng
297	The Efficiency of Bacteriophages Against Salmonella Typhimurium Infection in Native Noi Broilers	Ngu NT[1], Phuong LNN[1,2], Anh LH[1], Loc HT[1], Tam NT[1], Huan PKN[3], Diep TH[4], Kamei K[5]	002138 - Nguyễn Trọng Ngữ
298	A linear time algorithm for connected p-centdian problem on block graphs	002236 - Nguyễn Trung Kiên[1] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); Wen Chean Teh[2] (School of Mathematical Sciences, Universiti Sains Malaysia, 11800 USM, Malaysia); 002094 - Nguyễn Thanh Hùng[1] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); 001521 - Nguyễn Thư Hương[1] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm);	002236 - Nguyễn Trung Kiên
299	Phytoplankton community composition variation under natural and prolonged saline intrusion simulations	Nguyen Con Trang[1]; 009597 - Âu Văn Hóa[2] (BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); 009696 - Trần Trung Giang[2] (BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); 000267 - Nguyễn Thanh Phương[2] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); 001578 - Vũ Ngọc Út [2](BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản);	009597 - Âu Văn Hóa
300	Water-in-Silicone Emulsion – The Approach to an Ideal BB Cream	Huỳnh Như Thảo [1]; 001743 - Trần Quang Đệ [1] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 000019 - Bùi Thị Bửu Huê [1] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 000020 - Nguyễn Trọng Tuân [1] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 001974 - Trần Thanh Mến [2] (BM. Sinh học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Nguyễn Cường Quốc [1];	001743 - Trần Quang Đệ
301	A NEW CALAMENENE SESQUITERPENE GLYCOSIDE FROM THE BARK OF Thespesia populnea	002100 - Nguyễn Phúc Đảm [1] (BM. SP Hóa học - Khoa Sư phạm); Y Kieu Le [2]; 001610 - Thái Thị Tuyết Nhung [1] (BM. SP Hóa học - Khoa Sư phạm); 000020 - Nguyễn Trọng Tuân [2](BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 001506 - Phạm Vũ Nhật [2] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên);Phuoc Huu Le[3] (Đại học Y Dược Cần Thơ); ntttram@ctump.edu.vn - Nguyễn Thị Thu Trâm [4](ĐH Y Dược Cần Thơ- 179 Nguyễn Văn Cừ, P.An Khánh, Q.Ninh Kiều, TPCT);	002100 - Nguyễn Phúc Đảm
302	REMOVAL OF AMMONIUM AND NITRATE IN WATER BY AN AQUATIC PLANT: WATER	002440 - Nguyễn Công Thuận [1](BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 000407 -	002440 - Nguyễn Công Thuận

	LETTUCE (Pistia stratiotes L.)	Nguyễn Văn Công [1] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	
303	The changing of gelatin properties from tra catfish skin (Pangasianodon hypophthalmus) by alkaline replacement to enzyme in pretreated process	002072 - Lê Thị Minh Thủy[1] (BM. Chế biến Thủy sản - Khoa Thủy sản); nvthanh@vnkgu.edu.vn - Nguyễn Văn Thành[2] (Trường Đại học Kiên Giang, 320A Quốc lộ 61 Thị trấn Minh Lương, Châu Thành, Kiên Giang); 000351 - Trần Thanh Trúc [3,4*] (VP. Khoa Sau Đại học - Khoa Sau Đại học);	002072 - Lê Thị Minh Thủy
304	The effect of deproteinization methods on the properties of glucosamine hydrochloride from shells of white leg shrimp (Litopenaeus vannamei) and black tiger shrimp (Penaeus monodon)	002072 - Lê Thị Minh Thủy [1](BM. Chế biến Thủy sản - Khoa Thủy sản); 000351 - Trần Thanh Trúc [2](VP. Khoa Sau Đại học - Khoa Sau Đại học); Kazufumi Osako [3];	002072 - Lê Thị Minh Thủy
305	Microbiological assessment of Pangasianodon hypophthalmus at fish-processing plants in Vietnam	002362 - Phan Nguyễn Trang[1](BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 001619 - Tống Thị Ánh Ngọc[3] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Takahisa MIYAMOTO[2];	002362 - Phan Nguyễn Trang
306	Occurrence, antimicrobial resistance, and genetic diversity of Listeria monocytogenes at fish-processing plants in Vietnam	002362 - Phan Nguyễn Trang[1] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 001619 - Tống Thị Ánh Ngọc[3] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Takahisa MIYAMOTO[2] ; Yoshimitsu MASUDA[2]; Ken-ichi HOHJOH[2];	002362 - Phan Nguyễn Trang
307	Slightly acidic hypochlorous water effective against dual-species biofilm of Listeria monocytogenes and Escherichia coli strains isolated from Pangasius fish-processing plants	002362 - Phan Nguyễn Trang[1](BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 001619 - Tống Thị Ánh Ngọc[2] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Yoshimitsu Masuda[3] (Division of Food Science and Biotechnology, Faculty of Agriculture, Kyushu University, Fukuoka , Japan); Ken-ichi Hohjoh[3] (Division of Food Science and Biotechnology, Faculty of Agriculture, Kyushu University, Fukuoka , Japan); Takahisa Miyamoto[3](Division of Food Science and Biotechnology, Faculty of Agriculture, Kyushu University, Fukuoka , Japan);	002362 - Phan Nguyễn Trang
308	The prevalence and risk factors of Spirocerca lupi in domestic dogs in the Mekong Delta of Vietnam	002429 - Nguyễn Hồ Bảo Trân[1*] (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); 000382 - Nguyễn Hữu Hưng [1](K. Thú y - Trường Nông nghiệp); Nguyễn Thị Chúc[2]; Nguyễn Phi Bằng [3](Đại học An Giang);	002429 - Nguyễn Hồ Bảo Trân
309	Effects of Drought and Salinity on	002345 - Lê Vĩnh Thúc [1](K. Khoa học	002345 - Lê

	Growth, Yield and Nutritional Contents of Cowpea Bean (Vigna marina)	Cây trồng - Trường Nông nghiệp); 000370 - Hồ Quảng Đồ [3](K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp); 000281 - Võ Quang Minh[2](BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	Vĩnh Thúc
310	Improving Bush Bean (Phaseolus vulgaris L.) Yield and Quality by Increasing Soil Nutrients with Organic Fertilizer	002295 - Tất Anh Thư[1] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); 000281 - Võ Quang Minh[3] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); Trần Hiếu Hiền;	002295 - Tất Anh Thư
311	Classification of 7-dimensional solvable Lie algebras having 5-dimensional nilradicals	Lê Anh Vũ [a] ; natuan@upes.edu.vn - Nguyễn Anh Tuấn [b]; 002715 - Nguyễn Thị Cẩm Tú [c,d] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Tuyen T. M. Nguyen [c,e] (Faculty of Mathematics and Computer Science Teacher Education, Dong Thap University, Cao Lanh City, Dong Thap Province, Vietnam); Thieu N. Vo [f] (Fractional Calculus, Optimization and Algebra Research Group, Faculty of Mathematics and Statistics, Ton Duc Thang University, Ho Chi Minh City, Vietnam);	002715 - Nguyễn Thị Cẩm Tú
312	The complete chloroplast genome of Mimosa pigra L. (Fabaceae), a notorious invasive plant	002774 - Nguyễn Phạm Anh Thi [a,*] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 002611 - Đỗ Tấn Khang [a,*] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Nguyen Thị Khoa [b]; Le Van Minh [c]; Do Hoang Dang Khoa [b];	002774 - Nguyễn Phạm Anh Thi
313	Effects of Cattle Biogas Effluent Application and Irrigation Regimes on Rice Growth and Yield: A Mesocosm Experiment	009818 - Huỳnh Công Khánh[1,2,*] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); minakazu@affrc.go.jp - Kazunori Minamikawa[3] (Crop, Livestock and Environment Division, Japan International Research Center for Agricultural Sciences, 1-1 Ohwashi, Tsukuba, Ibaraki 305-8686, Japan); 001297 - Nguyễn Võ Châu Ngân[4] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 000398 - Nguyễn Hữu Chiếm[1] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 000407 - Nguyễn Văn Công [1] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	009818 - Huỳnh Công Khánh
314	Effects of salinity and alkalinity on growth and survival of all-male giant freshwater prawn (Macrobrachium rosenbergii De	dttoan@tvu.edu.vn - Diệp Thành Toàn[1] (Đại học Trà Vinh); 002461 - Lê Thị Phương Mai[2] (BM. Kỹ thuật Nông nghiệp - Khoa Phát triển Nông thôn);	002461 - Lê Thị Phương Mai

	Man, 1879) juveniles	hkhuong77@tvu.edu.vn - Huỳnh Kim Hường [1] (Đại học Trà Vinh);002461 - Lê Thị Phương Mai thanhtruc@tvu.edu.vn - Phan Thị Thanh Trúc[1] (Đại học Trà Vinh); nguyenthihongnhi@tvu.edu.vn - Nguyễn Thị Hồng Nhi[1] (Đại học Trà Vinh); phamnguyen@tvu.edu.vn - Phạm Thị Bình Nguyên[1] (Khoa Nộng nghiệp - Thủy sản, Trường Đại học Trà Vinh); phvday@tvu.edu.vn - Phạm Văn Đầy[1] (Đại học Trà Vinh); phuocsontvu@tvu.edu.vn - Lai Phước Sơn[1] (Đại học Trà Vinh); pchieu@tvu.edu.vn - Phan Chí Hiếu[1] (Trường Đại học Trà Vinh); khanhnam@tvu.edu.vn - Hồ Khánh Nam[1] (Trường Đại học Trà Vinh); diep.dx@vluedu.vn - Đoàn Xuân Diệp[2,*] (Trường Đại học Văn Lang);	
315	Evaluation of short-term toxicity of ammonia and nitrite on the survival of whiteleg shrimp, Litopenaeus vannamei juveniles	002897 - Phan Thị Cẩm Tú[1] (BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); 009976 - Vũ Hùng Hải[1] (BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); 001953 - Nguyễn Thị Kim Liên[1] (BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); Đoàn Xuân Diệp[2,*];	002715 - Nguyễn Thị Cẩm Tú
316	Lasianthus gialaiensis (Rubiaceae), a New Species from the Gia Lai Plateau of Vietnam	dvsonitb@gmail.com - Dang Van Son[1,2,5] (Institute of Tropical Biology, Vietnam Academy of Science and Technology, 85 Tran Quoc Toan, Dist. 3, Ho Chi Minh City, Vietnam); bavuong2019@yahoo.com - Truong Ba Vuong[1,2]; Hoàng Nghĩa Sơn[1,2] (Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Số 18, đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội); tho1010@gmail.com - Le Van Tho[1] (Institute of Tropical Biology, Vietnam Academy of Science and Technology, 85 Tran Quoc Toan Street, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam.); 001137 - Đặng Minh Quân[3] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); havdl72@ig.vast.vn - Nguyen Manh Ha[2,4] (Pedo-Geography and Soil Resources, Institute of Geography (IG), Vietnam Academy of Science and Technology, 18 Hoang Quoc Viet, Cau Giay, Ha Noi, Vietnam.); naiki@lab.u-ryukyu.ac.jp - Akiyo Naiki[5,*] (Graduate University of Science and Technology, Vietnam Academy of Science and Technology, 18 Hoang Quoc Viet, Cau Giay, Ha Noi, Vietnam);	001137 - Đặng Minh Quân

317	Economic Value of Liquid Organic Fertilizer Project in the Vietnamese Mekong Delta	001537 - Huỳnh Việt Khải[1] (K. Kinh tế Tài nguyên Môi trường - Trường Kinh tế); 001988 - Huỳnh Thị Đan Xuân[1] (K. Kinh tế Nông nghiệp - Trường Kinh tế); 002277 - Trần Thị Thu Duyên[1] (K. Kinh tế Tài nguyên Môi trường - Trường Kinh tế); Mitsuyasu Yabe[*] ;	001537 - Huỳnh Việt Khải
318	Growth Pattern and Condition Factor of Butis humeralis (Valenciennes, 1837) (Gobiiformes: Eleotridae) in Southern Vietnam	002002 - Đinh Minh Quang [1] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 001932 - Nguyễn Minh Thành[1] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 010095 - Nguyễn Hữu Đức Tôn[1] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); Lâm Thị Huyền Trân[2,3]; Nguyễn Thị Kiều Tiên[4]; Nguyễn Thành Nam[5,6,*] (Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội);	002002 - Đinh Minh Quang
319	A Lasso-based Collaborative Filtering Recommendation Model	001067 - Huỳnh Xuân Hiệp[1] (K. Công nghệ Phần mềm - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông); Nguyen Van Long[3] (Department of Animal Health, Ministry of Agriculture and Rural Development, Hanoi, Vietnam); Đàm Quang Viễn[2]; nghiatvnt@gmail.com - Phan Quốc Nghĩa[4,*] (Phòng Khảo thí, Trường Đại học Trà Vinh);	001067 - Huỳnh Xuân Hiệp
320	A Mixed-Methods Approach to Identify Farmers' Perception and Practices Regarding Antibiotic Use in Vietnam	Trần Thị Anh Thư[1,2,*]; 002361 - Nguyễn Vĩnh Trung[2,4] (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); Mary Chambers[2,3] (Oxford University Clinical Research Unit, Ho Chi Minh City 700000, Vietnam); Michael Parker[5] (Nuffield Department of Population Health, University of Oxford, Oxford OX3 7LF, UK); Ngô Thị Hoa[2,3,6] (OXford univeristy clinical research unit, hospital for tropical diseases, HCM city, VN);	002361 - Nguyễn Vĩnh Trung
321	Adaptive Fuzzy Proportional Integral Sliding Mode Control for Two-Tank Interacting System	001062 - Nguyễn Chí Ngôn [a] (K. Tự động hóa - Trường Bách khoa); Thanh Tung Pham [b];	001062 - Nguyễn Chí Ngôn
322	Adaptive Sliding Mode Control Based on Fuzzy Logic and Low Pass Filter for Two-Tank Interacting System	001062 - Nguyễn Chí Ngôn [a] (K. Tự động hóa - Trường Bách khoa); Thanh Tung Pham [b];	001062 - Nguyễn Chí Ngôn
323	An approach for learning resource recommendation using deep matrix factorization	001324 - Trần Thanh Điện[1] (Trường Đại học Cần Thơ); 001352 - Nguyễn Thái Nghe[1] (K. Hệ thống Thông tin - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông); 002267 - Nguyễn Thanh Hải[1] (K. Hệ thống Thông tin - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông);	001324 - Trần Thanh Điện
324	Analysis of Spatial-Temporal Variations of Surface Water Quality	001387 - Trần Thị Kim Hồng[1] (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường	001387 - Trần Thị Kim Hồng

	in the Southern Province of Vietnamese Mekong Delta Using Multivariate Statistical Analysis	và Tài nguyên Thiên nhiên); 000799 - Lê Hoàng Việt[1] (BM. Kỹ thuật Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 002783 - Nguyễn Thanh Giao[1,*] (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	
325	Analysis of Surface Water Quality using Multivariate Statistical Approaches: A case study in Ca Mau Peninsula, Vietnam	002783 - Nguyễn Thanh Giao[a,*] (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	002783 - Nguyễn Thanh Giao
326	Application of Integrated-Weight Water Quality Index in Groundwater Quality Evaluation	002783 - Nguyễn Thanh Giao[1,*] (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); pkanh.96@gmail.com - Phan Kim Anh[1] ; 010072 - Huỳnh Thị Hồng Nhiên[1] (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	002783 - Nguyễn Thanh Giao
327	Assessing social vulnerability to riverbank erosion across the Vietnamese Mekong Delta	001560 - Văn Phạm Đăng Trí[a] (VP. Viện NCBĐ Khí hậu - Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu); 010039 - Phan Kỳ Trung[a] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); trongcao321@gmail.com - Thái Minh Trọng [b]; Daniel R. Parsons [c] (Energy and Environment Institute, University of Hull, Hull, UK); Stephen E. Darby [d];	001560 - Văn Phạm Đăng Trí
328	Assessing the Impacts of Dike Systems on Water Quality in Natural Reserves of the Vietnamese Mekong Delta	002296 - Bùi Thị Bích Liên[1] (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001423 - Huỳnh Vương Thu Minh[2] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001387 - Trần Thị Kim Hồng[1] (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001626 - Trần Văn Tỷ[5] (K. Kỹ thuật Thủy lợi - Trường Bách khoa); Nguyễn Thị Thanh Ngân[2]; tttdang247@gmail.com - Trịnh Trung Trí Đăng[4]; Pankaj Kumar[3,*]; Ram Avtar[6] (Hokkaido University, Sapporo 060-0810, Japan);	002296 - Bùi Thị Bích Liên
329	Assessment of Occurrence, Ecological and Health Risk of Heavy Metals in Agricultural Soil in Hau Giang Province, Vietnam	001387 - Trần Thị Kim Hồng[1] (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001386 - Trương Hoàng Đan[1] (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 002783 - Nguyễn Thanh Giao[1,*] (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	001387 - Trần Thị Kim Hồng
330	Assessment of Physicochemical Characteristics of Surface Water in the Full-Dyke and Semi-Dyke Systems: A Case Study	009818 - Huỳnh Công Khánh[1,2,*] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 002262 - Trần Sỹ Nam[1] (BM. Khoa học Môi	009818 - Huỳnh Công Khánh

		trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	
331	Assessment of Potential Rainfall Distribution Patterns and Their Relationship with Inundation in Tra Vinh Province, Vietnam	Trần Thanh Thoảng [a]; 001423 - Huỳnh Vương Thu Minh [b,*] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); La Tài[a]; Trịnh Vĩnh Quân [a]; Nguyễn Bạch Long [a]; Trần Văn Sao [a]; Nguyễn Minh Trung [a]; 001626 - Trần Văn Tỷ [a] (K. Kỹ thuật Thủy lợi - Trường Bách khoa); 001681 - Nguyễn Trường Thành [b] (BM. Kỹ thuật Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); kumar@iges.or.jp - Pankai Kumar [c] (Natural Resources and Ecosystem Services, Institute for Global Environmental Strategies, Hayama 240-0115); 002826 - Đinh Văn Duy [a] (K. Kỹ thuật Thủy lợi - Trường Bách khoa); nkdownes@ctu.edu.vn - Nigel K. Downes [b]; tqhuy@ctuet.edu.vn - Trần Quốc Huy [a] (Khoa Kỹ thuật Xây dựng, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ);	001423 - Huỳnh Vương Thu Minh
332	Assessment of Surface Water Quality in the Hau Giang Province Using GIS and Statistical Approaches	002440 - Nguyễn Công Thuận[1] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	002440 - Nguyễn Công Thuận
333	Bacillus safensis isolated from white-leg shrimp, Penaeus vannamei in Taiwan with antagonistic activity against common Vibrio pathogens	009687 - Huỳnh Phước Vinh [a,b,c] (BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); 001578 - Vũ Ngọc Út[c](BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); Ly Thuyen Quyen [a,b]; Wahyu Purbiantoro [a,b,d]; Ngo Hoang Viet Trinh [e]; Fernando Afonso [f]; Ta-Chih Cheng [a,b];	001578 - Vũ Ngọc Út
334	Building the Forecasting Model for Time Series Based on the Improved Fuzzy Relationship for Variation of Data	Ha Che Ngoc [a] ; 000007 - Võ Văn Tài [c] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Luan Nguyenhuynh [b] ; 002225 - Nguyễn Thị Hồng Dân [c] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên);	000007 - Võ Văn Tài
335	Changing of Soil Properties under Drought and Saline Water Intrusion Conditions in Different Land-Use Patterns – A Case Study in the Ben Tre Province, Vietnam	000323 - Lê Tấn Lợi[1] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 000281 - Võ Quang Minh[1,*] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); Nguyễn Ngọc Duy[1] (Học viên Cao học Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên, Trường Đại học Cần Thơ);	000323 - Lê Tấn Lợi
336	CHOICE-OF-LAW PRINCIPLES IN INHERITANCE RELATIONS INVOLVING FOREIGN ELEMENT(S) UNDER VIETNAMESE PRIVATE INTERNATIONAL LAW	002016 - Nguyễn Phan Khôi[1] (BM. Luật Tư pháp - Khoa Luật); 002090 - Bùi Thị Mỹ Hương[2] (BM. Luật Thương mại - Khoa Luật);	002016 - Nguyễn Phan Khôi

337	Classifying the lung images for people infected with COVID-19 based on the extracted feature interval	Hieu Huynh van [a,b,c] ; 000007 - Võ Văn Tài [e] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Tuan le hoang [b,d]; Trong Thai minh[e] ; Huy Nguuen dinh[a];	000007 - Võ Văn Tài
338	Comparison Environmental Conditions and Economic Efficiency Between Organic and Non-Organic Integrated Mangrove-Shrimp Farming Systems in Ca Mau Province, Vietnam	000407 - Nguyễn Văn Công[1] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 009818 - Huỳnh Công Khánh[1,*] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	000407 - Nguyễn Văn Công
339	Constructing Vietnamese WordNet: A Case Study	001943 - Lâm Nhựt Khang [1] (K. Công nghệ Thông tin - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông); jkalita@uccs.edu - Jugal Kalita[2] (University of Colorado, Colorado Springs);	001943 - Lâm Nhựt Khang
340	COVID-19 vaccination: public preference and intention in Vietnam	tvde@ctump.edu.vn - Trần Văn Đệ[1]; 002848 - Phạm Duy Toàn[2] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Huỳnh Thị Mỹ Duyên[3]; Lê Minh Hoàng[4]; Valeria Valeryevna Dorofeeva[5]; Rebecca Susan Dewey[6];	002848 - Phạm Duy Toàn
341	Cuprous oxide nanocubes functionalized with graphene quantum dots and its application for methylene blue degradation	002728 - Trần Thị Bích Quyên[1] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); phdagu@gmail.com - Phạm Hải Đăng[1] (Học viên cao học giải tích K22, Đại học Cần Thơ, Tp Cần Thơ); Ngo Nguyen Tra My[1]; 002848 - Phạm Duy Toàn[2] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 001675 - Đoàn Văn Hồng Thiện[1] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa); 002229 - Lương Huỳnh Vủ Thanh[1] (K. Kỹ thuật Hóa học - Trường Bách khoa);	002728 - Trần Thị Bích Quyên
342	Decentralized Optimal Dispatch of Reactive Power Sources in Power Systems Based on Augmented Lagrangian Method	zeyaffedawoi-4303@yopmail.com - Nguyễn Minh Hòa[*]; 002273 - Nguyễn Nhựt Tiến[**] (K. Kỹ thuật Điện - Trường Bách khoa); jihattoissuyau-7610@yopmail.com - Phạm Văn Hoàn[*‡];	002273 - Nguyễn Nhựt Tiến
343	Delineation of surface water using MODIS satellite image for flood forecast in the Mekong River basin	000281 - Võ Quang Minh[1] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001273 - Huỳnh Thị Thu Hương[1] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	000281 - Võ Quang Minh
344	DETERMINANTS OF LOAN REPAYMENT OF THE SHRIMP HOUSEHOLDS: AN EMPIRICAL STUDY IN CA MAU PROVINCE, VIETNAM	vangdq@hcmute.edu.vn - Đàng Quang Vắng[1] ; 001630 - Vương Quốc Duy[4] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế); 002820 - Trần Việt Thanh Trúc[2] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế); phamhieu@hcmute.edu.vn - Phạm Hiếu[3];	001630 - Vương Quốc Duy
345	Determinants of the World's Rice Trade: The Role of Trade Costs	002711 - Nguyễn Thị Lan Anh[1] (K. Kinh doanh Quốc tế - Trường Kinh tế); 001278	002711 - Nguyễn Thị Lan

		- Phạm Lê Thông[2] (K. Kinh tế Nông nghiệp - Trường Kinh tế); 001869 - Trương Khánh Vĩnh Xuyên[3] (K. Kinh doanh Quốc tế - Trường Kinh tế);	Anh
346	Development of Criteria for High-Technology Rice and Corn Suitability Assessment – A Case Study in the An Giang province, Viet Nam	002918 - Phan Chí Nguyện[1] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001407 - Phạm Thanh Vũ[1,*](BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 000281 - Võ Quang Minh[1] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 000277 - Lê Quang Trí[2] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 002797 - Nguyễn Quốc Khương[3] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp);	002918 - Phan Chí Nguyện
347	Does Globalization Affect Inequality? An Analysis of Vietnamese Data	001640 - Phan Văn Phúc (BM. KT Chính trị và Chủ nghĩa XH Khoa học - Khoa Khoa học Chính trị);	001640 - Phan Văn Phúc
348	Ecological Risk Assessment for Occurrence of Toxic Elements in Various Land Use Types in Vietnamese Mekong Delta Province	010072 - Huỳnh Thị Hồng Nhiên[1] (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); Le Thi Diem Mi[1]; 002783 - Nguyễn Thanh Giao[1,*] (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	010072 - Huỳnh Thị Hồng Nhiên
349	Effect of thickness of polyethylene packaging and temperature on quality of solar-dried oyster mushroom (Pleurotus sajor-caju)	ntngiang@agu.edu.vn - Nguyễn Thị Ngọc Giang[1,3]; 000345 - Nguyễn Minh Thủy[3,*] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); tvkhai@agu.edu.vn - Tran Van Khai[2];	000345 - Nguyễn Minh Thủy
350	Effects of Biochar, Lime, and Compost Applications on Soil Physicochemical Properties and Yield of Pomelo (Citrus grandis Osbeck) in Alluvial Soil of the Mekong Delta	009835 - Lê Văn Dang[1] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); 002733 - Ngô Phương Ngọc[2](K. Sinh lý-Sinh hóa - Trường Nông nghiệp); 000283 - Ngô Ngọc Hưng[1] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp);	009835 - Lê Văn Dang
351	Effects of Foliar Fertilization on Nutrient Uptake, Yield, and Fruit Quality of Pomelo (Citrus grandis Osbeck) Grown in the Mekong Delta Soils	009835 - Lê Văn Dang[1] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); 002733 - Ngô Phương Ngọc[2](K. Sinh lý-Sinh hóa - Trường Nông nghiệp); 000283 - Ngô Ngọc Hưng[1] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp);	009835 - Lê Văn Dang
352	Effects of high salinity in drinking water on behaviors, growth, and renal electrolyte excretion in crossbred Boer goats under tropical conditions	002477 - Nguyễn Thiết[1] (BM. Kỹ thuật Nông nghiệp - Khoa Phát triển Nông thôn); 000371 - Nguyễn Văn Hớn[2] (K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp); 002138 - Nguyễn Trọng Ngữ[2] (K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp); Sumpun Thammacharoen[3];	002477 - Nguyễn Thiết
353	Effects of Nitrogen Fertilization and Nitrogen Fixing Endophytic	002345 - Lê Vĩnh Thúc[1] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp);	002345 - Lê Vĩnh Thúc

	Bacteria Supplementation on Soil Fertility, N Uptake, Growth, and Yield of Sesame (Sesamum indicum L.) Cultivated on Alluvial Soil in Dykes	009767 - Trần Ngọc Hữu[1] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); Trinh Minh Ngoc[1] ; 002780 - Nguyễn Hồng Huế[1] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); quahgm@gmail.com - Lê Thanh Quang[2]; 002700 - Đỗ Thị Xuân[2] (BM. Công nghệ Vi sinh vật - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Trần Chí Nhân[3]; Lý Ngọc Thanh Xuân[3]; 010027 - Lê Thị Mỹ Thu[1] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); Isao Akagi[4]; Jun-Ichi Sakagami[4]; 002797 - Nguyễn Quốc Khương[1] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp);	
354	Effects of probiotics (Lactobacillus plantarum and Bacilus subtilis) supplementation on mortality, growth performance and carcass characteristics of native broilers challenged with Salmonella Typhimurium	002759 - Trần Văn Bé Năm[1] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 009870 - Lưu Huỳnh Anh [2] (K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp); 009882 - Huỳnh Tấn Lộc[3] (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); 002294 - Châu Thị Huyền Trang[3] (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); 002477 - Nguyễn Thiết[4] (BM. Kỹ thuật Nông nghiệp - Khoa Phát triển Nông thôn); Lý Thị Thu Lan[5] (Trà Vinh); Trần Hoàng Diệp[6]; Nguyễn Hồng Xuân[7]; 002138 - Nguyễn Trọng Ngữ[2] (K. Chăn nuôi - Trường Nông nghiệp);	002759 - Trần Văn Bé Năm
355	Employing the lens of andragogy theory to understand Vietnamese tertiary EFL lecturers' perceived needs for professional development (PD)	001967 - Ngô Huỳnh Hồng Nga[a] (BM. Tiếng Anh căn bản và chuyên ngành - Khoa Ngoại ngữ); Sue Cherrington[b] (School of Education, Victoria University of Wellington, New Zealand);	001967 - Ngô Huỳnh Hồng Nga
356	Energy-based Collaborative Filtering Recommendation	ttctu@ctu.edu.vn - Tran Thi Cam Tu[1] (Trường ĐHCT); 001232 - Phan Phương Lan[2] (K. Công nghệ Phần mềm - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông); 001067 - Huỳnh Xuân Hiệp[2,*] (K. Công nghệ Phần mềm - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông);	001232 - Phan Phương Lan
357	English language teaching pedagogical reforms in Vietnam: External factors in light of teachers' backgrounds	001611 - Lê Xuân Mai[1,*] (BM. Tiếng Anh căn bản và chuyên ngành - Khoa Ngoại ngữ); 002894 - Lê Thanh Thảo[1] (BM. Ngôn ngữ và Văn hóa Anh - Khoa Ngoại ngữ);	001611 - Lê Xuân Mai
358	Evaluating Artemia biomass and gut weed (Ulva intestinalis) meal as a dietary protein source for black tiger shrimp (Penaeus monodon) postlarvae	001798 - Nguyễn Thị Ngọc Anh[a,*] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); 002758 - Huỳnh Thanh Tới[b] (BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); 000785 - Nguyễn Văn Hòa[a] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản);	001798 - Nguyễn Thị Ngọc Anh
359	Evaluating Reference Crop Evapotranspiration of the Selected	001668 - Nguyễn Đình Giang Nam[1] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và	001668 - Nguyễn Đình

	Field Crops Grown in Different Agricultural Regions in the Vietnamese Mekong Delta	Tài nguyên Thiên nhiên); 010040 - Lê Như Ý[1] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001298 - Lâm Văn Thịnh[1] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001423 - Huỳnh Vương Thu Minh[1] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); Pankaj Kumar[2]; 001297 - Nguyễn Võ Châu Ngân [1,*] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	Giang Nam
360	Evaluation of the insecticidal activity of Solanum mammosum (L.) fruit extract against Drosophila melanogaster	001974 - Trần Thanh Mến[a] (BM. Sinh học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Tang Huyen Co[a] ; 010069 - Huỳnh Hồng Phiến[a] (BM. Sinh học - Khoa Khoa học Tự nhiên); phamleanhtuan.2807@gmail.com - Phạm Lê Anh Tuấn[c] (Kyoto Institute of Technology); kaeko kamei [b]; Trần Duy Bình [b]; Yen D. H. Nguyen[b] ;	001974 - Trần Thanh Mến
361	Expiration-Day Effects of Index Futures in a Frontier Market: The Case of Ho Chi Minh Stock Exchange	Nguyễn Thị Kim Anh[1]; 000560 - Trương Đông Lộc[2 ,*] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế); H. Swint Friday[3];	000560 - Trương Đông Lộc
362	Factors Affecting Risk Attitude of Rice Farmers: Evidence from Vietnam's Mekong Delta	002278 - Khưu Thị Phương Đông[1] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế); 001695 - Phan Đình Khôi[1,*] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế); 002595 - Nguyễn Thanh Bình[1] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế); 002222 - Trần Thị Hạnh Phúc[1] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế); Phan Hồng Nhung[1];	002278 - Khưu Thị Phương Đông
363	Factors affecting the social insurance compliance of enterprises in Vietnam	001280 - Lê Tấn Nghiêm[1,*] (K. Quản trị Kinh doanh - Trường Kinh tế); 001753 - Lê Long Hậu[2] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế); Bich Tuyen Duong[3]; Tran Huynh Nguyen[4]; 002820 - Trần Việt Thanh Trúc[2] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế); Thi Thanh Tam Nguyen[5];	001280 - Lê Tấn Nghiêm
364	Floating market History, Status and Changes: Insights from Vietnam	NGUYEN, TRONG NHAN; HUYNH, VAN DA	002006 - Nguyễn Trọng Nhân
365	Foliar application of boron positively affects the growth, yield, and oil content of sesame (Sesamum indicum L.)	002797 - Nguyễn Quốc Khương[1] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); 002345 - Lê Vĩnh Thúc[1,*] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); Nguyễn Thị Bích Trân[1]; 009767 - Trần Ngọc Hữu[1] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); Jun-Ichi Sakagami[2];	002797 - Nguyễn Quốc Khương

366	FORMULATION AND QUALITY EVALUATION OF NOODLES WITH STARCHY FLOURS CONTAINING HIGH LEVELS OF RESISTANT STARCH	bevtoocher@gmail.com - beverly cheruto Too[1] ; 000345 - Nguyễn Minh Thủy[2] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); ngovantai1509@gmail.com - Ngô Văn Tài[2,3] ;	000345 - Nguyễn Minh Thủy
367	Green economic development policy in Vietnam in the context of industrial revolution 4.0	Phung Van Hien[1], Nguyen Thi Xuan Huong*[2] [Corressponding author], Thai Thi Kim Oanh[3], Nguyen Thi Khanh Chi[1], Trinh Minh Huyen[1], Nguyen Thi Luong[4]	001468 - Nguyễn Thị Lương
368	Groundwater quality assessment using modified water quality index and associated human health risks in coastal regions of Vietnamese Mekong Delta	002783 - Nguyễn Thanh Giao [a] (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); pkanh.96@gmail.com - Phan Kim Anh [a]; 010072 - Huỳnh Thị Hồng Nhiên [a] (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	002783 - Nguyễn Thanh Giao
369	Impact of New-Type Agricultural Cooperatives on Profitability of Rice Farms: Evidence from Vietnam's Mekong River Delta	002445 - Trần Quốc Nhân[1,*] (BM. Kinh tế - Xã hội Nông thôn - Khoa Phát triển Nông thôn); Ngô Văn Thống[2]; 002526 - Nguyễn Văn Nay [1] (BM. Kinh tế - Xã hội Nông thôn - Khoa Phát triển Nông thôn); 000773 - Dương Ngọc Thành[3] (BM. Kinh tế- XH&Chính sách - Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long); 000772 - Nguyễn Duy Cần[1] (BM. Kinh tế - Xã hội Nông thôn - Khoa Phát triển Nông thôn); 002603 - Quách Dương Tử[3] (K. Kinh tế - Trường Kinh tế); 002513 - Lê Văn Dễ[1] (BM. Kinh tế - Xã hội Nông thôn - Khoa Phát triển Nông thôn);	002445 - Trần Quốc Nhân
370	Impact of saltwater intrusion on relation to fruit growing households in Ben Tre, Vietnam	001783 - Ngô Thị Thanh Trúc [a] (K. Kinh tế Tài nguyên Môi trường - Trường Kinh tế); 002345 - Lê Vĩnh Thúc [a] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp);	001783 - Ngô Thị Thanh Trúc
371	Impact of steel slag fertilizer on acid sulfate soils used for rice cultivation: a case study in An Giang Province, Vietnam	000281 - Võ Quang Minh[1] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 000284 - Lê Văn Khoa[2] (K. Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp); 009910 - Thái Thành Dư [1] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 009710 - Nguyễn Thị Hà Mi[1] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); ntpdai@nomail.com - Nguyễn Thị Phương Đài[3] (Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang);	000281 - Võ Quang Minh
372	Impact of Website Interface on Customer Experience and Engagement Intention in Online Hotel Booking	002115 - Lê Trần Thiên Ý[1] (K. Kinh doanh Quốc tế - Trường Kinh tế); jchen@saturn.yzu.edu.tw - Ja-Shen Chen[2] (College of Management, Yuan Ze University, 135 Yuan Tung Rd., Zhongli,	002115 - Lê Trần Thiên Ý

		Taoyuan, Taiwan 32003);	
373	Impacts of adopting specialized agricultural programs relying on "good practice" – Empirical evidence from fruit growers in Vietnam	002345 - Lê Vĩnh Thúc[2] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); 001783 - Ngô Thị Thanh Trúc[1] (K. Kinh tế Tài nguyên Môi trường - Trường Kinh tế);	002345 - Lê Vĩnh Thúc
374	Improvement of Glutinous Corn and Watermelon Yield by Lime and Microbial Organic Fertilizers	002345 - Lê Vĩnh Thúc[1] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); 000281 - Võ Quang Minh[2] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	002345 - Lê Vĩnh Thúc
375	Incremental and parallel proximal SVM algorithm tailored on the Jetson Nano for the ImageNet challenge	001072 - Đỗ Thanh Nghị[1] (K. Mạng Máy tính & TT - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông);	001072 - Đỗ Thanh Nghị
376	Instant Tea Formulation from Cordyceps militaris Extract via Convection Drying	Nguyen Phu Thuong Nhan[1,2]; nguyenngocquybtg@gmail.com - Nguyễn Ngọc Quy[1,3] (Số 01 Quang Trung - Phường An Lạc - Quận Ninh Kiều - Thành phố Cần Thơ); Đặng Thị Kim Thúy[4] (Viện Sinh học Nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam); Phạm Thị Mỹ Thoa[4] (Trường Đại học Nông Lâm); 002879 - Trần Bạch Long[5] (BM. Công nghệ Sau thu hoạch - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm);	002879 - Trần Bạch Long
377	Internal determinants of export performance of small and medium enterprises in Vietnam	001280 - Lê Tấn Nghiêm[1,*] (K. Quản trị Kinh doanh - Trường Kinh tế); Pham Lam An Nghiep[2]; 002820 - Trần Việt Thanh Trúc[3] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế); 001470 - Võ Văn Dứt[2] (K. Kinh doanh Quốc tế - Trường Kinh tế); 001753 - Lê Long Hậu[3] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế);	001280 - Lê Tấn Nghiêm
378	Investigation of botulism in free-range ducks farming in the Mekong Delta, Vietnam	700659 - Nguyễn Đức Hiền[1] (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); 002251 - Nguyễn Thu Tâm[1] (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); nhthanh@agu.edu.vn - Nguyễn Hữu Thanh[2,3] (Trường Đại Học An Giang);	002251 - Nguyễn Thu Tâm
379	Involvement of pharmacy students in scientific research activities in Vietnam	tvde@ctump.edu.vn - Trần Văn Đệ[1]; 002848 - Phạm Duy Toàn[2] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Nguyễn Thị Thu Hiền[3]; Phạm Kiều Anh Thơ[4]; Nguyễn Minh Cường[5]; luatsuhuytravinh@gmail.com - Nguyễn Thanh Huy[6] (Số 200 Phan Đình Phùng, Phường 7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh); Mohamed Bahlol[7]; Rebecca Susan Dewey[8];	002848 - Phạm Duy Toàn
380	Iron sulfate and molasses treated anthocyanin- rich black cane silage	Rayudika Aprilia Patindra Purba[1]; 009678 - Ngô Thị Minh Sương[1,2] (K. Chăn nuôi -	009678 - Ngô Thị Minh Sương

	improves growth performance, rumen fermentation, antioxidant status, and meat tenderness in goats	Trường Nông nghiệp); Siwaporn Paengkoum [3]; Pramote Paengkoum[1]; Juan Boo Liang[4];	
381	Land price determination in VietNam: The situation and recommendations	001198 - Phan Trung Hiền (BM. Luật Hành chính - Khoa Luật); 002405 - Châu Hoàng Thân* (BM. Luật Hành chính - Khoa Luật);	001198 - Phan Trung Hiền
382	Livelihoods and Income Diversification of Informal Recyclers: A Case Study in the Mekong River Delta, Vietnam	001988 - Huỳnh Thị Đan Xuân[1] (K. Kinh tế Nông nghiệp - Trường Kinh tế); 002174 - Khổng Tiến Dũng[2] (K. Kinh tế Nông nghiệp - Trường Kinh tế); 001537 - Huỳnh Việt Khải[3] (K. Kinh tế Tài nguyên Môi trường - Trường Kinh tế);	001988 - Huỳnh Thị Đan Xuân
383	Managing disruptions in the maritime industry – a systematic literature review	Thanh-Thuy Nguyen[1] (RMIT University, Melbourne, Australia); 002059 - Trần Thị Mỹ Dung[2] (K. Quản lý Công nghiệp - Trường Bách khoa); duc.truong@ubd.edu.bn - Truong Ton Hien Duc[3] (Business & Economics, Universiti Brunei Darussalam, Brunei Darussalam); Vinh V. Thai[3] (RMIT University, Melbourne, Australia);	002059 - Trần Thị Mỹ Dung
384	New QuEChERS method for quantification of Physalin B and D in Physalis angulata L. in Vietnam	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân[1]; 001040 - Đái Thị Xuân Trang[3] (BM. Sinh học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Tran Hoang Lam[1] ; ntnvan@ctump.edu.vn - Nguyễn Thị Ngọc Vân[2] (78 Trần Việt Châu, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ); Duong Tuyet Ngan[1]; Le Thi Cam Thuy[4]; Nguyen Trung Kien[5] (Huyen Lap vo tinh Dong thap);	001040 - Đái Thị Xuân Trang
385	OSMOTIC DEHYDRATION OF WHITE RADISH (Raphanus Sativus L.) SLICES: MASS TRANSFER CHARACTERISTICS AND MODELING	000345 - Nguyễn Minh Thủy[1] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); nhib1404645@student.ctu.edu.vn - Đinh Thị Nhi[1] (Sinh viên Lớp Quản lý Tài nguyên & Môi trường Khóa 40, trường Đại học Cần Thơ); 000281 - Võ Quang Minh[2] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); Ngô Văn Tài [*,1,3];	000345 - Nguyễn Minh Thủy
386	Pangasius Hypophthalmus Viscera as A Potential Vector of Bacterial Cross-Contamination and Resistance of Escherichia Coli to Antibiotics	001619 - Tống Thị Ánh Ngọc[1,*] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 010026 - Nguyễn Cẩm Tú [1] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 002362 - Phan Nguyễn Trang[1] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); lndduy@hcmut.edu.vn - Lê Nguyễn Đoan Duy [2] (Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh); 001120 - Nguyễn	001619 - Tống Thị Ánh Ngọc

		Công Hà (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); TAKAHISA MIYAMOTO [3];	
387	Physicochemical properties of biochar produced from biodegradable domestic solid waste and sugarcane bagasse	002655 - Nguyễn Xuân Lộc[1] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); Trần Đức Thạnh[1] ; 002051 - Đỗ Thị Mỹ Phượng[2] (BM. Kỹ thuật Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	002655 - Nguyễn Xuân Lộc
388	Phytochemical constituents and antioxidant activity of some medicinal plants collected from the Mekong Delta, Vietnam	001974 - Trần Thanh Mến [1] (BM. Sinh học - Khoa Khoa học Tự nhiên); ndhyen94@gmail.com - Nguyễn Đình Hải Yến[2]; La Thị Kim Tú [1]; 002566 - Trần Ngọc Quý [3] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 001971 - Nguyễn Thị Kim Huê[1] (BM. Sinh học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 002611 - Đỗ Tấn Khang[3,*] (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm);	001974 - Trần Thanh Mến
389	Potential of endophytic phosphorus-solubilizing bacteria to improve soil fertility, P uptake, and yield of maize (Zea mays L.) cultivated in alluvial soil in dikes in Vietnam	002797 - Nguyễn Quốc Khương[a] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); quahgm@gmail.com - Lê Thanh Quang[b]; 002345 - Lê Vĩnh Thúc[a,*] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); 009767 - Trần Ngọc Hữu[a] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); 010027 - Lê Thị Mỹ Thu[a] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); 002260 - Trần Thị Bích Vân [a] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); 002700 - Đỗ Thị Xuân[b] (BM. Công nghệ Vi sinh vật - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 002780 - Nguyễn Hồng Huế[a] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); Nguyễn Thị Thái Lê [a]; Phạm Duy Tiễn[c]; Trần Chí Nhân[c]; Lý Ngọc Thanh Xuân[c]; nttxuan@agu.edu.vn - Nguyễn Thị Thanh Xuân[c] (Khoa Nông nghiệp và Tài nguyên thiên nhiên, Trường Đại học An Giang);	002797 - Nguyễn Quốc Khương
390	Potential of Phosphorus Solubilizing Purple Nonsulfur Bacteria Isolated from Acid Sulfate Soil in Improving Soil Property, Nutrient Uptake, and Yield of Pineapple (Ananas comosus L. Merrill) under Acidic Stress	009767 - Trần Ngọc Hữu[1] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); Trần Thị Ngọc Giàu[1] ; Phan Ngọc Ngân[1]; 002260 - Trần Thị Bích Vân[1] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp); 002797 - Nguyễn Quốc Khương[1] (K. Khoa học Cây trồng - Trường Nông nghiệp);	009767 - Trần Ngọc Hữu
391	Preparing Shrimp Shell-Derived Chitosan with Rice Husk-Derived Biochar for Efficient Safranin O	002051 - Đỗ Thị Mỹ Phượng[1] (BM. Kỹ thuật Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); M4720007 -	002051 - Đỗ Thị Mỹ Phượng

	Removal from Aqueous Solution	Nguyễn Thị Thanh Thảo[1] (Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên); 002655 - Nguyễn Xuân Lộc[2,*] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	
392	Prevalence and eradication efficacy of Helicobacter pylori infection in children in the Mekong delta, Vietnam: a cross-sectional study	Trần Đức Long[1]; 002848 - Phạm Duy Toàn[4] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Nguyễn Trung Kiên[2]; Nguyễn Thị Thu Cúc[1]; Lê Thị Thúy Loan[1]; Trần Công Lý [1]; Lê Thị Gái[3]; Nguyễn Minh Phương[1];	002848 - Phạm Duy Toàn
393	Probiotic potential of lactic acid bacteria isolated from Vietnamese sour-fermented fish product	002774 - Nguyễn Phạm Anh Thi (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 002611 - Đỗ Tấn Khang (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 010094 - Trần Hữu Hậu (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 002364 - Trương Thị Bích Vân (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); 010092 - Nguyễn Phạm Thiên Trang (BM. Sinh học Phân tử - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); Nguyen Thi Nhu Huynh (BM Kỹ thuật Môi trường, Khoa Môi trường & TNTN, Đại học Cần Thơ); Huynh Van Liem; Tran Kieu Dieu Thi; Do Phuong Kieu; Dang Huy Hoa; nhatt@tdmu.edu.vn - Trần Thanh Nhã (Khoa Khoa học Tự nhiên - Trường Đại học Thủ Dầu Một); Lê Nguyễn Khôi Nguyên;	002774 - Nguyễn Phạm Anh Thi
394	Removal of Arsenic in Groundwater Using Fe(III) Oxyhydroxide Coated Sand: A Case Study in Mekong Delta, Vietnam	001669 - Kim Lavane[1](BM. Kỹ thuật Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001681 - Nguyễn Trường Thành[1] (BM. Kỹ thuật Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001299 - Phạm Văn Toàn[1] (BM. Kỹ thuật Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001423 - Huỳnh Vương Thu Minh[2] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); Pankaj Kumar [3,*];	001669 - Kim Lavane
395	Representation of real solvable Lie algebras having 2-dimensional derived ideal and geometry of coadjoint orbits of corresponding Lie groups	002715 - Nguyễn Thị Cẩm Tú[a,b] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên); vula@uel.edu.vn - Lê Anh Vũ[c,*] (Faculty of Economic Mathematics University of Economics and Law, Vietnam National University Ho Chi Minh City, Vietnam);	002715 - Nguyễn Thị Cẩm Tú
396	Seasonal and Tidal Influence on Surface Water Quality – A Case Study in the Hau River Segment,	000779 - Dương Văn Ni [1](BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 000799 - Lê Hoàng	000779 - Dương Văn Ni

	Vietnamese Mekong Delta Province	Việt[1] (BM. Kỹ thuật Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); lyb1404632@student.ctu.edu.vn - Nguyễn Hồng Thảo Ly[1] (BM. Quản lý Môi trường, Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	
397	Semi-Continuous Anaerobic Digestion of Water Hyacinth with Different Volatile Solid Levels for Biogas Production – A Mesocosm Experiment	002440 - Nguyễn Công Thuận[1] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 009818 - Huỳnh Công Khánh[2] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	002440 - Nguyễn Công Thuận
398	TECHNICAL AND RESOURCE USED EFFICIENCY OF RICE PRODUCTION IN THE MEKONG DELTA, VIETNAM	Le Canh DUNG, Vo Van TUAN, Nguyen Thi Kim THOA	000775 - Lê Cảnh Dũng
399	Technology Acceptance in Seeking Jobs Among University Graduates in Vietnam	001983 - Nguyễn Quốc Nghi (K. Marketing - Trường Kinh tế); 000541 - Mai Văn Nam (VP. Khoa Sau Đại học - Khoa Sau Đại học); 002224 - Lê Thị Diệu Hiền (K. Quản trị Kinh doanh - Trường Kinh tế);	001983 - Nguyễn Quốc Nghi
400	Tension force identification for cable of various end-restraints using equivalent effective vibration lengths of mode pairs	syamsibnu@umy.ac.id - Muhammad Ibnu Syamsi[a,b] (Department of Civil Engineering, National Central University, Taiwan); 001917 - Nguyễn Văn Sơn[a,c] (K. Kỹ thuật Công trình Giao thông - Trường Bách khoa); cywang@cc.ncu.edu - Chung-Yue Wang[a] (Department of Civil Engineering, National Central University, Taiwan);	001917 - Nguyễn Văn Sơn
401	The Constitutionality of Compulsory Land Acquisition in Vietnam: Issues and Recommendations	001198 - Phan Trung Hiền [a] (BM. Luật Hành chính - Khoa Luật); spith@uw.edu - Hugh D. Spitzer [b] (School of Law, University of Washington, Seattle, USA);	001198 - Phan Trung Hiền
402	The Effectiveness of Experiential Learning in Teaching Arithmetic and Geometry in Sixth Grade	002237 - Bùi Phương Uyên [a] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); 001860 - Dương Hữu Tòng [a] (BM. Giáo dục Tiểu học - Mầm non - Khoa Sư phạm); Nguyễn Bích Liên [b];	002237 - Bùi Phương Uyên
403	The effects of index futures trading volume on spot market volatility in a frontier market: Evidence from Ho Chi Minh Stock Exchange	000560 - Trương Đông Lộc [a] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế); H. Swint Friday [b]; Anh Thi Kim Nguyen [c] (Trường Đại học An Giang);	000560 - Trương Đông Lộc
404	The efficacy of a four-stage learning model incorporating ACODESA method and mind map in fostering students' mathematical communication skills: A data report	001860 - Dương Hữu Tòng [a] (BM. Giáo dục Tiểu học - Mầm non - Khoa Sư phạm); 002237 - Bùi Phương Uyên [a] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm);	001860 - Dương Hữu Tòng
405	The impact of household head labor status and worker characteristics on household poverty: Evidence in	002504 - Nguyễn Ngọc Đức (K. Kinh tế - Trường Kinh tế); 002117 - Lê Tín (K. Kế toán - Kiểm toán - Trường Kinh tế);	002504 - Nguyễn Ngọc Đức

	Vietnam		
406	The Impact of Remittances on Saving Behaviour and Expenditure Patterns in Vietnam	001632 - Hứa Thanh Xuân [a] (K. Kinh tế - Trường Kinh tế); Roselinde Kessels [b,c]; guido.erreygers@uantwerpen.be - Guido Erreygers [c,d](Prinsstraat 13, 2000 Antwerp, Belgium);	001632 - Hứa Thanh Xuân
407	The Impacts of Fears of COVID-19 on University Students' Adaptability in Online Learning	dthvan286@gmail.com - Đào Thị Hồng Vân [a] (491E/NC Nguyễn Văn Trường, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ); 002807 - Nguyễn Duy Khang [b] (BM. Ngôn ngữ và Văn hóa Anh - Khoa Ngoại ngữ); 002179 - Hà Hoàng Quốc Thi [c] (BM. SP Tin học - Khoa Sư phạm);	002807 - Nguyễn Duy Khang
408	The influence of female leadership on the cash holdings of listed companies in Vietnam	001280 - Lê Tấn Nghiêm [a] (K. Quản trị Kinh doanh - Trường Kinh tế); 001753 - Lê Long Hậu [b] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế); Anh Tran Thi Hoang [d]; Bich Tuyen Duong [c]; 002820 - Trần Việt Thanh Trúc [b] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế); Thi Thanh Tam Nguyen [c];	001280 - Lê Tấn Nghiêm
409	The influence of information transparency and disclosure on the value of listed companies: Evidence from Vietnam	000560 - Trương Đông Lộc [a] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế); 002203 - Lê Xuân Thái [b] (BM. Kinh tế-XH&Chính sách - Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long); H. Swint Friday [c];	000560 - Trương Đông Lộc
410	THE INFLUENCE OF PACKAGING AND STORAGE TEMPERATURE ON THE CHEMICAL COMPOSITION OF FRESH OYSTER MUSHROOMS (PLEUROTUS SAJOR-CAJU) DURING STORAGE	ntngiang@agu.edu.vn - Nguyễn Thị Ngọc Giang [a] ; 000345 - Nguyễn Minh Thủy[c] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm); tvkhai@agu.edu.vn - Tran Van Khai [b];	000345 - Nguyễn Minh Thủy
411	The Role of R&D Intensity on the Export Intensity of Enterprises in Transition Economy: The Case of Vietnam	001470 - Võ Văn Dứt[1] (K. Kinh doanh Quốc tế - Trường Kinh tế); binhtv@ueh.edu.vn - Từ Văn Bình[2]; Thanh Lan Ngoc Trang[3];	001470 - Võ Văn Dứt
412	The Use and Potential Impacts of Pesticides in Chili Farming in the Thanh Binh District, Dong Thap Province, Vietnam	Le Thi Diem Mi; c (BM. Quản lý Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	001470 - Võ Văn Dứt
413	Tourism Vulnerability Amid the Pandemic Crisis: Impacts and Implications for Rebuilding Resilience of a Local Tourism System in Vietnam	001851 - Huỳnh Văn Đà [a] (BM. Lịch sử - Địa lý - Du lịch - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn); 002006 - Nguyễn Trọng Nhân [a] (BM. Lịch sử - Địa lý - Du lịch - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn); 002242 - Trương Thị Kim Thủy [a] (BM. Lịch sử - Địa lý - Du lịch - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn); Long Hai Duong [b];	001851 - Huỳnh Văn Đà
414	Understanding Dry and Wet	001423 - Huỳnh Vương Thu [a] Minh (BM.	001423 - Huỳnh

	Conditions in the Vietnamese Mekong Delta Using Multiple Drought Indices: A Case Study in Ca Mau Province	Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); kumar@iges.or.jp - Pankai Kumar [b] (Natural Resources and Ecosystem Services, Institute for Global Environmental Strategies, Hayama 240-0115); 001626 - Trần Văn Tỷ [c] (K. Kỹ thuật Thủy lợi - Trường Bách khoa); 002826 - Đinh Văn Duy [c] (K. Kỹ thuật Thủy lợi - Trường Bách khoa); B1912577 - Trần Gia Hân [d] (Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên); 001669 - Kim Lavane [e] (BM. Kỹ thuật Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); ram@ees.hokudai.ac.jp - Ram Avtar [f] (Faculty of Environmental Earth Science, Hokkaido University, Sapporo 060-0810, Japan;);	Vương Thu Minh
415	Water Lettuce (Pistia stratiotes L.) as a Potential Material for Biogas Production	000407 - Nguyễn Văn Công [a](BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001246 - Nguyễn Xuân Hoàng [a] (BM. Kỹ thuật Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); Trần Văn Thanh [a]; Lê Thị Mộng Kha [b];	000407 - Nguyễn Văn Công
416	Microfluidic encapsulation for controlled release and its potential for nanofertilisers	Tu Nguyen Quang Le [a,b](b Faculty of Chemical Engineering, Ho Chi Minh City University of Technology, Ho Chi Minh City, Vietnam); 002052 - Trần Nam Nghiệp [a,c] (BM. Công nghệ Hóa học - Khoa Công nghệ); Marc Escriba`-Gelonch [d] (Higher Polytechnic Engineering School, University of Lleida, Igualada (Barcelona), 08700, Spain); Christophe A. Serra [e] (Universite´ de Strasbourg, CNRS, Institut Charles Sadron UPR 22, F-67000 Strasbourg, France); Ian Fisk [f,g] (The University of Adelaide, North Terrace, Adelaide, South Australia, Australia); David Julian McClements [h] (Department of Food Science, University of Massachusetts, Amherst, MA 01003, USA); Volker Hessel [a,i];	002052 - Trần Nam Nghiệp
417	Estimating impacts of alternate wetting and drying on greenhouse gas emissions from early wet rice production in a full-dike system in An Giang Province, Vietnam, through life cycle assessment	Ai Leon [a] (Japan International Research Center for Agricultural Sciences, 1-1 Ohwashi, Tsukuba, Ibaraki, 305-8686, Japan); minakazu@affrc.go.jp - Kazunori Minamikawa [a] (Crop, Livestock and Environment Division, Japan International Research Center for Agricultural Sciences, 1-1 Ohwashi, Tsukuba, Ibaraki 305-8686, Japan); Taro Izumi[a] (Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế Nhật Bản về Khoa	000398 - Nguyễn Hữu Chiếm

		học Nông nghiệp, Nhật Bản); 000398 - Nguyễn Hữu Chiếm [b] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	
418	Economic Optimization of Local Australian Ammonia Production Using Plasma Technologies with Green/Turquoise Hydrogen	002052 - Trần Nam Nghiệp [a,b] (BM. Công nghệ Hóa học - Khoa Công nghệ); Jose Osorio Tejada [c] (School of Engineering, University of Warwick, Coventry CV4 7AL, United Kingdom); Mahdieh Razi Asrami [a]; Animesh Srivastava [d]; Ambar Laad [d] (Department of Chemical Engineering, Indian Institute of Technology Delhi, New Delhi, Delhi 110016, India); Marian Mihailescu [e]; Andre Costa [e] (Teletraffic Research Centre, The University of Adelaide, South Australia 5005, Australia); Evgeny Rebrov [c] (School of Engineering, University of Warwick, Coventry CV4 7AL, United Kingdom); Vy Thi Tuong Lai[f] (Department of Industrial System Engineering, Ho Chi Minh International University, Ho Chi Minh City 71300, Vietnam); Phuc Nguyen Ky Phan [f] (Department of Industrial System Engineering, Ho Chi Minh International University, Ho Chi Minh City 71300, Vietnam); Gregory Dean Butler [g] ; Volker Hessel[a,c];	002052 - Trần Nam Nghiệp
419	Environmental changes affecting physiological responses and growth of hybrid grouper–The interactive impact of low pH and temperature	Yusnita A Thalib [a] (Institute of Tropical Aquaculture and Fisheries, Universiti Malaysia Terengganu, 21030 Kuala Nerus, Terengganu, Malaysia); 002753 - Hứa Thái Nhân [f] (P. Hợp tác quốc tế - Phòng Hợp tác Quốc tế); Ros Suhaida Razali [a] (Institute of Tropical Aquaculture and Fisheries, Universiti Malaysia Terengganu, 21030 Kuala Nerus, Terengganu, Malaysia); Suhaini Mohamad [a] (a Institute of Tropical Aquaculture and Fisheries, Universiti Malaysia Terengganu, 21030 Kuala Nerus, Terengganu, Malaysia); Rabi'atul 'Adawiyyah Zainuddin [a] (Institute of Tropical Aquaculture and Fisheries, Universiti Malaysia Terengganu, 21030 Kuala Nerus, Terengganu, Malaysia); Sharifah Rahmah[a,b] (Institute of Tropical Aquaculture and Fisheries, Universiti Malaysia Terengganu, 21030 Kuala Nerus, Terengganu, Malaysia); Mazlan Abd. Ghaffar [a,c,e] (c Faculty of Science and Marine Environment, Universiti	002753 - Hứa Thái Nhân

		Malaysia Terengganu, 21030 Kuala Nerus, Terengganu, Malaysia); liew@gmail.com - Hon Jung Liew [a,b,d] (UMT);	
420	Statistically examining the connection between dike development and human perceptions in the floodplains' socio-hydrology system of Vietnamese Mekong Delta	Tang Luu [a]; Mark Verhallen [b]; Dung Duc Tran [a]; Willam B Sea [c]; 002781 - Nguyễn Thanh Bình [d] (BM. Phát triển Nông nghiệp - Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long); Hong Quan Nguyen [a,e];	002781 - Nguyễn Thanh Bình
421	Continuous microfluidic solvent extraction of cobalt from mimicked and real asteroid leaching solutions	MarlyWouters [a,b] (School of Chemical Engineering and Advanced Materials, University of Adelaide, Australia); 002052 - Trần Nam Nghiệp [a,d] (BM. Công nghệ Hóa học - Khoa Công nghệ); ShamaunRahman [a](School of Chemical Engineering and Advanced Materials, University of Adelaide, Australia); HideakiMyamoto [c] (Department of Systems Innovation, The University of Tokyo, Japan); Volker Hessel[a,e];	002052 - Trần Nam Nghiệp
422	Establishing sustainable sediment budgets is critical for climate-resilient mega-deltas	g.vasilopoulos@hull.ac.uk - G Vasilopoulos [a,g](Energy and Environment Institute, University of Hull, Hull, United Kingdom); 001560 - Văn Phạm Đăng Trí [d] (VP. Viện NCBĐ Khí hậu - Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu); Q L Quan [a,b] (Southern Institute of Water Resources Research, Ho Chi Minh City, Vietnam); d.parsons@hull.ac.uk - Dan Parson [a] (Energy and Environment Institute, University of Hull, Kingston upon Hull HU6 7RX, UK); s.e.darby@soton.ac.uk - S E Darby [c] (School of Geography and Environmental Science, University of Southampton, Southampton, United Kingdom); N N Hung[b] (Southern Institute of Water Resources Research, Ho Chi Minh City, Vietnam); I D Haigh [e] (Ocean and Earth Science, University of Southampton, National Oceanography Centre Southampton, Southampton, United Kingdom); H E Voepel [c] (School of Geography and Environmental Science, University of Southampton, Southampton, United Kingdom); A P Nicholas [f] (College of Life and Environmental Sciences, University of Exeter, Exeter, United Kingdom); R Aalto [f] (College of Life and Environmental Sciences, University of Exeter, Exeter, United Kingdom);	001560 - Văn Phạm Đăng Trí
423	Environmental impacts of a rice-	OGINO Akifumi [a]; 000365 - Nguyễn Văn	000365 -

	beef-biogas integrated system in the Mekong Delta, Vietnam evaluated by life cycle assessment	Thu (BM. Chăn nuôi - Khoa Nông nghiệp); Yasukazu Hosen [c,e] (Nhật Bản); Taro Izumi [c] (Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế Nhật Bản về Khoa học Nông nghiệp, Nhật Bản); Tomoyuki Suzuki [c,f] (Crop, Livestock & Environment Division, Japan International Research Center for Agricultural Sciences (JIRCAS), 1-1 Ohwashi, Tsukuba, Ibaraki 305-8686, Japan); Takashi Sakai [c,d] (Japan); Sada Ando [a,c]; Takashi Osada [a]; Tomoyuki Kawashima [d] (Japan);	Nguyễn Văn Thu
424	FAD-BERT: improved prediction of FAD binding sites using pre-training of deep bidirectional transformers	002299 - Hồ Quang Thái [a,b] (K. Công nghệ Phần mềm - Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông); Nguyễn Trịnh Trùng Dương [a]; khanhlee87@gmail.com - Lê Nguyễn Quốc Khánh [c,d] (Yuan Ze University); yienou@gmail.com - Ou Yu-Yen [a] (Yuan Ze University);	002299 - Hồ Quang Thái
425	Drivers of agricultural transformation in the coastal areas of the Vietnamese Mekong delta	002781 - Nguyễn Thanh Bình [a] (BM. Phát triển Nông nghiệp - Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long); 008406 - Lê Vân Thủy Tiên [a] (VP. Viện ĐBSCL - Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long); 002168 - Nguyễn Ánh Minh [b] (BM. Xã hội học - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn); Nguyễn Nguyên Minh [c] (CSIRO Land and Water, Highett, Victoria); 000483 - Nguyễn Hiếu Trung [d] (VP. Viện NCBĐ Khí hậu - Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu);	002781 - Nguyễn Thanh Bình
426	Isolation of carbapenem-resistant Enterobacteriaceae harbouring NDM-1, 4, 5, OXA48 and KPC from river fish in Vietnam	Tatsuya Nakayama [a,b]; 001796 - Trần Thị Tuyết Hoa[c] (BM. Bệnh học thủy sản - Khoa Thủy sản); 009769 - Hồng Mộng Huyền [c] (BM. Bệnh học thủy sản - Khoa Thủy sản); Takahiro Yamaguchi [d]; Michio Jinnai[e]; Doan Tran Nguyen Minh [f]; Nguyễn Hoàng Oanh [f]; Lê Thị Hiền [f]; Ngo Thanh Phong[f]; Hoang Hoai Phuong[f]; Nguyễn Đỗ Phúc [f]; Dang Van Chinh [f]; Yuko Komeda [g]; Atsushi Hase [h];	001796 - Trần Thị Tuyết Hoa
427	An enhanced analytical framework of participatory GIS for ecosystem services assessment applied to a Ramsar wetland site in the Vietnam Mekong Delta	hohuuloc@ait.asia - Hồ Hữu Lộc [a]; 001289 - Nguyễn Thị Hồng Điệp [d] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); edward.park@nie.edu.sg - Edward Park; ntcan93@gmail.com - Nguyễn Trọng Cần [e]; thub1606513@student.ctu.edu.vn - Trần Ngọc Thủ [d];	001289 - Nguyễn Thị Hồng Điệp
428	Does the devolution of forest management help conserve	Trương Đặng Thụy [a]; 002657 - Võ Quốc Tuấn [b] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa	002657 - Võ Quốc Tuấn

	mangrove in the Mekong Delta of Viet Nam?	Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); Phạm Khánh Nam [a];	
429	Molecular Beam Epitaxy of Two-Dimensional GaTe Nanostructures on GaAs(001) Substrates: Implication for Near-Infrared Photodetection	Sa Hoang Huynh [a] (Department of Electrophysics, College of Sciences, National YangMing Chiao TungUniversity, Hsinchu 30010, Taiwan;); 001859 - Vũ Thanh Trà [c] (BM. SP Vật lý - Khoa Sư phạm); Nhu Quynh Diep [a] (Department of Electrophysics, College of Sciences, National YangMing Chiao TungUniversity, Hsinchu 30010, Taiwan;); Tan Vinh Le [a] (Department of Electrophysics, College of Sciences, National YangMing Chiao TungUniversity, Hsinchu 30010, Taiwan;); Ssu Kuan Wu [a] (Department of Electrophysics, College of Sciences, National YangMing Chiao TungUniversity, Hsinchu 30010, Taiwan;); Cheng Wei Liu [a] (Department of Electrophysics, College of Sciences, National YangMing Chiao TungUniversity, Hsinchu 30010, Taiwan;); Duc Loc Nguyen [a] (Department of Electrophysics, College of Sciences, National YangMing Chiao TungUniversity, Hsinchu 30010, Taiwan;); Hua Chiang Wen [a] (Department of Electrophysics, College of Sciences, National YangMing Chiao TungUniversity, Hsinchu 30010, Taiwan;); Wu Ching Chou [a] (Department of Electrophysics, College of Sciences, National YangMing Chiao TungUniversity, Hsinchu 30010, Taiwan;); Van Qui Le [b] (Department of Electrophysics, College of Sciences, National YangMing Chiao TungUniversity, Hsinchu 30010, Taiwan;);	001859 - Vũ Thanh Trà
430	Dumbbell configuration of silicon adatom defects on silicene nanoribbons	001523 - Huỳnh Anh Huy [a] (BM. SP Vật lý - Khoa Sư phạm); hqduy@ctuet.edu.vn - Hồ Quốc Duy [b] (BM. Vật lý, Khoa Khoa học Cơ bản, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, Số 256 Nguyễn Văn Cừ, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ); truongquoctuanvl@gmail.com - Trương Quốc Tuấn [c] (Học viên cao học khoa Khoa học tự nhiên, ĐH Cần Thơ); 009802 - Ông Kim Lẹ [c] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); nlhphuong@tdu.edu.vn - Nguyễn Lê Hoài Phương [d] (Đại học Tây Đô);	001523 - Huỳnh Anh Huy

431	Enrichment effects of fermented by-product of Shochu distillery on Brachionus plicatilis sp. rotifer and larviculture performance in Japanese flounder (Paralichthys olivaceus)	002768 - Trần Nguyễn Duy Khoa [a,c] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); Viliame Waqalevu [d] (PSL Research University: EPHE-UPVD-CNRS, USR 3278 CRIOBE BP 1013, 98729 Papetoai, Moorea, French Polynesia); hoda@gmail.com - Akinobu Honda [a] (Kagoshima University); matsui@gmail.com - Hideaki Matsui [b] (Kagoshima University); Nguyen XuanTruong [b] (United Graduate School of Agricultural Sciences, Kagoshima University, 1-21-24 Korimoto, Kagoshima 890-0056, Japan); KenzoSakaguchi [e] (Eidensha Co., Ltd., Shimoarata 1-36-24, Kagoshima 8900056, Japan); Hirofumi Kawaji [e] (Eidensha Co., Ltd., Shimoarata 1-36-24, Kagoshima 8900056, Japan); Manabu shikawa [a,b] (Faculty of Fisheries, Kagoshima University, Shimoarata 4-50-20, Kagoshima 890-0056, Japan); KazuhiroShiozaki [a,b] (Faculty of Fisheries, Kagoshima University, Shimoarata 4-50-20, Kagoshima 890-0056, Japan); kotani@gmail.com - Tomonari Kotani [a,b] (Kagoshima University);	002768 - Trần Nguyễn Duy Khoa
432	Toward on-board microchip synthesis of CdSe vs. PbSe nanocrystalline quantum dots as a spectral decoy for protecting space assets	Job Nijhuis [a,b] (School of Chemical Engineering and Advanced Materials, University of Adelaide, Australia); 002052 - Trần Nam Nghiệp [a,e] (BM. Công nghệ Hóa học - Khoa Công nghệ); Quy Don Tran [a] (School of Chemical Engineering and Advanced Materials, University of Adelaide, Australia.); Toan Dinh [d,c] (Queensland Micro and Nanotechnology Centre, Griffith University, Australia); Hoang-Phuong Phan [c] (Department of Mechanical Engineering, University of Southern Queensland, Australia); Nam Trung Nguyen [c] (Institute of Biotechnology, Vietnam Academy of Science and Technology); Tung Tran[a] (Queensland Micro and Nanotechnology Centre, Griffith University, Australia); Dusan Losic [a] (The University of Adelaide, School of Chemical Engineering, Adelaide, SA, 5005, Australia); Volker Hessel [a,f];	002052 - Trần Nam Nghiệp
433	Hydropower Dams, River Drought and Health Effects: A Detection and Attribution Study in the Lower	d.phung@griffith.edu.au - Dung Phung [a,g] (Centre for Environment and Population Health, Nathan Campus, Griffith	000483 - Nguyễn Hiếu Trung

	Mekong Delta Region	University); Thong Nguyen-Huy [b,k] (Centre for Applied Climate Sciences, University of Southern Queensland, Toowoomba, QLD 4350, Australia); Ngoc Nguyen Tran [c,d] (University of Technology Sydney); Ngoc Dang Tran [e] (Ho Chi Minh City Medicine and Pharmacy University); Quang-Van Doan [f] (University of Tsukuba); Son Hong Nghiem [g] (Griffith University); Nga Huy Nguyen [h]; Trude Bennett [j] (University of North Carolina at Chapel Hill); 000483 - Nguyễn Hiếu Trung [i] (VP. Viện NCBĐ Khí hậu - Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu);	
434	Characterization of DtrJ as an IncC plasmid conjugative DNA transfer component	Steven J. Hancock [a,b]; Minh-Duy Phan [a,b]; Leah W. Roberts [a,b]; 002699 - Vũ Ngọc Minh Thư [c] (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); Patrick N. A. Harris [b,d]; Scott A. Beatson [a,b]; Mark A. Schembri [a,b];	002699 - Vũ Ngọc Minh Thư
435	Earthworm Diversity, Forest Conversion and Agroforestry in Quang Nam Province, Vietnam	Rachmat Mulia [a]; Sam Van Hoang [b]; Van Mai Dinh c; Ngoc Bich Thi Duong [d]; ducanh410@yahoo.com - Nguyễn Đức Anh [e,f]; 009975 - Lâm Hải Đăng [g] (VP. Khoa Sư phạm - Khoa Sư phạm); Duyen Thu Thi Hoang [h]; Meine van Noordwijk [i];	009975 - Lâm Hải Đăng
436	Electrification of Highway Transportation with Solar and Wind Energy	002373 - Nguyễn Văn Cần [a] (K. Quản lý Công nghiệp - Trường Bách khoa); Chi-Tai Wang [a]; Ying-Jiun Hsieh [b];	002373 - Nguyễn Văn Cần
437	Effect of large graphene particle size on structure, optical property and photocatalytic activity of graphene-titanate nanotube composites	Vo Cao Minh [a] (Saigon University); 001076 - Nguyễn Trí Tuấn [d] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Phan Tan Dat [a](ĐH Sài Gòn); thuyphamconan@gmail.com - Phạm Thị Thủy [b] (Học viên cao học Sinh thái học K22); Nguyen Xuan Sang [c] (Department of Electronics and Telecommunication, Saigon University, 273 An Duong Vuong, ward 3, district 5, Ho Chi Minh City 700000, Vietnam); Trần Thanh Tùng [e]; DusanLosic [e] (School of Chemical Engineering & Advanced Materials, The University of Adelaide, Adelaide, 5005, SA, Australia);	001076 - Nguyễn Trí Tuấn
438	Changes in Fermented Soybean Nutritional Content Generated Under the Different Fermentation Conditions by Bacillus Subtilis	Tham Nguyen [a]; William Lapoin [b]; Matt Young; 001120 - Nguyễn Công Hà [c] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Khoa Nông nghiệp);	001120 - Nguyễn Công Hà
439	The lowest-energy structure of the gold cluster Au10: planar vs. nonplanar?	001506 - Phạm Vũ Nhật [a] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Nguyen Thanh Si [a]; Nguyễn Thị Nhật Hằng [b] (Khoa Công nghệ Thực phẩm, Đại học Thủ Dầu Một);	001506 - Phạm Vũ Nhật

		Minh Tho Nguyen [c];	
440	Enhancement of water absorption capacity and compressibility of hydrogel sponges prepared from gelatin/chitosan matrix with different polyols	vtsinh92@skku.edu - Võ Thị Sinh [a] (1School of Mechanical Engineering, Sungkyunkwan University, Suwon 16419, Republic of Korea); 002698 - Võ Trần Thị Bích Châu [b] (BM. Quản lý Công nghiệp - Khoa Công nghệ); trungtien@yopmail.com - Trần Trung Tiến [a]; duynhan@yopmail.com - Phạm Duy Nhân [c];	002698 - Võ Trần Thị Bích Châu
441	Effects of synthesis conditions on structure and magnetic properties of MnFe2O4 particles	N. V. Quang [1] , P. T. L. Huong [2,3,4] , Nguyen Tu [3,4] , N. T. Huyen [1] , N. T. Tuan [7], Manh Trung Tran [3,4,6] , Anh Tuan Le [5,6]	001076 - Nguyễn Trí Tuấn
442	Brown Planthopper Sensor Network Optimization Based on Climate and Geographical Factors using Cellular Automata Technique	001067 - Huỳnh Xuân Hiệp [a] (BM. Công nghệ Phần mềm - Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông); Phan Lâm Mỹ Ngà [a]; Luong Hoang Huong [b]; 008689 - Ông Thị Mỹ Linh [a] (BM.Kỹ thuật Phần mềm và Đa phương tiện - Trung tâm Công nghệ Phần mềm); 002267 - Nguyễn Thanh Hải [a] (BM. Hệ thống Thông tin - Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông); Bernard Pottier [c] (Université de Bretagne Occidentale);	001067 - Huỳnh Xuân Hiệp
443	Reducing Antimicrobial Usage in Small-Scale Chicken Farms in Vietnam: A 3-Year Intervention Study	phudh@oucru.org - Đoàn Doãn Phú [a,b] (Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh); Nguyễn Văn Cường [a] (Học viên cao học K17); Truong Dinh Bao [a,b]; Bach Tuan Kiet [c]; Võ Bé Hiền [c]; 000384 - Hồ Thị Việt Thu [d] (BM. Thú y - Khoa Nông nghiệp); Lâm Kim Yến [e]; Nguyen Thi Tuyet Minh [f]; Erry Setyawan[g]; Guy Thwaites [a,h] (Oxford University Clinical Research Unit, Hospital for Tropical Diseases, Ho Chi Minh City, Vietnam); Jonathan Rushton [i] (Institute of Infection and Global Health, University of Liverpool, Liverpool, United Kingdom); Juan Carrique-Mas [a,h] (Oxford University Clinical Research Unit, Hospital for Tropical Diseases, Ho Chi Minh City, Vietnam);	000384 - Hồ Thị Việt Thu
444	Effect of ferric ion [Fe3+] and [Fe2+] on SO2 adsorption ability of γ-Fe2O3 nanoparticles for mass-type gas sensors	Nguyen Thanh Vinh [a,b] (ITIMS); 001076 - Nguyễn Trí Tuấn [d] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Bui Thi Hang [a] (ITIMS); Anh-Tuan Le [c]; tvdang@ctump.edu.vn - Trần Văn Đăng [a] (Trường Đại học Y Dược Cần Thơ); Nguyễn Văn Quý [a]; Le Khanh Vinh [e];	001076 - Nguyễn Trí Tuấn
445	A Modified Bare Soil Index to Identify Bare Land Features during Agricultural Fallow-Period in	Can Trong Nguyen [a,b]; 002448 - Phan Kiều Diễm [c] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên	002448 - Phan Kiều Diễm

	Southeast Asia Using Landsat 8	nhiên); amnat@jgsee.kmutt.ac.th - Amnat Chidthaisong [a,b] (King Mongkut's University of Technology Thonburi, 126 Prachauthit Rd, Bangmod, Tungkru, Bangkok, Thailand 10140.); Lian-Zhi Huo [d];	
446	Isolation and Identification of Antibacterial and Antifungal Compounds from Praxelis clematidea R. M. King & H. Robinson as an Effective Potential Treatment against Rice Pathogens	002416 - Nguyễn Chí Cương[a,b] (K. Bảo vệ thực vật - Trường Nông nghiệp); 002782 - Nguyễn Quốc Châu Thanh [c] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); kanaori@kit.ac.jp - Kenji Kanaori [a] (Kyoto Institute of Technology); tdbinh22@gmail.com - Trần Duy Bình [a] (Kyoto Institute of Technology); 002143 - Lê Văn Vàng [b] (K. Bảo vệ thực vật - Trường Nông nghiệp); Kaeko Kamei [a] ;	002416 - Nguyễn Chí Cương
447	Application of Fuzzy Moving Sliding Surface Approach for Container Cranes	001571 - Ngô Quang Hiếu [a] (BM. Kỹ thuật Cơ khí - Khoa Công nghệ); nnphong14@gmail.com - Nguyễn Ngô Phong [b]; Gyoung-Hahn Kim [d] ; 001256 - Trương Quốc Bảo [c] (BM. Tự động hóa - Khoa Công nghệ);	001571 - Ngô Quang Hiếu
448	First-principles study of electronic and optical properties of defective sawtooth penta-graphene nanoribbons	001108 - Nguyễn Thành Tiên[a] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 001848 - Phạm Thị Bích Thảo [a] (BM. Vật lý học - Khoa Khoa học Tự nhiên); thuanphuong1510@gmail.com - Le Võ Phương Thuận; Đào Hoàng Chương (Học viên cao học);	001108 - Nguyễn Thành Tiên
449	Artificial intelligence-based modeling and optimization of heat-affected zone and magnetic property in pulsed laser cutting of thin nonoriented silicon steel	002696 - Nguyễn Hoài Tân [a] (BM. Kỹ thuật Cơ khí - Khoa Công nghệ); 000466 - Nguyễn Văn Cương [b] (BM. Kỹ thuật Cơ khí - Khoa Công nghệ); Chih-Kuang Lin [a]; Pi-Cheng Tung [a]; jrho@ncu.edu.tw - Jeng-Rong Ho [a] (Department of Mechanical Engineering, National Central University, 300 Zhongda Road, Zhongli District, Taoyuan City 32001, Taiwan, Republic of China);	002696 - Nguyễn Hoài Tân
450	Ecosystem Service Modelling to Support Nature-Based Flood Water Management in the Vietnamese Mekong River Delta	anh.dang@vuw.ac.nz - Đặng Ánh Nguyệt [a,b] (School of Geography, Environment and Earth Sciences, Victoria University of Wellington, New Zealand); nguyenho9@gmail.com - Nguyễn Hồ [d,e] (Khoa Kĩ thuật Công nghệ, Trường Đại học Đồng Tháp); Trần Đức Dũng[f] (Center of Water Management and Climate Change, Institute for Environment and Resources, Vietnam National University); 001289 - Nguyễn Thị Hồng Điệp [g] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	001289 - Nguyễn Thị Hồng Điệp

		hohuuloc@ait.asia - Hồ Hữu Lộc [h]; bethanna.jackson@vuw.ac.nz - Bethanna Marie Jackson [a,b] (School of Geography, Environment and Earth Sciences, Victoria University of Wellington, New Zealand); rubianca.benavidez@vuw.ac.nz - rubianca.benavidez@vuw.ac.nz (School of Geography, Environment and Earth Sciences, Victoria University of Wellington, New Zealand); stephanie.tomscha@vuw.ac.nz - Stephanie Anne Tomscha (School of Biology, Victoria University of Wellington, New Zealand);	
451	Stakeholder Expectations of Future Policy Implementation Compared to Formal Policy Trajectories: Scenarios for Agricultural Food Systems in the Mekong Delta	cwh@geodata.soton.ac.uk - Craig Hutton [a] (School of Geography and Environmental Sciences, University of Southampton, Southampton SO17 1BJ, UK); 001560 - Văn Phạm Đăng Trí [d,e] (VP. Viện NCBĐ Khí hậu - Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu); oliver.hensengerth@northumbria.ac.uk - Oliver Hensengerth [b] (Department of Social Sciences, Northumbria University, Newcastle NE1 8ST, UK); berchoux@iamm.fr - Tristan Berchoux [c] (TETIS, CIHEAM-IAMM, University of Montpellier, AgroParisTech, CNRS, CIRAD, INRAE, 34090 Montpellier, France); Thi Tong [f] (Vietnam Institute of Economic, Vietnam Academy of Social Sciences, Floors 11–12, 1B Lieu Giai, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam); Nghia Hung [g] (Southern Institute of Water Resource Research (SIWRR), 658 Vo Van Kiet Str., Ward 1, Dist. 5, Ho Chi Minh City, Vietnam); Hal Voepel [a] (School of Geography and Environmental Sciences, University of Southampton, Southampton SO17 1BJ, UK); Stephen Darby [a] (School of Geography and Environmental Sciences, University of Southampton, Southampton SO17 1BJ, UK); Duong Bui [h] (Vietnam National Center for Water Resources Planning and Investigation (NAWAPI), No. 93/95, Vu Xuan Thieu Street, Long Bien District, Hanoi City, Vietnam); Thi N. Bui [h] (Faculty of Environment, Hanoi University of Natural Resources and Environment (HUNRE), No. 41A Phudien Street, North Tuliem District, Hanoi City, Vietnam); Nguyen Huy [k] (Oxfam, 22 Le Dai Hanh, Ha Noi,	001560 - Văn Phạm Đăng Trí

		Vietnam); d.parsons@hull.ac.uk - Dan Parson [l] (Energy and Environment Institute, University of Hull, Kingston upon Hull HU6 7RX, UK);	
452	Effects of stocking densities and feeding rates on water quality, feed efciency, and performance of white leg shrimp Litopenaeus vannamei in an integrated system with sea grape Caulerpa lentillifera.	001798 - Nguyễn Thị Ngọc Anh [a] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); felixshayo@gmail.com - Felix A. Shayo [b] (Ghent University, Belgium); nancy.nevejan@ugent.be - Nancy Nevejan [b] (Ghent University, Belgium); 000785 - Nguyễn Văn Hòa [a] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản);	001798 - Nguyễn Thị Ngọc Anh
453	Local Surface Plasmonic Resonance, Surface-Enhanced Raman Scattering, Photoluminescence, and Photocatalytic Activity of Hydrothermal Titanate Nanotubes Coated with Ag Nanoparticles	thuyphamconan@gmail.com - Phạm Thị Thủy a (Học viên cao học Sinh thái học K22); 001076 - Nguyễn Trí Tuấn c (BM. Vật lý hoc - Khoa Khoa hoc Tư nhiên); Nguyen Xuan Sang f (Department of Electronics and Telecommunication, Saigon University, 273 An Duong Vuong, ward 3, district 5, Ho Chi Minh City 700000, Vietnam); Pham Van Tuan d (ITIMS); Hoang Ba Cuong e (The Research Laboratories of Saigon High-Tech-Park); Vo Quang Mai a; Vo Cao Minh b;	001076 - Nguyễn Trí Tuấn
454	Foraging ecology of the amphibious mudskipper Periophthalmus chrysospilos (Gobiiformes: Gobiidae)	002002 - Đinh Minh Quang [a] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); B1700358 - Nguyễn Hữu Đức Tôn [a] (Khoa Sư phạm); Lâm Thị Huyền Trân[b,c] ; Nguyễn Thị Kiều Tiên [d]; Zeehan Jaafar [f] (National University of Singapore); Giang Van Tran[e] ;	002002 - Đinh Minh Quang
455	Antifungal Activities of Ageratum conyzoides L. Extract against Rice Pathogens Pyricularia oryzae Cavara and Rhizoctonia solani Kühn	002416 - Nguyễn Chí Cương[a,b] (BM. Bảo vệ thực vật - Khoa Nông nghiệp); 002782 - Nguyễn Quốc Châu Thanh [a,c] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); kanaori@kit.ac.jp - Kenji Kanaori [a] (Kyoto Institute of Technology); tdbinh22@gmail.com - Trần Duy Bình [a] (Kyoto Institute of Technology); 008871 - Đào Thị Hồng Xuyến [b] (BM. Bảo vệ thực vật - Khoa Nông nghiệp); 002143 - Lê Văn Vàng [b] (BM. Bảo vệ thực vật - Khoa Nông nghiệp); kame@kit.ac.jp - ;	002416 - Nguyễn Chí Cương
456	Central GABAA receptor mediates taurine-induced hypothermia and possibly reduces food intake in thermo-neutral chicks and regulates plasma metabolites in heat-exposed chicks	Mohamed Z. Elhussiny [a,f]; 002701 - Nguyễn Thị Ngọc Linh [a] (BM. Chăn nuôi - Khoa Nông nghiệp); Phuong V. Tran [a]; cuongpv.6210119@gmail.com - Cuong V. Pham [a] (Laboratory of Regulation in Metabolism and Behavior, Graduate School of Bioresource and Bioenvironmental Sciences, Faculty of	002701 - Nguyễn Thị Ngọc Linh

		Agriculture, Kyushu University, Fukuoka, Japan); Shogo Haraguchi [b]; Elizabeth R. Gilbert [c]; Mark A. Cline [c]; Takashi Bungo [d] (Laboratory of Animal Behavior and Physiology, Graduate School of Biosphere Science, Hiroshima University, Higashi-Hiroshima 739-8528, Japan); Mitsuhiro Furuse [a] (Laboratory of Regulation in Metabolism and Behavior, Graduate School of Bioresource and Bioenvironmental Sciences, Faculty of Agriculture, Kyushu University, Fukuoka, Japan); Vishwajit S. Chowdhury [a,e] (Laboratory of Stress Physiology and Metabolism, Division for Experimental Natural Science, Faculty of Arts and Science, Kyushu University, Fukuoka 819-0395, Japan);	
457	Effect of Substituting Fish Oil with Camelina Oil on Growth Performance, Fatty Acid Profile, Digestibility, Liver Histology, and Antioxidative Status of Red Seabream (Pagrus major)	Kumbukani Mzengereza [a,b,c] (The United Graduate School of Agriculture Sciences, Kagoshima University, 1-21-24 Korimoto, Kagoshima 890-0056, Japan); 002768 - Trần Nguyễn Duy Khoa [d,e] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); ishikawa@gmail.com - Manabu Ishikawa [a,b] (Kagoshima University); Shunsuke Koshio [b] (Laboratory of Aquatic Animal Nutrition, Faculty of Fisheries, Kagoshima University, Kagoshima 890-0056, Japan); Saichiro Yokoyama [b] (Laboratory of Aquatic Animal Nutrition, Faculty of Fisheries, Kagoshima University, Kagoshima 890-0056, Japan); Zhang Yukun [a,b] (Laboratory of Aquatic Animal Nutrition, Faculty of Fisheries, Kagoshima University, Kagoshima 890-0056, Japan); Ronick S. Shadrack [a,b] (Laboratory of Aquatic Animal Nutrition, Faculty of Fisheries, Kagoshima University, Kagoshima 890-0056, Japan); Seok Seo[a,b] (Laboratory of Aquatic Animal Nutrition, Faculty of Fisheries, Kagoshima University, Kagoshima 890-0056, Japan); Amina Moss [f] (Faculty of Pure and Applied Sciences, University of The Bahamas, University Drive, Nassau N-4912, Bahamas); dossou@gmail.com - Serge Dossou (Kagoshima University); Mohammed Fouad El Basuini (Department of Animal Production, Faculty of Agriculture, Tanta University, Tanta 31527, Egypt); Mahmoud A. O. Dawood (Department of Animal	002768 - Trần Nguyễn Duy Khoa

		Production, Faculty of Agriculture, Kafrelsheikh University, Kafr El-Sheikh 33516, Egypt);	
458	Assessment on controlling factors of urbanization possibility in a newly developing city of the Vietnamese Mekong delta using logistic regression analysis	001289 - Nguyễn Thị Hồng Điệp [a] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); ntcan93@gmail.com - Nguyễn Trọng Cần [a,b]; 002448 - Phan Kiều Diễm [a] (BM. Tài nguyên Đất đai - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001246 - Nguyễn Xuân Hoàng [a] (BM. Kỹ thuật Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); abdulla-al.kafy@localpathways.org - Abdulla - Al Kafy [c,d];	001289 - Nguyễn Thị Hồng Điệp
459	An Efficient Approach for Detecting Driver Drowsiness Based on Deep Learning	cangpa@vlute.edu.vn - Phan Anh Cang [a] (Khoa Công Nghệ Thông Tin, Trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Vĩnh Long); nnhquyen0701@gmail.com - Nguyễn Ngọc Hoàng Quyên [a] (Khoa Công Nghệ Thông Tin, Trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Vĩnh Long); ttngoan@cit.ctu.edu.vn - Triệu Thanh Ngoan [b] (Khoa Công Nghệ Thông Tin, Trường Đại học Cần Thơ); 001230 - Phan Thượng Cang [c] (BM. Mạng Máy tính & TT - Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông);	001230 - Phan Thượng Cang
460	On kurtoses of two symmetric or asymmetric populations	Kim-Hung Pho [c] (Fractional Calculus, Optimization and Algebra Research Group, Faculty of Mathematics and Statistics, Ton Duc Thang University, Ho Chi Minh City, Vietnam); 001725 - Bùi Anh Tuấn [b] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); Mohammad Reza Mahmoudi[a] (Department of Statistics, Faculty of Science, Fasa University, Fasa, Fars, Iran);	001725 - Bùi Anh Tuấn
461	Qualitative properties of solutions to set optimization problems	001056 - Lâm Quốc Anh [a,b] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); nhdanh@tdu.edu.vn - Nguyễn Hữu Danh [c,d] (Department of Mathematics, Taydo University, Cantho City,Vietnam.); ptduoc@vttu.edu.vn - Phạm Thanh Dược [e]; 002839 - Trần Ngọc Tâm [f] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên);	001056 - Lâm Quốc Anh
462	Use of different seaweeds as shelter in nursing mud crab, Scylla paramamosain: Effects on water quality, survival, and growth of crab	002423 - Lý Văn Khánh [a] (VP. Khoa Thủy sản - Khoa Thủy sản); cliford2210@yahoo.com.ph - Cliford Polo Arsa [a]; 001798 - Nguyễn Thị Ngọc Anh [a] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); 000273 - Trần Ngọc Hải [a] (BM. Kỹ	002423 - Lý Văn Khánh

		thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản);	
463	Pilot-Scale Study of Real Domestic Textile Wastewater Treatment Using Cassia fistula Seed-Derived Coagulant	trungdm@tdmu.edu.vn - Đào Minh Trung [a] (Khoa Khoa học Tự nhiên - Trường Đại học Thủ Dầu Một); 001297 - Nguyễn Võ Châu Ngân [b] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); nhatt@tdmu.edu.vn - Trần Thanh Nhã [a] (Khoa Khoa học Tự nhiên - Trường Đại học Thủ Dầu Mộ); nxdu@sgu.edu.vn - Nguyễn Xuân Dũ [c] (Trường Đại học Sài Gòn); moitruongviet.thuong@gmail.com - Võ Đức Thưởng [a] (Bộ môn Công nghệ Môi trường - Trường Đại học Thủ Dầu Một); nguyenvankieu2@duytan.edu.vn - Nguyễn Vân Kiều [d,e] (Khoa Khoa học Tự nhiên - Trường Đại học Duy Tân); tranghltt@tdmu.edu.vn - Hoàng Lê Thuy Thùy Trang [a] (Bộ môn Công nghệ Môi trường - Trường Đại học Thủ Dầu Một);	001297 - Nguyễn Võ Châu Ngân
464	Projection methods for high numerical aperture phase retrieval	001997 - Nguyễn Hiếu Thảo[a,b] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); Oleg Soloviev [a,c] (Trường Đại học Công Nghệ Delft); Russell Luke [d]; Michel Verhaegen [a];	001997 - Nguyễn Hiếu Thảo
465	Alternate wetting and drying enhanced the yield of a triple-cropping rice paddy of the Mekong Delta	Hironori Arai [a,b,c] (Nhật Bản); Yasukazu Hosen [a,d] (Nhật Bản); 000398 - Nguyễn Hữu Chiếm [e] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); Kazuyuki Inubushi [b] (Nhật Bản);	000398 - Nguyễn Hữu Chiếm
466	Effects of Different Densities of Sea Grape Caulerpa lentillifera on Water Quality, Growth and Survival of the Whiteleg Shrimp Litopenaeus vannamei in Polyculture System	002423 - Lý Văn Khánh (VP. Khoa Thủy sản - Khoa Thủy sản); daviskamaa26@gmail.com - David Kamau Murungu (Can Tho University); nguyenphuongdung220@gmail.com - Nguyễn Phương Dung (Sinh viên lớp NTTS tiên tiến K42, Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ); 001798 - Nguyễn Thị Ngọc Anh (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản);	002423 - Lý Văn Khánh
467	The moderating role of R&D intensity on the association between external embeddedness and subsidiary product innovation: evidence from Vietnam	001470 - Võ Văn Dứt [a] (BM. Kinh doanh Quốc tế - Khoa Kinh tế); Chris Rowley [b]; 001047 - Nguyễn Hữu Đặng [a] (BM. Kế toán - Kiểm toán - Khoa Kinh tế);	001470 - Võ Văn Dứt
468	On Hölder calmness and Hölder well-posedness for optimal control problems	001056 - Lâm Quốc Anh [a](BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); vthanhtai@agu.edu.vn - Võ Thành Tài [b,c] (Trường Đại học An Giang); 002839 - Trần Ngọc Tâm [d] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên);	001056 - Lâm Quốc Anh
469	On Lipschitz continuity of approximate solutions to set-valued	001056 - Lâm Quốc Anh [a] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); 002839 - Trần	001056 - Lâm Quốc Anh

	equilibrium problems via nonlinear scalarization	Ngọc Tâm [b] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên); nhdanh@tdu.edu.vn - Nguyễn Hữu Danh [c,d] (Department of Mathematics, Taydo University, Cantho City,Vietnam.);	
470	A linear space adjustment by mapping data into an intermediate space and keeping low level data structures	Weiqing Fu [a] (a School of Electronic and Electrical Engineering, Shanghai University of Engineering Science, Shanghai City, China); 001725 - Bùi Anh Tuấn [f] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); Hamid Parvin [b,c] (Depparteman of Computer Science, Nourabad Mamasani Branch, Islamic Azad University, Mamasani, IR and Young Researchers and Elite Club, Nourabad Mamasani Branch, Islamic Azad University, Mamasani, IR); Mohammad Reza Mahmoudi [d,e] (Institute of Research and Development, Duy Tan University, Da Nang, Vietnam and Department of Statistics, Faculty of Science, Fasa University, Fasa, Iran); Kim-Hung Pho [g] (Fractional Calculus, Optimization and Algebra Research Group, Faculty of Mathematics and Statistics, Ton Duc Thang University, Ho Chi Minh City, Vietnam);	001725 - Bùi Anh Tuấn
471	Phytochemicals, Antioxidant and Antidiabetic Activities of Extracts from Miliusa velutina Flowers	002453 - Võ Thị Tú Anh [a,b] (BM. Sinh học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 001399 - Lưu Thái Danh [c] (BM. Di truyền và Chọn giống Cây trồng - Khoa Nông nghiệp); 001040 - Đái Thị Xuân Trang [b] (BM. Sinh học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 000020 - Nguyễn Trọng Tuân [b] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 002300 - Phạm Khánh Nguyên Huân [b] (BM. Sinh học - Khoa Khoa học Tự nhiên); kame@kit.ac.jp - Kaeko Kamei [a] (Department of Biomolecular Engineering, Kyoto Institute of Technology, Matsugasaki, Sakyo-ku, Kyoto 606-8585 and 2Hiyoshi, 908 Kitanosho, Omihachiman, Shiga 523-8555, Japan); 009925 - Trần Chí Linh [b] (BM. Sinh học - Khoa Khoa học Tự nhiên);	002453 - Võ Thị Tú Anh
472	Ergothioneine extract from Aspergillus oryzae prevents lipid oxidation and increases bioactive compounds during the processing of germinated brown rice	001120 - Nguyễn Công Hà [a] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Khoa Nông nghiệp); Doan Le Phuong Thao [a] ; 009961 - Nguyễn Thị Lệ Ngọc [a] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Khoa Nông nghiệp);	001120 - Nguyễn Công Hà
473	Ergothioneine accumulated in the catfish muscle by supplementation	001120 - Nguyễn Công Hà [a] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Khoa Nông nghiệp);	001120 - Nguyễn Công

	of Flammulina velutipes extract prevents lipid oxidation, improves color stability, and limits soft structure of the fillet during frozen storage	Le Thi Bich Hiep [a,b]; Le Van Toan[a,b]; Le Thi Hong Nho [a]; Nguyen Thi Ngoc Tuyet ;	Hà
474	Effects of green tea (Camellia sinensis) and guava (Psidium guajava) extracts on the quality of snakehead (Channa striata) fillets during ice storage	htkduyencntp@gmail.com - Huỳnh Thị Kim Duyên [a]; 002521 - Nguyễn Quốc Thịnh[a] (BM. Chế biến Thủy sản - Khoa Thủy sản); 002421 - Trần Minh Phú (BM. Chế biến Thủy sản - Khoa Thủy sản); 002639 - Nguyễn Lê Anh Đào [a] (BM. Chế biến Thủy sản - Khoa Thủy sản); 002330 - Nguyễn Thị Như Hạ[a] (BM. Chế biến Thủy sản - Khoa Thủy sản); Hagiwara Tomoaki [b] (Department of Food Science and Technology, Tokyo University of Marine Science and Technology, Tokyo, Japan);	002521 - Nguyễn Quốc Thịnh
475	Effect of simulated sudden thunderstorm flood on the early stage development of Japanese flounder Paralichthys olivaceus	valdish_albert@yahoo.com - Albert Valdish Manuel [a] (Graduate School of Bioresources, Mie University, Tsu, Mie 514-8507, Japan); 002897 - Phan Thị Cẩm Tú[a,b] (BM. Thủy sinh học ứng dụng - Khoa Thủy sản); Satoshi Yamamoto [a] (Graduate School of Bioresources, Mie University, Tsu, Mie 514-8507, Japan); tsu2@bio.mie-u.ac.jp - Naoaki Tsutsui [a] (Graduate School of Bioresources, Mie University, Tsu, Mie 514-8507, Japan); takaoyos@bio.mie-u.ac.jp - Takao Yoshimatsu [a] (Graduate School of Bioresources, Mie University, Tsu, Mie 514-8507, Japan);	002897 - Phan Thị Cẩm Tú
476	The Tikhonov regularization for vector equilibrium problems	001056 - Lâm Quốc Anh [a] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); duytq4@fe.edu.vn - Tran Quoc Duy [b]; Le Dung Muu [c]; tritruongvan@hotmail.com - Truong Van Tri [d];	001056 - Lâm Quốc Anh
477	High environmental temperature and low pH stress alter the gill phenotypic plasticity of Hoven's carp Leptobarbus hoevenii	Suhaini Mohamad [a,b] (Higher Institution of Center Excellence, Universiti Malaysia Terengganu, Kuala Nerus, Malaysia); 002753 - Hứa Thái Nhân [e] (P. Hợp tác quốc tế - Phòng Hợp tác Quốc tế); liew@gmail.com - Hon Jung Liew [a,b,c,d] (UMT); Rabiatul Adawiyyah Zainuddin [a,b] (Institute of Tropical Aquaculture and Fisheries, Universiti Malaysia Terengganu, Kuala Nerus, Malaysia); Sharifah Rahmah [a,b,c] (Institute of Tropical Aquaculture and Fisheries, Universiti Malaysia Terengganu, 21030 Kuala Nerus, Terengganu, Malaysia); Khor Waiho [a,b] (Higher Institution of Center	002753 - Hứa Thái Nhân

		Excellence, Universiti Malaysia Terengganu, Kuala Nerus, Malaysia); Mazlan Abd Ghaffar [a,b,f] (Faculty of Science and Marine Environments, Universiti Malaysia Terengganu, Kuala Nerus, Malaysia); Jiun-Yan Loh [g] (Faculty of Applied Sciences, UCSI University, Cheras, Kuala Lumpur, Malaysia); Leong-Seng Lim [h] (Borneo Marine Research Institute, Universiti Malaysia Sabah, Kota Kinabalu, Malaysia); Yumei Chang [i] (Heilongjiang River Fisheries Research Institute, Chinese Academy of Fishery Sciences, Harbin, China); Liqun Liang [i] (Heilongjiang River Fisheries Research Institute, Chinese Academy of Fishery Sciences, Harbin, China); Gudrun De Boeck (Department of Biology, University of Antwerp, Antwerp, Belgium);	
478	Convex combination of alternating projection and Douglas–Rachford operators for phase retrieval	001997 - Nguyễn Hiếu Thảo [a,b] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); Michel Verhaegen[a]; Oleg Soloviev[a](Trường Đại học Công Nghệ Delft);	001997 - Nguyễn Hiếu Thảo
479	Pangasius Catfish Feeding with Flammulina velutipes Extract Decreases the Disease Ratio, Prevents Lipid Oxidation, Structure Damage and Color Changes during Cool Preservation	001120 - Nguyễn Công Hà [a] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Khoa Nông nghiệp); Le Thi Bich Hiep [a,b]; Le Van Toan [a,b] ; Khuu Thi Ngoc Han [a]; Le Thi Hong Nho [a]; Huynh Cam Nhu [a]; Pham Thi Ngoc Nhu [a]; Nguyen Thi Ngoc Tuyet [a]; Nguyen Thi Le Ngoc [a] ; Ibitoye Joshua Oladap [a];	001120 - Nguyễn Công Hà
480	Induced resistance against Fusarium solani root rot disease in cassava plant (Manihot esculenta Crantz) promoted by salicylic acid and Bacillus subtilis	Chanon Saengchan [a]; 002417 - Lê Thanh Toàn [c] (K. Bảo vệ thực vật - Trường Nông nghiệp); Rungthip Sangpueak[a]; Piyaporn Phansak [b] (Division of Biology, Faculty of Science, Nakhon Phanom University, Muang, Nakhon Phanom, Thailand); Natthiya Buensanteai [a];	002417 - Lê Thanh Toàn
481	Modeling population dynamics for information dissemination through Facebook	001067 - Huỳnh Xuân Hiệp [a] (BM. Công nghệ Phần mềm - Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông); lube@kgc.edu.vn - Lai Út Bé[b] (Trường Cao đẳng Kiên Giang); Duong Trung Nghia[c]; 002267 - Nguyễn Thanh Hải[a] (BM. Hệ thống Thông tin - Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông); 001230 - Phan Thượng Cang [a] (BM. Mạng Máy tính & TT - Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông);	001067 - Huỳnh Xuân Hiệp
482	Multiple drainage can deliver higher rice yield and lower methane emission in paddy fields in An	Kenichi Uno a; Kenji Ishido[a,b] ; 002655 - Nguyễn Xuân Lộc [c] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên	002655 - Nguyễn Xuân Lộc

	Giang Province, Vietnam	Thiên nhiên); 000398 - Nguyễn Hữu Chiếm [c] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); minakazu@affrc.go.jp - Kazunori Minamikawa [d] (Crop, Livestock and Environment Division, Japan International Research Center for Agricultural Sciences, 1-1 Ohwashi, Tsukuba, Ibaraki 305-8686, Japan);	
483	On the existence and stability of solutions to stochastic equilibrium problems	001056 - Lâm Quốc Anh [a] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); nxhai@ptithcm.edu.vn - Nguyen Xuan Hai [b] (Department of Scientific Fundamentals, Posts and Telecommunications Institute of Technology of Vietnam, Ho Chi Minh City, Vietnam); 002236 - Nguyễn Trung Kiên [a] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); Nguyễn Hồng Quân [b] (Institute for Environment and Resources (IER) ? Vietnam National University, Ho Chi Minh City); dangthimyvan@gmail.com - Đặng Thị Mỹ Vân [c] (Department of Mathematics, CanthoCollege, Cantho, Vietnam);	001056 - Lâm Quốc Anh
484	On Second-Order Composed Proto-Differentiability of Proper Perturbation Maps in Parametric Vector Optimization Problems	001518 - Lê Thanh Tùng [a] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên);	001518 - Lê Thanh Tùng
485	A long-term observation for ecology of pathogenic Yersinia in wild rodents living in Fukushima Prefecture, Japan	buithihien@huaf.edu.vn - Bùi Thị Hiền [a] ; 002796 - Nguyễn Khánh Thuận [a,b] (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); Shunsuke Ikeuchi [a]; Haruka Yanagawa [a] (Tokyo University of Agriculture and Technology); Yomogi Sato [a] (Tokyo University of Agriculture and Technology); Trần Thị Hồng Tơ [a] ; Minano Okumura [a] (Tokyo University of Agriculture and Technology); Takeshi Niwa [a] (Tokyo University of Agriculture and Technology); Takahide Taniguchi [a] (Tokyo University of Agriculture and Technology); eisei@cc.tuat.ac.jp - Hayashidani Hideki;	002796 - Nguyễn Khánh Thuận
486	Genetic diversity of the tire track eel Mastacembelus favus in Southeast Asia inferred from microsatellite markers	jamsari_85@yahoo.co - Jamsari Amirul Firdaus Jamaluddin [a] (Malaysia); 000263 - Bùi Minh Tâm [b] (BM. Kỹ thuật nuôi Thủy sản nước ngọt - Khoa Thủy sản); Nam So [c,d] (Inland Fisheries Research and Development Institute, Phnom Penh Cambodia); Amirrudin Ahmad [e] (Faculty of Science & Technology, Universiti Malaysia Terengganu, Terengganu,	000263 - Bùi Minh Tâm

		Malaysia); Chaiwut Grudpan [f] (Thailand); Amir Shah Ruddin Md Sah [a] (Malaysia); Siti Azizah Mohd Nor [a,g] (Centre for Global Sustainability Studies, Universiti Sains Malaysia, Penang, Malaysia,);	
487	Levitin-Polyak well-posedness by perturbations for strong vector mixed quasivariational inequality problems	Panatda Boonman[1] (Faculty of Science, Department of Mathematics, Naresuan University, Phitsanulok, Thailand); 001056 - Lâm Quốc Anh[2] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); Rabian Wangkeeree[1,*];	001056 - Lâm Quốc Anh
488	On Well-Posedness for Perturbed Quasi-Equilibrium and Quasi-Optimization Problems	001056 - Lâm Quốc Anh [a] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); Phan Quoc Khanh [b]; dangthimyvan@gmail.com - Đặng Thị Mỹ Vân [c] (Department of Mathematics, CanthoCollege, Cantho, Vietnam);	001056 - Lâm Quốc Anh
489	Levitin–Polyak well-posedness for equilibrium problems with the lexicographic order	001056 - Lâm Quốc Anh [a] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); duytq4@fe.edu.vn - Tran Quoc Duy [b,c]; Phan Quoc Khanh [d];	001056 - Lâm Quốc Anh
490	Kinetic modeling of essential oil hydro-distillation from peels of pomelo (Citrus grandis L.) fruit grown in Southern Vietnam	Đào Tấn Phát [a] (Trường Đại học Nguyễn Tất Thành); 002337 - Huỳnh Xuân Phong[c] (BM. Công nghệ Sinh học Vi sinh vật - Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Sinh học); maihuynhcang@hcmuaf.edu.vn - Mai Huỳnh Cang [d] (Đại Học Nông Lâm Thành Phố Hồ Chí Minh); Bạch Long Giang [b]; 000352 - Nguyễn Văn Mười [c] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Khoa Nông nghiệp);	002337 - Huỳnh Xuân Phong
491	Optimality conditions and duality for multiobjective semi-infinite programming on Hadamard manifolds	001518 - Lê Thanh Tùng [a] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 001110 - Đặng Hoàng Tâm [a] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên);	001518 - Lê Thanh Tùng
492	ASSOCIATION OF THE PAX7'S 31-BP-INDEL POLYMORPHISM WITH SOME MEAT QUALITY TRAITS IN VIETNAMESE NOI CHICKENS AT 91 DAYS OLD	N.T.D. Thuy [a]; 002701 - Nguyễn Thị Ngọc Linh [b] (BM. Chăn nuôi - Khoa Nông nghiệp); N.T.H. Tuoi [b,f]; N.T. Giang [c,d]; 001190 - Huỳnh Thị Phương Loan [b] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Khoa Nông nghiệp); T.T. Hoan [b] ; D.V.A. Khoa [e,f];	002701 - Nguyễn Thị Ngọc Linh
493	Ovarian Development, Spawning Characteristics, Size at First Maturity and Fecundity of Glossogobius sparsipapillus Akihito & Meguro, 1976 (Gobiiformes: Gobiidae) along Estuarine and Coastal Regions in the Mekong Delta, Vietnam	Nguyễn Hữu Đức Tôn [a] (Sinh viên Ngành Sư phạm Sinh học K43); B1700339 - Nguyễn Thị Thúy Hiền[a] (Khoa Sư phạm); B1700328 - Trần Chí Cảnh [a] (Khoa Sư phạm); Nguyễn Thị Nhã Ý [b]; 002002 - Đinh Minh Quang [a] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm);	002002 - Đinh Minh Quang
494	Variation in Growth and Condition Factors of Three Commercial Fish Species in Habitats Associated with	Trần Thanh Lâm a (Trường Đại học Bạc Liêu); Lâm Thị Huyền Trân [b]; 002002 - Đinh Minh Quang [d] (BM. SP Sinh học -	002002 - Đinh Minh Quang

	Rice Paddy Fields in An Giang Province, Vietnam	Khoa Sư phạm); 002262 - Trần Sỹ Nam [c] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên);	
495	Economic Efficiency of Intensive Shrimp Farming in Transforming Areas of The Coastal Mekong Delta	002443 - Võ Hồng Tú a (BM. Kinh tế - Xã hội Nông thôn - Khoa Phát triển Nông thôn); 002514 - Nguyễn Thùy Tranga (BM. Kinh tế - Xã hội Nông thôn - Khoa Phát triển Nông thôn); yabe@agr.kyushu-u.ac.jp - Mitsuyasu Yabe b;	002443 - Võ Hồng Tú
496	Environmental Efficiency of Intensive Shrimp Farming in Transforming Areas of The Coastal Mekong Delta	002443 - Võ Hồng Tú [a] (BM. Kinh tế - Xã hội Nông thôn - Khoa Phát triển Nông thôn); 002514 - Nguyễn Thùy Trang[a] (BM. Kinh tế - Xã hội Nông thôn - Khoa Phát triển Nông thôn); nguyen.bich.hong85@gmail.com - Nguyễn Bích Hồng [b] (Bộ môn Kinh tế nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Khoa Kinh tế, Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh Thái Nguyên, Phường Tân Thịnh, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.); 001636 - Lê Thanh Sơn [a] (BM. Kinh tế - Xã hội Nông thôn - Khoa Phát triển Nông thôn); 001781 - Châu Thị Lệ Duyên [c] (BM. Quản trị Kinh doanh - Khoa Kinh tế); yabe@agr.kyushu-u.ac.jp - Mitsuyasu Yabe [d];	002443 - Võ Hồng Tú
497	Factor Associated With Teacher Satisfaction and Online Teaching Effectiveness Under Adversity Situations: A Case of Vietnamese Teachers During COVID-19	000155 - Phạm Phương Tâm[a] (TT. Liên kết Đào tạo - Trung tâm Liên kết Đào tạo); Thanh-Thao Thi Phan [b]; Yen-Chi Nguyen [c]; Anh-Duc Hoang [c,d];	000155 - Phạm Phương Tâm
498	Perspectives on COVID-19 prevention and treatment using herbal medicine in Vietnam: A cross-sectional study	tvde@ctump.edu.vn - Trần Văn Đệ [a,b]; 002848 - Phạm Duy Toàn [c] (BM. Hóa học - Khoa Khoa học Tự nhiên); Cao Thị Tài Nguyên [d]; Mohammed Bahlol [e,f]; Rebecca Susan Dewey [g]; Lê Minh Hoàng [b]; vananh.knla@gmail.com - Nguyễn Vân Anh [h] (Lớp Cao học Công nghệ Sinh học khóa 25, Trường Đại học Cần Thơ);	002848 - Phạm Duy Toàn
499	Prevalence and antibiotic resistance of Salmonella isolated from poultry and its environment in the Mekong Delta, Vietnam	002796 - Nguyễn Khánh Thuận [a] (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); 002647 - Nguyễn Thanh Lãm [a] (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); 002294 - Châu Thị Huyền Trang [a] (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); 002251 - Nguyễn Thu Tâm [a] (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); 000394 - Trần Ngọc Bích [a] (K. Thú y - Trường Nông nghiệp); Takahide Taniguchi [b] (Tokyo University of Agriculture and Technology); eisei@cc.tuat.ac.jp - Hayashidani Hideki [b]; 000386 - Lý Thị Liên Khai [a] (K. Thú y - Trường Nông	002796 - Nguyễn Khánh Thuận

		nghiệp);	
500	The Impact of Access to Cooperatives on Households' Income: An Empirical Study in Vietnam	001630 - Vương Quốc Duy [a] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế); 002820 - Trần Việt Thanh Trúc [a] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế); vangdq@hcmute.edu.vn - Đàng Quang Vắng [c]; 000541 - Mai Văn Nam [b] (VP. Khoa Sau Đại học - Khoa Sau Đại học);	001630 - Vương Quốc Duy
501	The moderating role of subsidiary size on the association between institutional distance and subsidiary's access to complementary local assets: evidence from Vietnam	001470 - Võ Văn Dứt [a] (K. Kinh doanh Quốc tế - Trường Kinh tế); Yusaf H. Akbar [b]; 000560 - Trương Đông Lộc [a] (K. Tài chánh-Ngân hàng - Trường Kinh tế);	001470 - Võ Văn Dứt
502	Reproductive traits of Goby Glossogobius sparsipapillus Akihito and Meguro, 1976 in Tra Vinh Province, Vietnam	Hồ Khánh Nam [a] (Đại học Trà Vinh); Nguyễn Minh Tuấn [b] ; 002002 - Đinh Minh Quang [c] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm);	002002 - Đinh Minh Quang
503	Testicular development and reproductive references of Glossogobius giuris in Mekong Delta, Vietnam	002002 - Đinh Minh Quang [a] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 000308 - Trương Trọng Ngôn [b] (BM. Công nghệ Sinh học Phân tử - Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Sinh học); 002262 - Trần Sỹ Nam [c] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); B1700358 - Nguyễn Hữu Đức Tôn [a] (Khoa Sư phạm);	002002 - Đinh Minh Quang
504	Vietnamese Women Rural Migrants' Social Vulnerability Under the Lens of Hegemonic Masculinities and Confucianism	001542 - Huỳnh Thị Cẩm Lý (BM. Quản trị Kinh doanh - Khoa Kinh tế);	001542 - Huỳnh Thị Cẩm Lý
505	The COVID-19 Pandemic and Its Impacts on Tourism Business in a Developing City: Insight from Vietnam	001851 - Huỳnh Văn Đà [a] (BM. Lịch sử - Địa lý - Du lịch - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn); 002242 - Trương Thị Kim Thủy [a] (BM. Lịch sử - Địa lý - Du lịch - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn); 700395 - Dương Hải Long [a,b] (BM. Tiếng Anh căn bản và chuyên ngành - Khoa Ngoại ngữ); 002006 - Nguyễn Trọng Nhân [a] (BM. Lịch sử - Địa lý - Du lịch - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn); 010032 - Đào Vũ Hương Giang [a] (BM. Lịch sử - Địa lý - Du lịch - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn); 000158 - Đào Ngọc Cảnh [a] (BM. Lịch sử - Địa lý - Du lịch - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn);	002242 - Trương Thị Kim Thủy
506	Risks and risk responses of rice farmers in the Mekong Delta, Vietnam	001779 - Nguyễn Tuấn Kiệt [a] (BM. Kinh tế - Khoa Kinh tế); 002496 - Hồ Hữu Phương Chi [a] (BM. Kế toán - Kiểm toán - Khoa Kinh tế); trinhcongduc2011@gmail.com - Trịnh	001779 - Nguyễn Tuấn Kiệt

		Công Đức [b];	
507	PILED RAFT - AN EFFECTIVE FOUNDATION DESIGN METHOD FOR HIGH-RISE BUILDINGS IN HO CHI MINH CITY, VIET NAM	Ha Tran Quang [a]; 002674 - Trần Văn Tuẩn [b] (BM. Kỹ thuật Xây dựng - Khoa Công nghệ); Kamol Amornfa [a];	002674 - Trần Văn Tuẩn
508	Evaluation of Street Food Safety and Hygiene Practices of Food Vendors in Can Tho City of Vietnam	001619 - Tống Thị Ánh Ngọc[a] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Khoa Nông nghiệp); Pisavanh Kittirath [a,b]; Salako Damilola Abiola [a]; lndduy@hcmut.edu.vn - Lê Nguyễn Đoan Duy [c] (Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh); 001120 - Nguyễn Công Hà [a] (BM. Công nghệ Thực phẩm - Khoa Nông nghiệp);	001619 - Tống Thị Ánh Ngọc
509	Effect of electric fields on the electronic and thermoelectric properties of zigzag buckling silicene nanoribbons	Thi-Kim-Quyen Nguyen [a,b] (School of Graduate, Can Tho University, Can Tho, Vietnam 2 Faculty of Engineering and Technology, Kien Giang University, Kien Giang, Vietnam); 001859 - Vũ Thanh Trà [c] (BM. SP Vật lý - Khoa Sư phạm); Nguyen-Huu-Hanh Pham [a] (School of Graduate, Can Tho University, Can Tho, Vietnam); 001999 - Phan Thị Kim Loan [c] (BM. SP Vật lý - Khoa Sư phạm); Van-Truong Tran [d] (IEF, Université Paris-sud, CNRS, UMR 8622, Bât 220, 91405 Orsay, France.);	001859 - Vũ Thanh Trà
510	Determinants of Liquidity of Commercial Banks: Empirical Evidence from the Vietnamese Stock Exchange	Hanh Thi Van Nguyen [a]; 001470 - Võ Văn Dứt [b] (BM. Kinh doanh Quốc tế - Khoa Kinh tế);	001470 - Võ Văn Dứt
511	Evidencing some reproductive aspects of a commercial gobiid species Glossogobius aureus Akihito & Meguro, 1975 in Hau River, Vietnam	002002 - Đinh Minh Quang [a] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 000308 - Trương Trọng Ngôn [b] (BM. Công nghệ Sinh học Phân tử - Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Sinh học); Lâm Thị Huyền Trân [b,c]; B1700358 - Nguyễn Hữu Đức Tôn [a] (Khoa Sư phạm); 002262 - Trần Sỹ Nam [d] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); Nguyễn Thị Kiều Tiên [e];	002002 - Đinh Minh Quang
512	Stock assessment of two populations of Glossogobius sparsipapillus (Osteichthyes, Gobiidae) in the Mekong Delta	Nguyễn Thị Kiều Tiên [a,b]; 002002 - Đinh Minh Quang [c] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); 002262 - Trần Sỹ Nam [d] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); B1700358 - Nguyễn Hữu Đức Tôn [c] (Khoa Sư phạm);	002002 - Đinh Minh Quang
513	Vietnamese Short Text Classification via Distributed Computation	Hiep Xuan Huynh[1]*, Linh Xuan Dang[2], Nghia Duong-Trung[3], Cang Thuong Phan[4]	001067 - Huỳnh Xuân Hiệp
514	The Effect of Employees' Job Satisfaction on Customer	001983 - Nguyễn Quốc Nghi[a] (BM. Marketing - Khoa Kinh tế); 000541 - Mai	001983 - Nguyễn Quốc

	Satisfaction and Loyalty: An Empirical Study in Vietnam	Văn Nam [c] (VP. Khoa Sau Đại học - Khoa Sau Đại học); 002223 - Hoàng Thị Hồng Lộc [c] (BM. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Khoa Kinh tế); Huỳnh Văn Bá [b] (Trường Đại học Y Dược Cần Thơ);	Nghi
515	Maneuverable Autonomy of a Six-legged Walking Robot: Design and Implementation using Deep Neural Networks and Hexapod Locomotion	001067 - Huỳnh Xuân Hiệp [a] (BM. Công nghệ Phần mềm - Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông); Duong Trung Nghia [b]; Nguyễn Quốc Nam Trân [a]; Lê Hoài Bảo [a]; hungtam0110@gmail.com - Lê Hùng Tâm [a] (Công ty BTN Global);	001067 - Huỳnh Xuân Hiệp
516	Bio-pretreatment Enhances Biogas Production from Co-digestion of Rice Straw and Pig Manure	002262 - Trần Sỹ Nam [a] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 009791 - Huỳnh Văn Thảo [a] (BM. Khoa học Môi trường - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); 001297 - Nguyễn Võ Châu Ngân [a] (BM. Tài nguyên nước - Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên); Kjeld Ingvorsen [b] (Khoa Khoa học Sinh học, trường Đại học Aarhus, Đan Mạch);	002262 - Trần Sỹ Nam
517	Collaborative Recommendation based on Implication Field	Nguyễn Tấn Hoàng [a]; 001232 - Phan Phương Lan [b] (BM. Công nghệ Phần mềm - Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông); hhhung@dut.udn.vn - Huỳnh Hữu Hưng [c]; 001067 - Huỳnh Xuân Hiệp [b] (BM. Công nghệ Phần mềm - Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông);	001232 - Phan Phương Lan
518	Do management practices and competition levels increase commercial bank profits? Evidence from Can Tho, Viet Nam	001779 - Nguyễn Tuấn Kiệt [a] (BM. Kinh tế - Khoa Kinh tế); 002496 - Hồ Hữu Phương Chi [a] (BM. Kế toán - Kiểm toán - Khoa Kinh tế);	001779 - Nguyễn Tuấn Kiệt
519	Thermal polymerization induced phase separation of poly(methyl methacrylate)/poly(2-hydroxyethyl methacrylate) blend for soft optical materials	001920 - Văn Phạm Đan Thủy [a] (Ban Quản lý Dự án ODA Trường Đại học Cần Thơ - Ban Quản lý Dự án ODA TĐHCT); qui@ctu.edu.vn - Qui Tran-Cong-Miyata [b]; Ngoc-Han Bui-Thi [a];	001920 - Văn Phạm Đan Thủy
520	Existence and well-posedness for excess demand equilibrium problems	001056 - Lâm Quốc Anh[a] (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm); duytq4@fe.edu.vn - Tran Quoc Duy[d]; ptduoc@vttu.edu.vn - Phạm Thanh Dược[b,c];	001056 - Lâm Quốc Anh
521	Various Types of Well-Posedness for Vector Equilibrium Problems with Respect to the Lexicographic Order	001056 - Lâm Quốc Anh (BM. SP Toán học - Khoa Sư phạm);	001056 - Lâm Quốc Anh
522	Influence of salinity on nursery-phase whiteleg shrimp (Litopenaeus vannamei) reared in a biofloc system	000785 - Nguyễn Văn Hòa [a] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); 000273 - Trần Ngọc Hải [a] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); 002336 - Châu Tài Tảo [a] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); terahara@kaiyodai.ac.jp - Takeshi	000785 - Nguyễn Văn Hòa

		Terahara [b] (Tokyo University of Marine Science and Technology, Etchujima Campus, Koto-ku, Tokyo, Japan);	
523	The Tourism–Poverty Nexus: Does Tourism Spending Influence Poverty Rates? Empirical Evidence from Regional Vietnamese Data	001783 - Ngô Thị Thanh Trúc [a] (BM. Kinh tế Tài nguyên Môi trường - Khoa Kinh tế); jb@econ.au.dk - Jan Bentzen [b] (Department of Economics and Business Economics, Aarhus University, Aarhus V, Denmark);	001783 - Ngô Thị Thanh Trúc
524	Diet composition and feeding habit of Glossogobius sparsipapillus caught from estuarine regions in the Mekong Delta	Trần Chí Cảnh [a] (Sinh viên Ngành Sư phạm Sinh học K43); B1700358 - Nguyễn Hữu Đức Tôn [a] (Khoa Sư phạm); B1700339 - Nguyễn Thị Thúy Hiền [a] (Khoa Sư phạm); B1900977 - Võ Thị Thảo Lam [a] (Khoa Sư phạm); 002002 - Đinh Minh Quang [a] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm);	002002 - Đinh Minh Quang
525	Homeomorphic optimality conditions and duality for semi-infinite programming on smooth manifolds	001518 - Lê Thanh Tùng[a] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên); 001110 - Đặng Hoàng Tâm [a] (BM. Toán học - Khoa Khoa học Tự nhiên);	001518 - Lê Thanh Tùng
526	Morphometrics, growth pattern and condition factor of Periophthalmus chrysospilos Bleeker, 1853 (Gobiiformes: Oxudercidae) living in the Mekong Delta	002002 - Đinh Minh Quang [a] (BM. SP Sinh học - Khoa Sư phạm); B1700358 - Nguyễn Hữu Đức Tôn [a] (Khoa Sư phạm); 000308 - Trương Trọng Ngôn [b] (BM. Công nghệ Sinh học Phân tử - Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ Sinh học); Trần Thanh Lâm [c] (Trường Đại học Bạc Liêu); Nguyễn thị Kiều Tiên [d] (THPT An Khánh);	002002 - Đinh Minh Quang
527	Determinants of Technical Efficiency of Microenterprises in Vietnam: A Case Study of Coconut Handicraft Industry	001280 - Lê Tấn Nghiêm [b] (BM. Quản trị Kinh doanh - Khoa Kinh tế); 001753 - Lê Long Hậu [a] (BM. Tài chánh-Ngân hàng - Khoa Kinh tế); 002820 - Trần Việt Thanh Trúc [a] (BM. Tài chánh-Ngân hàng - Khoa Kinh tế);	001280 - Lê Tấn Nghiêm
528	Caligus coryphaenae infection from the Osumi strait, Southern Japan: A new record on wild yellowtail (Seriola quinqueradiata)	002768 - Trần Nguyễn Duy Khoa [a,b] (BM. Kỹ thuật nuôi hải sản - Khoa Thủy sản); Faizah Shaharom Harrison [c] (Faculty of Fisheries and Food Science, Universiti Malaysia Terengganu, 21030 Kuala Nerus, Terengganu, Malaysia);	002768 - Trần Nguyễn Duy Khoa
529	Foliar selenium application for improving drought tolerance of sesame (Sesamum indicum L.)	002345 - Lê Vĩnh Thúc [a] (BM. Khoa học Cây trồng - Khoa Nông nghiệp); Jun-Ichi Sakagami [b]; Lê Thành Hưng[a] (Trung tâm nghiên cứu và phát triển nông nghiệp công nghệ cao - Ấp 1, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh.); 009767 - Trần Ngọc Hữu [a] (BM. Khoa học Cây trồng - Khoa Nông nghiệp); Lê Lý Vũ Vi [c] (Công ty Khoa học Nông Nghiệp Kyo); 002797 - Nguyễn Quốc	002345 - Lê Vĩnh Thúc

		Khương [a] (BM. Khoa học Cây trồng - Khoa Nông nghiệp);	